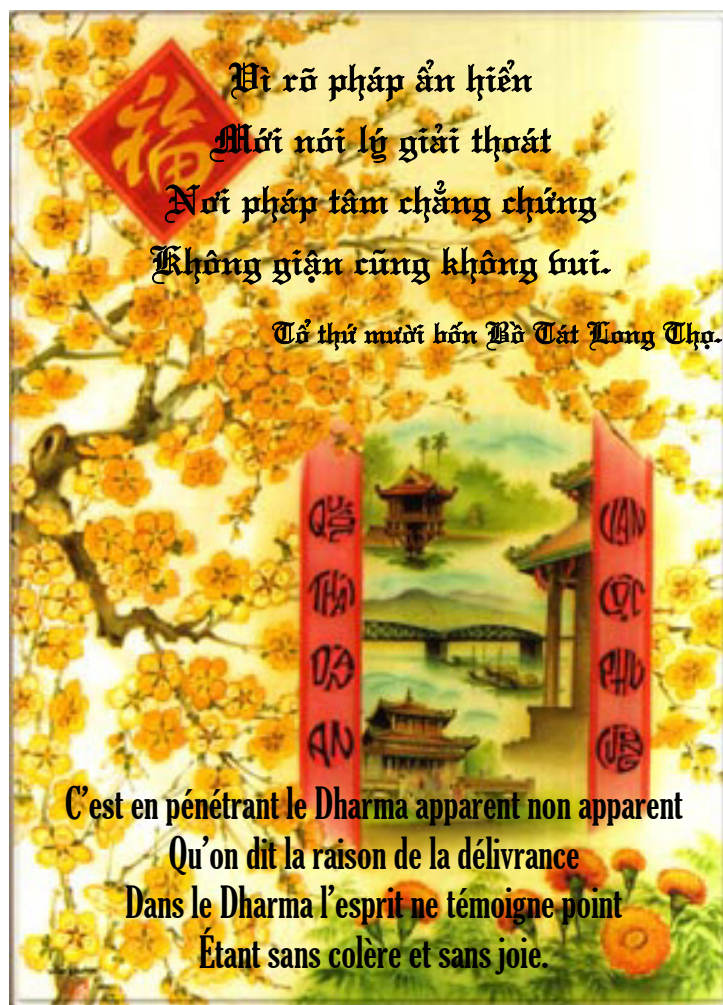


PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ ba tháng/Edition trimestrielle. Số/N.21 01/2005

PHỤNG KHÂN NĂM MỚI/ Bonne année 2005



Quatorzième Patriarche Vénérable Nagarjuna.

Báo Phật Pháp giúp các bạn nghiên cứu, tìm hiểu,
thâm nhập phần nào trong biển cả Phật pháp.
Cette propagation de l'enseignement du Bouddha vous
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

□ Báo Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.

□ Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.

□ Đánh máy : Trần Xuân Tiến pd. Thanh Hỷ, Nguyễn Văn Tuyển pd. Tâm Mãn, Trần Thị Minh pd. Quảng Diệu Hiền.

□ Correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt.

□ Ban phát hành : Thích Nữ Đàm Như, Bác Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hảo, Cô Cẩm Vân, Cô Fahmat Fakine, Cô Nguyễn Thị Kim Liên, Cô Diệu Hải, Cô Đồng Thu . . .

□ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban biên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và khai thị, pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá.

□ La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.

□ Hoan nghênh tất cả bài viết về tinh thần Phật pháp, giáo dục ..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.

□ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :
Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
pagodekimquang@yahoo.fr

Mục Lục / Sommaire

□ Kinh Hoa Nghiêm	3
□ Kinh Pháp Hoa	8
□ Chú Lăng Nghiêm	12
□ Đại Trí Độ Luận	14
□ Cam lồ là thuốc liễu sinh . . .	16
□ Mọi sự nhẫn nhục . . .	17
□ Phật pháp không rời khỏi tâm . . .	18
□ Bốn đứa con	21
□ Đức Phật chữa trị . . .	22
□ 10 điều cát tường . . .	23
□ Tam bộ nhất bái	24
□ Pháp ngữ	26
□ Le Sutra du Dharma du Lotus	27
□ Le Sutra Shurangama	31
□ Le Mantra Shurangama	35
□ Le Sutra Grande Compassion	37
□ Le Sutra du Vajra Prajna	39
□ Le Bouddha parle Le Sutra . . .	41
□ L'eau bénite bienfaisante	43
□ Toute patient peut être supportée	44
□ Bouddha guérrit un Bhiksu	45
□ Les quatre fils	47
□ Une prosternation tous les . . .	48
□ Le vénérable Chantaratana	50
□ Les termes Bouddhistes	50
□ L'histoire du Bouddha	51

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch : Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Khả Ái Lạc Đại Trí Thiên Vương, được môn giải thoát, bất động không chỗ nương, đến khắp mười phương thuyết pháp.

Vị Thiên Vương này tên là Khả Ái Lạc Đại Trí. Vị này đặc được môn giải thoát : Đến khắp mười phương thuyết pháp, nhưng thân khắp mười phương mà vô sở trụ (không chỗ trụ). Đó là không đến không đi mà bất động. Vô sở y tức là không nương tựa người, cũng không y tựa pháp, cho nên gọi là môn giải thoát không chỗ nương (vô sở y).

Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương, được môn giải thoát, phổ hiện quang minh nhập vào cảnh giới tịch tĩnh của Phật.

Vị Thiên Vương này tên là Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng. Vị này đặc được định và huệ của Phật, do đó mà đặc được cảnh giới : Phổ hiện quang minh tịch tĩnh, vị này dùng trí huệ âm để trang nghiêm bảo tràng. Đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Danh Xưng Quang Thiện Tinh Tấn Thiên Vương, được môn giải thoát, ngộ

được cảnh giới rộng lớn vô biên làm sở duyên.

Vị Thiên Vương này tên là Danh Xưng Quang Thiện Tinh Tấn. Vị này được môn giải thoát : Ngộ được cảnh giới rộng lớn vô biên, dùng cảnh giới này làm nhân duyên sở tu, để nghiên cứu quán sát.

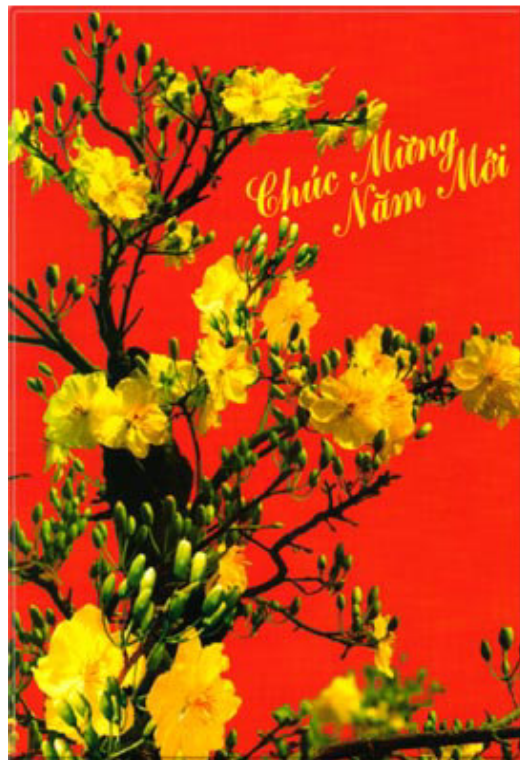
Bấy giờ, Diệu Diệm Hải Thiên Vương, nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp tất cả TỰ TẠI THIÊN chúng mà nói ra bài kệ.

Sau khi vị TỰ TẠI THIÊN Vương thứ mười nói ra môn giải thoát đã chứng được, thì vị Diệu Diệm Hải Thiên Vương, nương oai thần thông lực của chư Phật, quán sát khắp tất cả Đại TỰ TẠI THIÊN chúng mà nói kệ này, thuật lại cảnh giới đã chứng được. Vị này dùng kệ để tán thán công đức của Phật. Kệ có bốn tên gọi :

1. **A Nậu Tốt Thị Bà** : Kệ này bất cứ là trường hàng hoặc là kệ ngắn, phạm là đủ ba mươi

hai chữ (tức là tám chữ thành một câu, bốn câu thành kệ) thì thành một bài kệ.

2. **Già Đà** : Dịch là "phúng tụng", là ca tụng ; hoặc là cô tụng, cô khởi hoặc là trực tụng, trực tiếp thuyết pháp. Kệ dưới đây là Già đà tụng, trực tiếp tán thán công đức của Phật.



3. **Kì Dạ** : Dịch là "tụng tụng", là tụng lại những gì chính đáng quan trọng, để biểu thị diễn đạt đại ý Kinh văn, tức cũng là tụng tụng.

4. **Ốt Đà Nam** : Dịch là "tập thí tụng", tức là dùng rất ít chữ mà bao hàm rất nhiều ý nghĩa, tức cũng là thí ca.

Tại sao trong Kinh điển dùng nhiều kệ tụng ? Vì có tám ý nghĩa.

1. Dùng chữ ít mà nhiếp nhiều nghĩa.
2. Tán thán chư Phật biểu thị sự tôn kính.
3. Vì chúng sinh độn căn mà nói lại, khiến cho họ hiểu rõ.
4. Vì người sau này nói lại một lần.
5. Tùy tiện lược thuyết, tùy ý của mình mà hoan hỷ để nói.
6. Vì dễ nhớ, dễ thọ trì.
7. Vì tăng cường sức nhớ, nói lại đại ý trường hàng.
8. Ở trong trường hàng không nói, dùng kệ tụng để nói.

Kệ, dịch là "tụng", tụng là tán dương công đức của người, ca tụng công đức. Trong nhà Phật : từ, cú, ca, xướng gọi là kệ, từ cú của một số văn nhân ca xướng gọi là thơ. Kệ ở Ấn Độ là ba mươi hai chữ, kệ ở Trung Quốc hoặc là mười sáu chữ, hai mươi chữ, hai mươi bốn chữ, hai mươi tám chữ .v.v..

Vị Diệu Diệm Hải Thiên Vương này, nương thần lực của chư Phật, quán sát hết thấy Thiên chúng Tự Tại Thiên mà nói ra kệ tụng, tán thán công đức của Phật. Tại sao phải nói nương oai thần lực của Phật ? Mà không nói là sức lực của mình ? Vì tôn trọng người chủ thuyết pháp, biểu thị không có tâm cống cao ngã mạn. Tất cả Bồ Tát và tất cả Thánh chúng chẳng có tâm cống cao, (cống cao tức là kiêu ngạo, khinh khi người, chẳng xem ai ra gì) cũng chẳng có tâm ngã mạn (ngã mạn tức là tự đại, cho rằng việc gì cũng đều giỏi hơn người). Các Ngài cho rằng : sự thần thông biến hóa diệu dụng của mình thành tựu, đều là nhờ mười phương chư Phật gia bị, là nhờ Phật pháp mà hiểu được đạo lý này mà đi tu hành. Những gì thành tựu đều nhờ oai lực của Phật.

Nếu như chẳng phải nhờ oai lực của Phật, thì vốn không thể tu hành, càng không thể có thần thông diệu dụng. Bây giờ đã có tất cả thần thông rồi, đó đều là do Phật pháp sinh ra, nảy mầm trưởng thành

ở trong Phật pháp và còn thành tựu ở trong Phật pháp, cho nên nói nương oai lực của Phật.

Chẳng phải chỉ nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca, Lô Xá Na Phật hoặc Tỳ Lô Giá Na Phật, mà là nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, tận cùng hư không khắp pháp giới mà nói ra kệ tụng này.

Thân Phật khắp cùng các đại hội Đầy khắp pháp giới không cùng tận Tịch tĩnh vô tính không thể lấy Vì cứu thế gian mà xuất hiện.

"Thân Phật khắp cùng các đại hội". Thân Phật này là nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Khắp cùng tức là vô tận vô bất tận, chẳng có trong một hạt bụi nào mà chẳng phải là chỗ sở tại của thân Phật. Các đại hội tức là đại pháp hội của chư Phật thuyết pháp.

Phật Phật đạo đồng, Đức Phật kia thuyết pháp, Đức Phật này ủng hộ pháp hội. Đức Phật này thuyết pháp, Đức Phật kia ủng hộ pháp hội, cho nên nói thân Phật khắp cùng các đại hội.

"Đầy khắp pháp giới không cùng tận". Thân Phật không những khắp cùng các đại hội, mà còn đầy khắp tận cùng hư không khắp pháp giới, tất cả thế giới không cùng tận. Tóm lại, thế giới này thế giới kia, vô lượng các thế giới ; quốc độ này, quốc độ kia, vô lượng các quốc độ, đều đầy khắp thân Phật, cho nên nói đầy khắp pháp giới không cùng tận.

"Tịch tĩnh vô tính không thể lấy". Thân Phật tuy nhiên khắp cùng các đại hội, đầy khắp pháp giới, nhưng Ngài tịch tĩnh, vô tướng, thủ lấy mà không thể được, xả cũng không thể được. Nói cho dễ hiểu là : lấy cũng chẳng có, mà bỏ cũng chẳng có. Chính vì vốn chẳng có, cho nên chẳng có gì có thể giữ, càng chẳng có gì có thể bỏ.

Vậy, rõ là các pháp vốn thường tịch diệt, Phật lại cần gì xuất hiện ra đời ? Trong kinh Pháp Hoa có nói : " Phật vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra đời." Đại sự gì ? Tức là vấn đề sinh tử. Phật muốn nói với chúng sinh rằng : sinh từ đâu đến và chết sẽ đi về đâu ? khiến cho chúng sinh chấm dứt sinh tử, đạt đến Niết Bàn bờ bên kia.

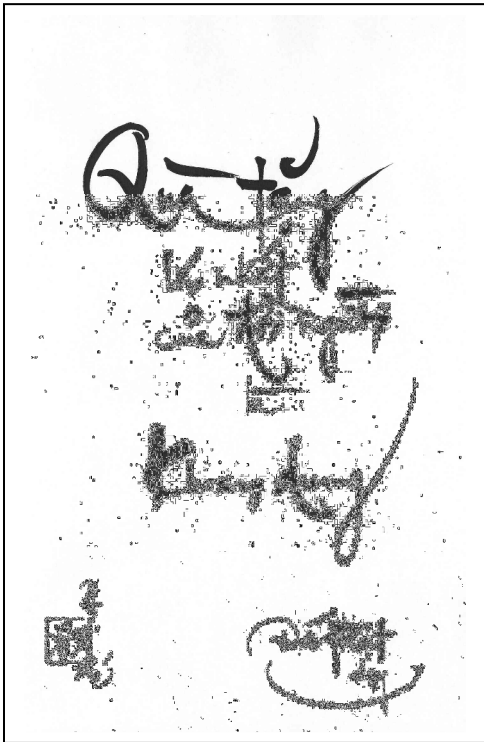
Chỉ cần bạn đọc và hiểu rõ được một câu Kinh, một bài kệ thì sẽ xuống gieo hạt giống bồ đề vào tâm thức, tương lai dần dần sẽ nảy mầm, phát triển và chứng quả bồ đề.

“ Vì cứu thế gian mà xuất hiện.” Phật thấy chúng sinh trầm luân trong biển ái, không cách chi ra khỏi được, mới phát tâm đại từ bi đến thế giới Ta Bà, cứu tất cả chúng sinh thế gian, khiến cho lia khổ được an vui. Nhưng chúng sinh không nghe sự giáo hóa của Phật, còn hồ đồ mê muội tham luyến sự khổ não của thế giới này. Ý niệm trước thì muốn lia khỏi thế giới năm trước này, ý niệm sau thì chẳng muốn lia khỏi, cuối cùng thì không lia khỏi được. Cho nên Phật đến thế giới này, khuyến hóa và nói với chúng sinh : “ Hãy mau sớm tỉnh mộng ! Sớm trở về ngôi nhà thật của chính mình ! Đừng lang thang ở bên ngoài ! Đừng mê hồ như thế, quên mất nguồn gốc ! ”

**Như Lai Pháp Vương hiện ra đời
Thắp đèn diệu pháp chiếu thế gian
Cảnh giới vô biên cũng vô tận
Môn này Tự Tại Danh chúng được.**

“ Như Lai Pháp Vương hiện ra đời.” Như Lai là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Ý nghĩa Như Lai là không từ chỗ nào đến, cũng không đi về đâu ; chỗ đến không thể đắc được, chỗ đi không thể đắc được. Nghĩa là tận hư không khắp pháp giới, đều là pháp thân của Như Lai. Vì nguyên nhân này cho nên đến lại từ đâu đến ? Không đến mà đến. Đi lại đi về đâu ? Không đi mà đi. Đó gọi là không động đạo tràng, đến khắp pháp giới, cho nên xưng là Như Lai.

Pháp Vương là tên gọi tổng quát. Pháp tức là Phật pháp, Phật pháp có bao nhiêu ? Nếu nói rộng thì có vô lượng vô biên, nhiều như số cát sông Hằng (vì cát sông Hằng mịn như bột mì, đó là hình dung số lượng không cách chi đếm được). Nếu nói tổng quát thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn quy nạp vào thì có năm thứ pháp. Năm thứ pháp là gì ? Tức là : Sắc pháp, tâm pháp, tâm sở pháp, bất tương ứng pháp, vô vi pháp. Vạn pháp không ra ngoài phạm vi năm pháp này.



Những pháp này ai cũng có thể diễn nói. Trời, người có thể thuyết pháp, A La Hán có thể thuyết pháp, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật càng có thể thuyết pháp. Nhưng chỉ có Phật mới được xưng là Pháp Vương, tức là vua nói pháp, ngoài ra chỉ xưng là người thuyết pháp, không thể xưng là Pháp Vương.

Vua thuyết pháp, tại sao xuất hiện ra đời ? Vì Phật thấy thế giới quá ô nhiễm, tâm của chúng sinh quá đen tối. Phật vì muốn phá vô minh của chúng sinh, khiến cho thế giới sáng sủa, cho nên Như Lai Pháp Vương mới xuất hiện ra đời.

“ Đền diệu pháp chiếu sáng thế gian.” Như Lai dùng đèn diệu pháp, để chiếu soi khắp thế gian. Phật pháp giống như đèn sáng chiếu đến chỗ đen tối, khôi phục lại ánh sáng. Do đó có câu :

“Phật quang phổ chiếu,
Lợi ích quần sinh.”

Trước khi Phật hiện ra đời, thế gian này là đen tối. Sau khi Phật hiện ra đời, dùng đèn diệu pháp chiếu sáng thế gian. Ánh sáng đèn diệu pháp này, có công năng diệu không thể tả được, khiến cho chúng sinh bỏ mê về với giác, cải tà về chánh, trở về nguồn cội, đắc được chân chánh tự tại, thật là không thể nghĩ bàn !

Muốn trở về nguồn cội thì trước hết phải dứt sinh tử, sinh tử không dứt thì không thể trở về nguồn cội. Muốn dứt sinh tử trước hết phải dứt hẳn tâm dâm dục. Nếu không dứt hẳn tâm dâm dục thì, không những không cách chi dứt sinh tử, càng không cách chi ra khỏi ba cõi. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói :

“ Tâm dâm dục không trừ,
Không thể ra khỏi trần lao.”

Không trừ tâm dâm, mà muốn thành tựu đạo nghiệp, thì giống như nấu cát làm cơm, người ngu nói mộng, đó là việc tuyệt đối không thể được ! “ Cảnh giới vô biên cũng vô tận.” Cảnh giới của Như Lai chẳng có bờ bến, chẳng có cùng tận,

trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng. Viên dung vô ngại, vô ngại viên dung, cảnh giới này không thể dùng lời ví dụ được.

“ Môn này Tự Tại Danh chứng được.” Vị Tự Tại Danh Xưng Quang Thiên Vương đã chứng được cảnh giới này.

**Phật không nghĩ bàn lìa phân biệt
Thấy rõ mười phương chẳng có tướng
Vì đời rộng mở đạo thanh tịnh
Như thế Tịnh Nhân quán thấy được.”**

Phật không nghĩ bàn lìa phân biệt.” Phật là nửa chữ Phạn, đầy đủ là Phật Đà Gia. Phật Đà Gia dịch là "giác giả", tức là bậc giác ngộ. Giác ngộ cái gì ? Giác ngộ pháp thế gian là : vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Pháp xuất thế gian : là thường, là lạc, là ngã, là tịnh. Nói đơn giản, giác ngộ những gì mê hoặc chúng sinh, biết rõ những gì chúng sinh chấp trước, buông bỏ những gì chúng sinh buông bỏ chẳng đúng. Giác ngộ tất cả các pháp, đều do duyên sinh, do duyên diệt. Do đó : “ Ba giác tròn, vạn đức đầy.” Tức là Phật. Vậy ba giác là gì ?

1. **Tự giác** : Tức là tu pháp bốn Diệu Đế hoặc là pháp mười hai Nhân Duyên mà giác ngộ. Nhị thừa là tự giác, phàm phu thì không giác. Cho nên nói tự giác và phàm phu chẳng giống nhau.

Có người cho rằng mình là giác, thực ra là mê trong mê, tại sao ? Vì họ không những không nhận thức được giác, mà cũng không nhận thức được mê. Phải biết, không giác tức là mê, mê tức là hồ đồ, tự mình cho rằng không mê, loại người này đáng thương xót nhất !

2. **Giác tha** : Tức là pháp tu lục độ, tự mình minh bạch rồi, cũng dạy người khác minh bạch, cho nên nói giác tha khác với nhị thừa. Nhị thừa là tự giác, Bồ Tát là giác tha.

Bậc Nhị thừa tự mình đã giác ngộ pháp sinh tử rồi, không muốn đi giáo hóa kẻ khác, chỉ muốn làm liễu hán, mà không muốn hành Bồ Tát đạo.

3. **Giác mãn** : Tức là tự giác huệ đầy, giác tha phước đầy, phước huệ đều đủ, vạn đức tròn đầy. Phật là giác mãn, cho nên nói giác mãn khác với Bồ Tát. Bồ Tát tuy nhiên trí huệ tự giác viên mãn rồi, nhưng công đức giác tha chưa đầy đủ, cho nên tận sức hành Bồ Tát đạo, tăng trưởng phước đức.

Cảnh giới của Phật không thể dùng tâm thức của chúng ta để phân biệt. Trong bốn Kinh Hoa Nghiêm này có nói :

"Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,
Hãy tịnh ý mình như hư không".

Nếu người nào muốn biết cảnh giới của Phật, nên thanh tịnh ý niệm của mình, khiến cho giống như hư không, không có phân biệt, không có chấp trước, mới có thể minh bạch được một chút cảnh giới của Phật.

“ Thấy rõ mười phương chẳng có tướng.” Tướng của Phật là vô tướng, chẳng phải không có tướng, mà là tướng của Phật tuy nhiên tận hư không khắp pháp giới, nhưng chúng ta không cách chi thấy được tướng của Phật, không cách chi minh bạch được tướng của Phật, tại sao ? Vì chúng ta ở trong tướng của Phật, không biết tướng của Phật cỡ nào ? Cho nên nói thấy rõ mười phương chẳng có tướng.

“ Vì đời rộng mở đạo thanh tịnh.” Phật vì tất cả chúng sinh thế gian, rộng mở đủ loại đạo thanh tịnh, lập đủ loại phương tiện pháp môn, để giáo hóa tất cả chúng sinh, độ tất cả chúng sinh.

Đạo thanh tịnh là gì ? Thanh tịnh là chẳng có tu tướng ô nhiễm, đạo là con đường. Phật giáo hóa chúng sinh tu pháp chẳng có ô nhiễm, đi trên con đường chẳng có nhiễm ô, như thế mới có thể ra khỏi trần lao.

“ Như Thế Tịnh Nhân quán thấy được.” Diệu pháp thanh tịnh và đạo thanh tịnh như thế, chỉ có Thanh Tịnh Công Đức Nhân Thiên Vương mới quán sát được, và biết rõ được cảnh giới vô tướng của Phật.

**Trí huệ Như Lai không bờ mé
Tất cả thế gian không lường được
Dứt trừ si tối của chúng sinh
Đại Huệ thâm nhập pháp môn này.**

“ Trí huệ Như Lai không bờ mé.” Trí huệ của Phật chẳng có bờ mé, chẳng có hạn lượng. Giáo nghĩa của Phật giáo cũng không có bờ mé. Bất cứ là Phật giáo đồ, hoặc không phải là Phật giáo đồ, đều bao quát ở trong Phật giáo. Tin hay không tin, chỉ là vấn đề thời gian sớm muộn mà thôi, thành Phật hay không thành Phật, cũng là vấn đề sớm muộn.

Tại sao nói Phật giáo chẳng có bờ mé ? Vì tâm chúng sinh chẳng có bờ mé, nghĩa là tâm chúng sinh lớn bao nhiêu, thì Phật giáo lớn bấy nhiêu. Bất cứ bạn tin Phật hay không tin Phật đều ở trong phạm vi Phật giáo, không thể ra ngoài Phật giáo. Phật pháp tận cùng hư không khắp pháp giới, chẳng có giới hạn. Bất cứ là hữu tình (động vật) hoặc vô tình (khoáng thực vật) đều có Phật tính. Phật tính là bình đẳng. Chẳng có khác biệt. Cho nên Phật giáo chủ trương tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể thành Phật. Chẳng có phân biệt, chẳng có đẳng cấp, một luật bình đẳng, đó là chỗ tư tưởng vĩ đại của Phật giáo.

Bây giờ có người không tin Phật pháp, tương lai cuối cùng sẽ tin. Bây giờ không thành Phật, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Chỉ cần bạn chịu tinh tấn tu hành, nhất định có hy vọng. Phật thì không nói dối, tuyệt đối không nói lời lừa gạt chúng sinh.

“ Tất cả thế gian không lường được.” Tất cả người thế gian đều không thể lường được trí huệ của Phật nhiều bao nhiêu ? Cũng không thể biết được trí huệ của Phật rộng lớn cỡ nào ? Tại sao ? Vì trí huệ của Phật không có bờ mé, là không thể nghĩ bàn.

“ Diệt trừ si tối của chúng sinh.” Phật dùng trí huệ rộng lớn để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, phá trừ ngu si đắc được trí huệ. Phật vĩnh viễn diệt trừ tâm ngu si đen tối của tất cả chúng sinh, tức cũng là phá vô minh của chúng sinh, làm cho chúng sinh đắc được quang minh trí huệ.

“ Đại Huệ thâm nhập pháp môn này.” Cảnh giới này, vị Khả Ái Lạc Đại Huệ Thiên Vương thâm nhập thấu rõ, hiểu được trí huệ không ngần mé của Phật an trụ ở trong tam muội này.

Công đức Như Lai không nghĩ bàn Chúng sanh thấy được diệt phiền não

Khiến khắp thế gian được an lạc Bất Động Tự Tại Thiên thấy được.

“ Công đức Như Lai không nghĩ bàn.” Như Lai làm thế nào mà tu thành ? Vì có công đức, cho nên mới thành Phật. Công đức của Phật tâm không thể suy nghĩ, không thể luận bàn.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Vào Pháp Giới có bài kệ rằng :

"Bụi cồi tâm niệm đếm biết được,
Nước trong biển lớn uống hết được,
Hư không lường được, gió buộc được,
Không thể nói hết công đức Phật".

Số hạt bụi trong thế giới nhiều vô số, mỗi chúng sinh trên thế giới khởi tâm động niệm, đều có thể

biết ; nước trong biển lớn có thể uống hết được, tuy nhiên hư không vô biên, cũng có thể trác lượng ; gió lớn tuy không có hình tướng cũng có thể buộc nó lại, nhưng không ai có thể biết được công đức của Phật, cho nên nói công đức Như Lai không thể nghĩ bàn.

“ Chúng sinh thấy được phiền não diệt.” Vì đức Phật đều từ bi đối với tất cả chúng sinh, chúng sinh thấy được bèn sinh tâm hoan hỷ, cho nên chúng sinh thấy được Phật thì phiền não tiêu sạch, đó là sự cảm ứng của công đức.

“ Khiến khắp thế gian được an lạc.” Phật làm cho tất cả chúng sinh trên thế gian, đắc được an lạc chân chánh. Do đó :

"Thân thư thái không nguy là an,
Tâm sáng suốt không sầu là lạc".

Đó là an lạc nhỏ, đắc được Niết Bàn bốn đức là đại an lạc. Đức Phật khiến cho chúng sinh an trụ nơi an lạc cồi Tịnh Độ Thường Tịch Quang.

“ Bất Động Tự Tại Thiên thấy được.” Cảnh giới này vị Bất Động Tự Tại Thiên Vương thấy được mà vào môn giải thoát này. (còn tiếp)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Cù Ma La Thập
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Vua A Xà Thế con của bà Vi Đề Hi, và bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tỵ hội. Hết thầy đều lễ dưới chân Đức Phật, rồi lui về ngồi một bên.

Vua A Xà Thế là con của bà hoàng hậu Vi Đề Hi và Vua Tần Bà Sa La, cũng là ông vua hung ác nhất trong các ông vua. Vì ông phạm tội ngũ nghịch : Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp Tăng chúng. Ông ta đại nghịch bất đạo như thế, đều vì Đề Bà Đạt Đa (em chú bác với Đức Phật) xúi giục. Vì Đề Bà Đạt Đa sớm đã muốn chiếm đoạt thay thế Đức Phật, cho nên xúi A Xà Thế giết cha, giết mẹ để đối phó với Đức Phật. Vua A Xà Thế chẳng còn tính người, bắt Vua cha giam vào ngục bảy lớp tường để bỏ đói cho chết, chẳng cho ai vào thăm. Bà mẹ là Vi Đề Hi chỉ có cách lén lấy nước nhỏ, đổ vào trong hột chuỗi mang vào cho Vua Tần Bà Sa La dùng. Hai người khóc lóc với nhau, nỗi đau đớn chẳng còn muốn sống nữa, trong hoàn cảnh đau thương như thế, mới nghĩ nhớ đến Đức Phật, cầu Đức Phật giúp đỡ. Tâm vừa nghĩ như thế thì Đức Phật biết ngay, do đó Đức Phật phái Ngài Mục Kiền Liên vào trong ngục vì họ nói Kinh Thập Lục Quán, khiến cho họ y pháp tu hành, sau đó họ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Vi Đề Hi nghĩa là "suy nghĩ". A Xà Thế nghĩa là "sinh oán" (chưa sinh ra đã chẳng cát tường), hoặc

nghĩa là "đoạn chỉ" (đứt ngón tay), khi ông ta sinh ra rồi, mẹ của ông ta rất chán ghét, mới cắt đứt ngón tay của ông ta, do đó mới gọi là "đứt ngón tay".

Tội của Vua A Xà Thế không thể tha thứ, đáng đọa vào địa ngục vô gián, nhưng về sau ông ta thật sự ăn năn hối cải, phát lồ sám hối, cải ác hướng thiện, quy y với Đức Phật, mang tất cả quyến thuộc đến pháp hội nghe Phật pháp, đánh lễ Đức Phật rồi lui về một bên ngồi xuống.

Bảy giờ, tất cả bốn chúng đều vây quanh Đức Thế Tôn, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán ca ngợi.

Lúc đó, tất cả Thiên Long Bát Bộ đều hướng về phía Đức Phật đánh lễ, mỗi người đều ngồi theo vị trí của mình. Bốn chúng là : Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ. Ngoài ra bốn chúng còn có ý nghĩa là : Phát khởi chúng, đương cơ chúng, ảnh hưởng chúng và kết duyên

chúng.

Phát khởi chúng : Biết cơ duyên của chúng sinh thành thực, mà hướng về Đức Phật đưa ra vấn đề, có trí huệ phương tiện khéo léo.

Đương cơ chúng : Là nghe pháp từ Đức Phật, đặc đạo được thọ ký, như Kinh Kim Cang đương cơ chúng là Ngài Tu Bồ Đề. Trong Kinh Lăng Nghiêm đương cơ chúng là Ngài A Nan và hai mươi lăm vị Thánh. Đương cơ chúng trong Kinh A Di Đà là Ngài Xá Lợi Phất và các đại A La Hán, Bồ Tát, v.v.



nh hưởng chúng : Là các đại Bồ Tát sớm đã từng nghe nhiều Đức Phật thuyết pháp, đã hiểu rõ, nhưng vì muốn làm ảnh hưởng đến người khác sinh tín tâm và tâm thành đối với pháp, cho nên cũng đến ủng hộ đạo tràng khiến cho họ im lặng chú ý cung kính nghe pháp.

Kết duyên chúng : Số còn lại tuy là dự nghe, tâm chưa thấu hiểu, kết nhân lâu xa, đó là kết duyên chúng, hoặc họ cũng dùng phẩm vật hoặc thức ăn đến cúng dường Tam Bảo và kết duyên với đại chúng ở trong pháp hội.

Lúc đó, bốn chúng đệ tử vây quanh đi nhiều đức Phật ba vòng, từ bên phải nhiều vòng bên trái. Sau khi nhiều xong thì cung kính đánh lễ đức Phật, cúng dường đức Phật, tán thán ca ngợi đức Phật. Trong bài xướng của chúng ta có câu :

A Di Đà Phật thân kim sắc
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.

Nghĩa là :

*" Phật A Di Đà thân sắc vàng,
Tướng tốt chói sáng không ai bằng."*

Hoặc là :

"Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỉ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,
Nhất thiết vô hữu như Phật giả."

Nghĩa là :

*Trên trời dưới nhân gian không ai bằng Phật
Mười phương thế giới cũng không sánh bằng
Hết thấy thế gian Phật đều thấy
Tất cả chẳng ai như đức Phật.*

Đó đều là kệ tán khi lễ Phật.

Bây giờ, nói về tầm quan trọng của sự kết duyên. Nếu chẳng có duyên thì dù bạn đối với họ tốt thế nào, họ đối với bạn cũng chẳng vừa ý. Trước kia, có một vị pháp sư biện tài vô ngại, trời người đều đến nghe vị này thuyết pháp, chỉ là chẳng có duyên với ai, cho nên không có ai đến nghe vị này thuyết pháp. Vị này hiểu rõ về nhân quả cho nên đi mua rất nhiều gạo đem vào rừng bố thí cho chim, lại niệm chú Đại Bi và chú Lăng Nghiêm gia trì vào gạo không ngừng, quán tưởng tất cả bày chim ăn gạo rồi, sẽ có thể thoát khỏi thân loài thú, mà

chuyển làm thân người. Hai chục năm sau, vị pháp sư này vẫn còn là người xuất gia diễn nói pháp, thì tự nhiên có rất nhiều người, mà đều là người trẻ đến nghe pháp, đều cung kính năm thể sát đất. Những người trẻ này quá khứ đều là chim, đắc được pháp thí cho nên mới sinh làm người. Vì bái ân đức mà đến ủng hộ đạo tràng. Cho nên phải thường kết duyên lành với mọi người, dùng lấy tâm sân đối đãi với người, nếu không thì chẳng có duyên với người, ai ai cũng đều lánh xa.

Cúng dường thì phải dùng tâm thành khẩn và chân thật để cúng dường. Tâm chân thật tức là tâm xả đặng, xả bỏ những gì tâm còn ái chấp. Tâm thành khẩn tức là chẳng có tâm tạp loạn, làm việc phải thật lòng, chuyên tâm nhất chí.

Trước kia, có vị ăn mày, vì thấy người cúng dường Tam Bảo, tu công đức mà khiến cho ông ta cũng phát tâm cúng dường, nhưng vì tiền chỉ đủ mua bình dầu đến cúng dường Tam Bảo. Lúc đó, vị Hòa Thượng trụ trì trong chùa (có thiên nhân thông) ra nghinh tiếp ông ta và mời ông ta dùng cơm. Trong lúc ấy, lại có một người nhà giàu cũng mang đến một phi dầu để cúng dường Tam Bảo, nhưng Hòa Thượng trụ trì không đích thân ra tiếp, chỉ kêu vị Tăng tri khách ra tiếp. Nhiều vị Tăng trong chùa không hiểu tại sao Hòa Thượng trụ trì hậu đãi người nghèo đó, dù chỉ cúng Tam Bảo có một bình dầu, còn người giàu kia cúng một phi dầu mà Hòa Thượng lại lạnh nhạt. Khi mọi người bàn tán thì Hòa Thượng đến giải thích nói : "Một người giàu có mua hai ba trăm lít dầu chẳng khó khăn gì, song, một người ăn mày nghèo sơ, chỉ có mấy đồng tiền mà đem hết ra để mua dầu cúng Tam Bảo, dù chỉ một bình nhỏ, nhưng công đức thật vô lượng hơn người giàu kia. Đó gọi là khó xả mà xả được, ông ta mới là người dùng chân tâm để cúng dường Tam Bảo, ông ta là một vị đại hộ pháp ! Người trong hoàn cảnh khổ khó mà còn nghĩ đến cúng dường Tam Bảo, công đức đó thật là vĩ đại ! Mà một người đời này giàu có, cũng vì trong quá khứ họ tu tích tập phước báu khó xả mà xả được, khó hành mà hành được." Nghe những lời này rồi đồ chúng mới minh bạch, cúng dường Tam Bảo cần có chân tâm và thành tâm.

Đức Phật vì các Bồ Tát nói Kinh đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.

Khi Đức Phật thuyết pháp thí có sáu điềm lành :

1. Điềm lành về thuyết pháp.
2. Điềm lành về nhập định.
3. Điềm lành về mưa hoa.
4. Điềm lành về đất chấn động.
5. Điềm lành về chúng hoan hỉ.
6. Điềm lành về phóng quang.

Lần này Đức Phật thuyết pháp chẳng giống trước kia, vì lần này thì thuyết pháp trước, sau mới nhập định. Đức Phật vì tất cả Bồ Tát ở trong đại hội Pháp Hoa, nói Kinh điển đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa. Kinh đại thừa có bảy nghĩa :

1. **Pháp đại** : Tức là bao quát tất cả Tam Tạng mười hai bộ Kinh, cũng bao quát tất cả pháp tiểu thừa.
2. **Phát đại bồ đề tâm** : Từ phạm phu tu cho đến khi thành Phật, tâm này vĩnh viễn không thối chuyển.
3. **Hiếu đại Tạng** : Minh bạch giáo pháp đại tạng, y giáo phụng hành.
4. **Tịnh đại** : Thấy được đạo thì tịnh tâm đại.
5. **Trang nghiêm đại** : Tức là phước trí đại.
6. **Thời đại** : Phật trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp để tu trì, thời gian lâu dài cũng có thể gọi là nhân đại.
7. **Cụ túc đại** : Là lục độ vạn hạnh đều viên mãn, dùng tướng tốt tự trang nghiêm, mà đắc được Bồ Tát quả, cũng có thể gọi là quả đại. Vì có bảy ý nghĩa này cho nên gọi là đại tạng, Ma Ha Tát có bảy thứ đại nhưng chẳng giống như ở trên vừa nói.

"Nói Kinh đại thừa", trên thì khế với Kinh của Phật, dưới thì hợp với căn cơ của chúng sinh, cho nên gọi là khế Kinh. Trước khi nói Kinh Pháp Hoa, thì Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa. Vô Lượng Nghĩa tức là nghĩa vô số lượng. Vô lượng là từ hữu lượng mà ra, hữu lượng là từ một mà ra, một từ vô tướng mà ra, vô tướng là từ thật tướng mà ra, cho nên vô lượng nghĩa cũng là Kinh thật tướng nghĩa. Do đó, thật tướng vô tướng, tướng vô sinh tử, vô vô tướng, vô Niết Bàn tướng mà vô sở bất tướng. Vô lượng làm một, một làm vô lượng, tức cũng là thật tướng. Thậm chí một cũng chẳng có, chỉ là, người

đầu lại thêm đầu, bày vẽ ra một, đó là tự tìm phiền não mà thôi.

"Kinh Vô Lượng Nghĩa" là phương pháp giáo hóa Bồ Tát đại thừa, được Phật hộ niệm, Kinh Vô Lượng Nghĩa là Phật tự chứng đắc, đoạn văn dưới đây nói rằng : Phật tự trụ đại thừa vậy, tuy muốn khai thị mà căn tính của chúng sinh chậm chạp, yên lặng lâu là cốt yếu đó, chẳng cần nói mau, cho nên gọi là hộ niệm.

Đức Phật nói kinh này rồi, bèn ngồi kiết già nhập vào Tam muội vô lượng nghĩa xứ, thân tâm đều bất động.

Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa xong rồi, thì ngồi kiết già, cũng gọi là ngồi theo tứ thế hoa sen, tứ thế kim cang. Ngồi kiết già trợ giúp rất nhiều cho việc tu đạo, không khiến cho người hôn trầm ngủ gục mà dễ sinh ra định lực, có định thì tự nhiên sẽ phát huệ. Ai ngồi thẳng ngay ngắn được thì giới thể vốn có sẽ hiện tiền, tất cả Thiên long bát bộ đều đến ủng hộ, còn yêu ma quỷ quái tự nhiên sẽ xa lánh, cho nên ngồi kiết già là một pháp ngồi tu đạo viên mãn nhất. Bây giờ, kể một câu chuyện để chúng minh tầm quan trọng của sự ngồi kiết già.

Ông Quan Trung Hỷ là bạn của tôi. Vị này là người tu đạo có ba ngàn người đệ tử, nhưng vị này hiểu rõ chính mình chẳng có đạo nghiệp, chưa được liễu sinh thoát tử, do đó vị này cấp tốc cầu chánh đạo, đi khắp nơi tìm minh nhân thiện tri thức, nhưng ba năm trôi qua cũng chưa tìm được.

Một đêm nọ, cháu của vị này là Quan Chiêm Hải, chưa từng gặp tôi, mà ở trong mộng thấy tôi và còn cầu đạo nơi tôi, mà tôi dùng tay từ trên đầu của y lột xuống một tấm da heo, và nói tấm da nghiệt này khử sạch rồi thì có thể tu đạo.

Ngày thứ hai, tôi đi thăm chú của y thì Quan Chiêm Hải ngó một cái thì nhận ra tôi, chú của y nhắc lại việc tôi thủ hiếu ba năm ở mộ phần mẹ của tôi, hai người mừng rỡ vạn phần, cho rằng đưa đạo vào cửa, lập tức hai chú cháu cùng quy xuống hướng tôi cầu đạo. Nhưng tôi nói tôi chẳng có đạo hạnh, không thể thu nhận họ làm đệ tử, song, tôi sẽ mang họ đi tìm danh sư. Cuối cùng vì Quan Trung Hỷ chẳng tìm được vị thầy vừa ý, do đó Quan Trung Hỷ trở lại cầu đạo với

tôi. Tôi nói tôi chẳng có đạo, bất quá có thể dạy cho ông ta một phương pháp tu hành, nhưng ông ta trước hết phải học ngồi tư thế kiết già.

Quả nhiên ông ta y pháp tu hành, nhưng hai đầu gối của ông ta quá lớn kì lạ, muốn học ngồi kiết già thật là khó khăn vô cùng, bất cứ ngồi thế nào cũng chẳng được, song, ông ta cũng chẳng sợ đau đớn khó khăn, vẫn kiên quyết tập ngồi cho bằng được, tập lên tập xuống thì hai đầu gối của ông ta sưng đỏ lên.

Bảy mươi ngày trôi qua, tôi thấy ông ta vẫn đi chưa được ! Tôi khuyên ông ta đừng tập nữa, phương pháp ngồi kiết già rất khó khăn với ông ta, nhưng ông ta kiên quyết nói : "Trừ khi tôi chết, bằng không tôi nhất định phải tập cho tốt. Nếu tập ngồi kiết già mà tập không xong, thì còn nói gì về việc tu đạo" ?

Qua một trăm ngày sau, tôi vẫn đến thăm ông ta, thì đầu gối của ông ta hết sưng cũng hết đau, chẳng những thế mà ông ta ngồi rất là đoan nghiêm, thật là "có chí thì việc tất thành". Ông ta ngồi kiết già thành công rồi, tôi bèn chỉ ông ta phương pháp ngồi thiền.

Cháu của ông ta là Quan Chiêm Hải, cũng như người chú, đi tìm thầy năm năm trời mà cũng chẳng tìm được ông thầy vừa ý. Cuối cùng cũng phải trở về tìm tôi quỳ xuống.

Tôi hỏi y : "Anh làm gì thế ?"

Y nói : "Con đi tìm minh sư đã nhiều năm, nay mới phát giác thầy mới là vị thầy chân thật nhất, mong thầy nhận con làm đệ tử !" "

Thấy y cầm tay áo của tôi giựt giựt, tôi giả dạng nóng giận, phát tay áo bỏ đi khoảng hơn nửa dặm đường thì quay lại xem, thấy y vẫn còn quỳ ở đó ! Tôi nói : "Anh còn làm gì ở đây ?" Y nói : "Nếu Ngài không nhận con làm đệ tử, thì con sẽ quỳ chết ở tại đây !" Vì muốn thử tâm thành của

y, tôi lại phát tay áo bỏ đi, lần này đi hơn một dặm đường, quay đầu lại nhìn, vẫn thấy y quỳ bất động ở đó, đủ thấy y thành tâm, do đó tôi thu nhận y làm đệ tử. Y là đệ tử đầu tiên của tôi tại Đông Bắc Trung Quốc.

Quan Trung Hỉ y theo pháp tu hành được năm năm, thì có sự thành tựu, nghĩ muốn gặp tôi để nói lời cảm kích, vì ông ta biết trước ngày vãng sinh. Song, việc này ông ta chẳng được mãn nguyện, vì từ đầu đến cuối, tôi với ông ta mất liên lạc. Quả nhiên, như chính ông ta đã dự liệu ngày đó, ông ta ngồi ngay ngắn mà vãng sinh, ngày đó có rất nhiều người hàng xóm đều mộng thấy có hai vị đồng tử mặc y màu xanh dẫn ông ta về Tây phương ! Cho nên ngồi kiết già trợ giúp không ít cho việc tu đạo.

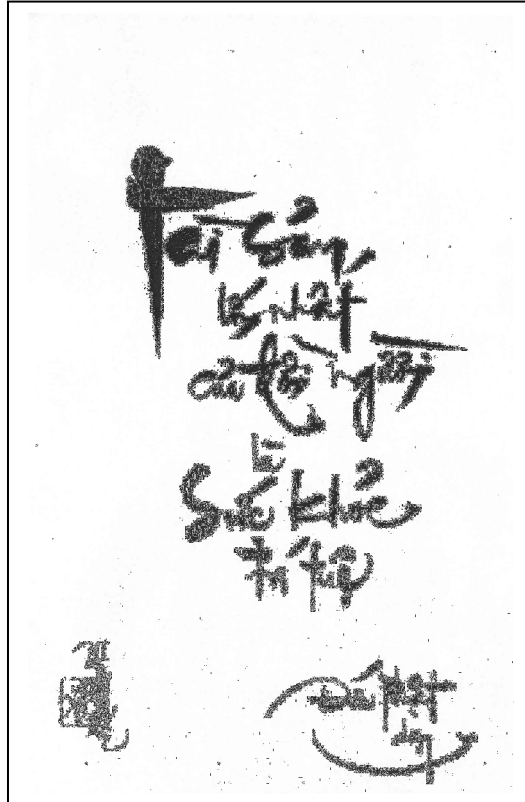
Phật nói xong Kinh Vô Lượng Nghĩa rồi bèn ngồi kiết già, nhập Tam muội vô lượng nghĩa xứ, tức cũng là nhập thật tướng định. Thân tâm đều bất động. Thân không động thì tâm chẳng động, tâm chẳng động thì thân không

động, đó là chân tâm vốn không động. Đây là diễm lành sự nhập định của Đức Phật.

Lúc đó, trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa, rải ở trên Đức Phật và các đại chúng.

Đoạn Kinh văn này nói về mưa hoa. Khi đức Phật nhập định thân tâm đều chẳng động, thì hoa trời từ trên trời mưa xuống. Hoa Mạn đà la là hoa trắng nhỏ. Hoa Ma ha mạn đà la là hoa trắng lớn. Hoa Mạn thù sa là hoa đỏ nhỏ. Hoa Ma ha mạn thù sa là hoa đỏ lớn. Bốn thứ hoa này đều rải cúng dường ở trên thân của Đức Phật và tất cả đại chúng trong pháp hội. Bốn thứ hoa này đại biểu cho bốn vị trí là : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng và thập địa, tức cũng là bốn tấn độ của Bồ Tát đạo, là giai đoạn tu hành phải đi qua.

(còn tiếp)



CHÚ LĂNG NGHIÊM giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

46. BÀ TẮT NI.

Kê : Sở hướng vô địch hiệu thắng quân
Bất chiến mà hàng khí giáp binh
Dĩ đức phục nhân nhị tai họa
Vọng phong phi ma hộ an bình.

Tạm dịch :

Hướng đến vô địch hiệu thắng quân
Không đánh mà hàng bỏ binh giáp
Lấy đức phục người dứt tai họa
Quét sạch kẻ thù sẽ thái bình.

Giảng giải : Bà Tắt Ni dịch là "Thắng quân", lại dịch là "ngoại đạo". Ngoại đạo ở cõi Trời Vô Tướng, nơi đó đều chẳng có việc gì, nên tìm việc làm. Có quân đội gọi là thắng quân, là nhóm chúng Thiên thần, giống như đội du kích ở trên trời, đội du kích này đến đâu thì thắng đến đó, bất cứ đến đâu cũng nhất định thắng lợi. Hướng đến vô địch, chỉ cần cớ của quân đội đến đâu thì quân đội kia đánh không lại.

“ Hướng đến vô địch hiệu thắng quân.”
Quân này gọi là

"thường thắng quân đội", bất cứ lúc nào cũng không bị thua.

“ Không đánh mà hàng bỏ binh giáp.” Không đánh mà hàng có hai ý nghĩa, một là cứ đánh cho đối phương thua bại thì nào là : mũ giáp, đao thương, kiếm kích, vút bỏ mà chạy. Đây gọi là bỏ binh giáp mà chạy, hoặc chạy khoảng một trăm dặm thì hạ trại, hoặc năm mươi dặm thì hạ trại.

Binh chạy năm mươi dặm thì cười quân đội chạy một trăm dặm vô dụng quá, chạy xa như thế, bạn xem tôi chỉ chạy năm mươi dặm. Năm mươi dặm cười trăm dặm, nói quân đội không có nhuệ khí chiến đấu, không đủ dũng cảm. Lấy năm mươi dặm cười trăm dặm. Bạn nói nên hay chẳng ?

Đúng chẳng ? Đều là bỏ chạy, chỉ là chạy chậm một chút, sao lại cười người chạy xa không có gan !

Đây là không đánh mà hàng bỏ binh giáp. Ngoài ra còn có lối nói khác, bổn thân của bạn quân đội thường thắng, một khi đi đến đâu là vô địch đến đó, đối phương một khi nghe "quân đội thường thắng" đến, thì bèn bỏ giáp mà chạy. Bỏ binh giáp tức là cởi mũ giáp, buông đao thương xuống hết mà bỏ chạy, đó là đối phương hướng bạn đầu hàng, không đánh mà hàng bỏ binh giáp. Bỏ binh giáp lại có hai ý nghĩa là : bỏ giáp mà chạy, buông vũ khí xuống đầu hàng, nghe bạn chỉ huy.

“ Dùng đức phục người dứt tai họa.”
Quân đội này dùng đức đối đãi với người, chứ không phải dùng sự đánh ngưng đánh, dùng tinh thần thượng võ giết càng nhiều càng tốt, cho nên

đánh tranh giành đất đai thì giết người đầy đồng, đánh lấy thành thì giết người đầy thành, dùng sự giết người để so tài thì không đúng. Cho nên, binh lính không đầu rơi máu đổ khắp nơi mọi người đều dụng cớ trắng đầu hàng. Dùng đức hạnh để xử lý quân đội, thì không dùng sự giết người làm tài năng, dùng giống như đại tướng Bạch Khởi nước Tần, chôn sống hai mươi vạn quân đầu hàng của



nước Triệu trong một hồ lớn rộng mấy mẫu. Cho nên, tướng Bạch Khởi cho đến bây giờ vẫn còn thọ quả báo địa ngục, súc sinh, còn làm heo, vì y quá tàn nhẫn. Cho nên phải lấy đức đãi người thì mới dứt tai họa, tiêu diệt tai họa của thế giới, “ Quét sạch kẻ thù sẽ thái bình.” Nếu lấy đức đãi người thì kẻ địch bị tiêu diệt bỏ binh giáp đầu hàng, thế giới sẽ được thái bình.

47. MA ĐÁT LỊ GIÀ NÔ.

Kê : Vân đồng mộc mẫu ngự phong hành
Thiểm điện phích lịch tinh quý lung
Vạn vật tịnh tác nguyên vô sự
Chân tục hổ dụng bốn viên thông.

Tạm dịch :

Mây đồng mẹ gỗ ngự phong hành
Điện sét sấm sét tinh mù điếc
Vạn vật tịnh tác nguyên vô sự
Chân tục cùng dụng vốn viên thông.

Giải thích : "Mây đồng mẹ gỗ ngự phong hành". Ma Nạp Phục Ca dịch là "mây đồng", Ma Đát Lý Ca dịch là "bổn mẫu", tôi cả gan sửa lại thành mộc mẫu (mẹ gỗ), vì mây đồng mẹ gỗ đều thuộc về tầng vân giá vũ ở trên trời. Nếu nói là bổn mẫu thì hình như không hợp với ý nghĩa mây đồng. Mây đồng thuộc về : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, ngũ hành biến hóa. Nói tóm lại, câu chú nam nữ trời này, cũng có thể nói là mây đồng, cũng có thể nói là bổn mẫu, cả hai lối dịch đều được. Lối dịch này không dịch hết hoàn toàn ý nghĩa, cho nên tôi không màng đúng hay không, dịch nó thành bổn mẫu, vì nam nữ trời này, dùng danh từ mộc mẫu (mẹ gỗ) chẳng có giảng pháp gì.

Lúc trước, giáo sư họ Ngô nói Kinh Hoa Nghiêm là bổn mẫu, đó là Kinh Hoa Nghiêm, nhưng trong Chú Lăng Nghiêm không thể nói như thế, vấn đề học vấn không thể lờ thôi, cũng không thể ngàn lần giống nhau, phải có trí huệ nhạy bén.

“ Mây đồng mẹ gỗ ngự phong hành”. Đi trong gió.

“ Điện sét sấm sét tinh mù điếc ”. Người mắt sáng thì thấy được điện sét. Khi trời sấm sét thì kẻ điếc cũng nghe được, vì âm thanh sấm sét rất lớn, cho nên làm thức tỉnh kẻ mù điếc.

“ Vạn vật tịnh tác nguyên vô sự.” Sự việc trong trời đất, sinh sinh hóa hóa, hóa hóa sinh sinh, tự có hóa không, tự không hóa có, đó là bản lai của một đạo lý, nguyên lai là vô sự chẳng phải đầu lại thêm đầu cố ý tạo ra, bản lai chẳng có sự việc gì, vạn vật đều làm nên mà chẳng hại nhau, có đạo đều hành mà chẳng trái nhau, vạn vật đều sống với nhau. Nếu như nói thượng đế cai quản thế gian này, chẳng phải là mỗi sự việc đều quản, nhìn xem loài kiến như thế nào ? Loài muỗi như thế nào ? Thượng đế chẳng quản sự việc nhiều như thế ! Sinh sinh hóa hóa, hóa hóa sinh sinh, đây là một thủ đạo lý rất tự nhiên.

“Chân tục cùng dụng vốn viên thông.” Chân không ngại tục, tục không ngại chân, chân tục hổ tương dụng nhau, không tốt cũng thành tốt. Nếu không dụng nhau, thì tốt cũng biến thành không tốt. Dụng nhau thì có thể phong hung hóa cát, ẩn xấu hiển lành, không hội nhau thì rất nhiều tai nạn

sẽ phát sinh. Không biết giữ lấy thân, hãy học theo Gia Cát một đời cẩn thận, cho nên đạo lý này bản lai là việc tốt, mà đến bên bạn, mà bạn không thể làm được thì trở thành xấu ; bản lai không tốt, nếu bạn làm được nó thì sẽ thành tốt. Cho nên, hết thấy các pháp không có pháp cố định, không có nhất định, tức

là xem bạn dụng được hay không dụng được. Bạn phải hiểu bất cứ việc gì, cũng đừng nhận chân chấp trước như thế, có gì để chấp trước ! Đến khi chết, xem bạn chết hay không, bạn chấp trước, bạn nói tôi không chết, đến lúc cũng chết giống nhau, bạn tin chẳng ? Cho nên Phật pháp là viên dung, đừng nhìn không xuyên thủng, thật hiểu thì mọi sự đều OK.

(còn tiếp)

Khổ và phước

- *Ngữ đến cái khổ của bệnh tật, thì mạnh khỏe là phước.*
- *Ngữ đến cái khổ về tai nạn, thì bình an là phước.*
- *Ngữ đến cái khổ của sự có tiền, thì kh ông có tiền là phước.*
- *Ngữ đến cái khổ về giàu sang, thì nghèo cùng là phước.*

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Hỏi : Tại sao Bồ-tát Thích-Ca tâm chưa thuần thực mà đệ tử thuần thực, Bồ-tát Di-Lặc tâm thuần thực mà đệ tử chưa thuần thực ?

Đáp : Bồ-tát Thích-Ca tâm lợi ích chúng sinh nhiều, tự vì mình thì ít ; Bồ-tát Di-Lặc vì mình nhiều, vì chúng sinh ít.

Từ Phật Tỳ-Bà-Thi đến đức Phật Ca-Diếp trong khoảng trung gian chín mươi một đại kiếp, trồng ba mươi hai tướng nghiệp nhân duyên đủ sáu Ba-la-mật : Đàn ba-la-mật, Thi ba-la-mật, Sà-đề ba-la-mật, Tỳ-lê-gia ba-la-mật, Thiên-na ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật.

HỎI : Làm thế nào được đầy đủ Đàn ba-la-mật (bố-thí ba-la-mật) ?

ĐÁP : Tất cả bố thí hết không có ngăn ngại, thậm chí khi đem thân bố thí, tâm không có tiếc, như vua Thi-Tỳ đem thân bố thí cho chim cá. Tiên thân của Phật Thích-Ca khi làm vua tên là Thi-Tỳ. Vua ấy được quy mệnh cứu hộ Đà-la-ni, đại tinh tiến, có tâm từ bi thương tất cả chúng sinh như mẹ thương yêu con. Thời đó, không có Phật, vua Đế Thích mệnh sắp hết, năm tướng suy hiện ra, tự nghĩ rằng xứ nào có Phật, bậc Nhất thiết trí, để cúng dàng cầu phúc báo hầu tăng thêm tuổi thọ. Hỏi khắp các nơi, không ai biết, trở về trời ngòi mà rầu lo ! Sảo-kiến-hoa-sư là Tỳ-Thủ yết-ma-thiên hỏi : Thiên chúa, tại sao lo buồn vậy ?

Ta tìm người nhất thiết trí không được, vì thế nên buồn phiền !

Có đại Bồ-tát bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ đầy đủ không lâu sẽ thành Phật.

Đế Thích đọc kệ đáp :

Bồ-tát phát đại tâm,
Như bông xoài, trứng cá.
Việc ấy nhân thời nhiều,

Thành quả thời rất ít.

Tỳ-Thủ yết-ma đáp : Dòng Ưu-Thi-Na vua Thi-Tỳ trì giới tinh tiến, đại từ, đại bi, thiền định, trí tuệ không lâu sẽ thành Phật.

Vậy chúng ta đến thử xem, biết có tướng Bồ-tát hay không. Người sẽ hóa làm chim cá, ta hóa làm chim ưng. Người sợ bay vào lòng vua, ta đuổi bắt người.

Đây là đại Bồ-tát, sao lại làm việc gây phiền não như vậy ?

Vua Đế Thích nói kệ rằng :

Ta chẳng phải ác tâm,
Nếu vàng thật, nên thử !
Để thử Bồ-tát xem,
Biết tâm định thực không.

Nói kệ xong, Tỳ-Thủ yết-ma tự biến thân làm chim cá một mắt đỏ, chân đỏ. Vua Đế Thích tự biến thân làm chim ưng bay gấp đuổi theo. Chim cá bay thẳng vào lòng vua, run rẩy sợ hãi, mắt động tiếng riu rít.

Khi đó đại chúng đông người, cùng nhau mà nói rằng :

Nhà vua đại nhân từ,
Tất cả nên bảo hộ.
Như con cá, chim nhỏ,
Quy y như vào nhà.
Bồ-tát tướng như thế,
Thành Phật ắt không lâu.

Khi đó, chim ưng ở trên cây bảo vua Thi-Tỳ rằng : Trả lại con chim cá cho tôi, nói là món ăn của tôi !

Vua bảo chim ưng rằng : Nó đến đây với ta trước, không phải của người ! Ta đã phát tâm độ hết tất cả chúng sinh.

Chim ưng nói : Vua muốn độ tất cả chúng sinh, vậy tôi không ở trong số đó sao ? Sao không thương tôi mà đoạt món ăn của tôi hôm nay ?

Người muốn ăn món gì ? Ta đã thệ nguyện : Nếu có chúng sinh lại đến chốn ta tất được cứu hộ. Người muốn ăn gì, cũng được cung cấp.

Tôi muốn dùng thú thịt mới giết hãy còn nóng.

Vua nghĩ : như thế thì khó được lắm, trừ sát sinh bởi đâu mà được ! Ta làm sao giết một cho một ! Nghĩ xong, tự nói kệ rằng :

Là thân thịt ta đây !
Thường thuộc già, bệnh, chết.
Chẳng lâu thấy thối mục,
Nó dùng, ta sẽ cho.

Suy nghĩ xong rồi gọi người mang dao đến tự cắt thịt đùi cho chim ưng.

Chim Ưng bảo vua rằng : Vua tuy lấy thịt nóng cho tôi phải có đạo lý. Thịt phải bằng số lượng với chim cáp, không được lừa dối !

Vua bảo đem cân lại, lấy thịt mình cân với chim cáp. Chim cáp vẫn nặng hơn, thịt vua vẫn nhẹ. Vua sai người cắt hai vế, cũng nhẹ không đủ ; sau cắt hai gót chân, hai vú, cổ xương sống, toàn thân hết thịt, thân chim cáp vẫn nặng, thịt vua vẫn nhẹ. Lúc đó, quan cận thần trong lòng thương liền treo màn che, ngăn không cho người xem. Vua nói : chớ ngăn mọi người, hãy cho vào xem, mà nói kệ rằng :

Trời, người, A-tu-la !
Tất cả lại xem ta !
Đại tâm vô thượng chí,
Để cầu thành Phật đạo,
Nếu có cầu Phật đạo,
Phải nhẫn chịu khổ lớn.
Nếu tâm chẳng bền vững,
Thời sẽ tất ý chí.

Bấy giờ, Bồ-tát lấy huyết bôi tay, vịn nhào người muốn lên định đem toàn thân để cân với chim cáp. Chim ưng nói : Đại vương, việc ấy khó giải, thôi đem chim cáp cho tôi là xong !

Vua nói : Chim cáp nó đã đến với ta, không thể cho người được. Ta đã chết vô lượng thân vô ích. Nay muốn đem cái thân này để đổi lấy Phật đạo. Đưa tay kéo lên, Bồ-tát lúc đó thịt hết, gân đứt, không thể chịu nổi, lên lại rơi xuống. Tự

trách tâm rằng : "Người phải bèn bĩ, chớ có mê muội" ! Tất cả chúng sinh rơi xuống biển lớn khổ não; người, một người lập thệ muốn độ tất cả, sao lại lười mõi ! Khổ này rất nhỏ, địa ngục khổ nhiều, đem đây mà so trong mười sáu phần, không được một ; ta nay có trí tuệ, tinh tiến, tri giới, thiên định, còn lo khổ này, thì người trong địa ngục không có trí tuệ ra sao ?

Bồ-tát nhất tâm muốn lên cân, vịn nắm và gọi người đỡ giùm lên. Bồ-tát định tâm không hối, chú Thiên, Long vương, A-tu-la, quỷ thần, nhân dân đều tán thán rằng : "Vi con chim nhỏ mà thí là việc hiếm có".

Tức thời, trời đất sáu lần chấn động, biển lớn sóng gào, cây khô sinh hoa, trời mưa nước thơm, rải các hoa tươi đẹp ! Thiên nữ ca hát : hễ sẽ được thành Phật ! Khi đó bốn phương thần tiên đều lại khen rằng : là chân Bồ-tát, tất sẽ thành Phật ! Chim ưng bảo chim cáp rằng : "chúng ta thủ như thế, mà không tiếc thân mạng, thực là chân Bồ-tát", rồi nói kệ rằng :

Tù bi trong đất sinh,
Mâm cây nhất thiết trí.
Lũ ta nên cúng dàng,
Không nên làm ưu não !

Tỳ-Thủ yết-ma bảo vua Đế Thích rằng : Thiên chúa có thần lực, hãy làm cho thân vua lại được bình phục.

Đế Thích nói : Không cần phải nhờ ta, vua tự thệ nguyện, đại tâm hoan hỷ, không tiếc thân mạng, cảm phát tất cả để cầu Phật đạo. Liền hỏi vua rằng : Ngài cắt thịt có đau khổ không ? Lòng không buồn phiền, không chết ngất chăng ?

Vua nói : Lòng ta hoan hỷ, không nào, không chết ngất.

Ai sẽ tin Ngài tâm không chết ngất ?

Khi đó, Bồ-tát lập thệ nguyện rằng : "Tôi cắt thịt máu chảy không giận, không nào, nhất tâm không buồn, để cầu Phật đạo, thân tôi sẽ bình phục như cũ". Nói xong thân lại bình phục như trước. Trời, người thấy thế thấy đều vui mừng, khen chưa từng có : Đây là đại Bồ-tát, tất sẽ thành Phật, lũ ta phải nên tận tâm cúng dàng. Nguyện người sớm được thành Phật, nhớ đến lũ chúng con !

Khi đó vua Đế Thích và Tỳ-thủ yết-ma đều trở về trời. Những tướng như thế gọi là mãn (đầy đủ) Đản ba-la-mật.
(còn tiếp)

CAM LỒ LÀ THUỐC LIỄU SINH THOÁT TỬ

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng ngày 18/4/1987

Tham thiền không phải chỉ ngồi thiền mới là dụng công, mà là đi, đứng, nằm, ngồi đều phải dụng công, chỉ bất quá ngồi thiền thời gian phải chuyên nhất. Đi cũng tham "Niệm Phật là ai?" Đứng cũng tham "Niệm Phật là ai?" Ngồi, nằm cũng tham "Niệm Phật là ai?" Cho nên "Đi đứng nằm ngồi, không rời niệm này, rời niệm này thì là sai lầm!" Niệm này là cái gì? Tức là "Niệm Phật là ai?" phải tham câu thoại đầu này.

Ngồi thiền thì uốn đầu lưỡi lên hàm trên, nếu có nhiều nước dãi thì nuốt vào. Đây là "Nước cam lồ". Vì sao? Vì ngồi thiền, ngồi lâu rồi, nước dãi là vị ngọt. Tuy không nồng như đường, hoặc như mật, nhưng cũng là một vị ngọt đậm đậm. Người thường uống thứ nước cam lồ này, thì không ăn cơm cũng không đói, không uống nước cũng không khát, cho đến đi không biết đi, đứng không biết đứng, ngồi không biết ngồi, nằm không biết nằm, công phu đã dả thành một khối, thời khắc đều ở trong định.

Nước cam lồ trị được bách bệnh, cường thân kiện thể, khai mở đại trí huệ, nhưng phải luôn luôn dụng công, không nên gián đoạn. Vì sao người tu đạo không thích nói nhiều? Vì họ muốn dụng công. Không luận là bữa củi, gánh nước, hoặc làm bất cứ việc gì đều là dụng công. Công phu dụng được thành thực, miên miên mật mật, không nghĩ đến dụng công, thì nó cũng tự động dụng công, không nghĩ tham "Niệm Phật là ai", nó cũng tự động tham. Tham đến gió thổi không động, mưa rơi không lọt, công phu thành khối thì mưa gió không làm gì đặng. Đương nhiên

đạt đến trình độ công phu như thế, không phải một sớm một chiều mà luyện thành, cho nên phải thời thời khắc khắc, từ từ dụng công.

Nước cam lồ còn gọi là "Nước nhà mình". Ba chữ này hợp lại đọc thành chữ dược (thuốc). Thuốc này sống thọ lâu năm, thuốc liểu sinh thoát tử, thuốc thoát khỏi luân hồi sáu nẻo. Ai ai cũng đều có thuốc này, nhưng mọi người không dùng đến nó. Ai ai cũng bỏ gốc tìm ngọn, chạy đông chạy

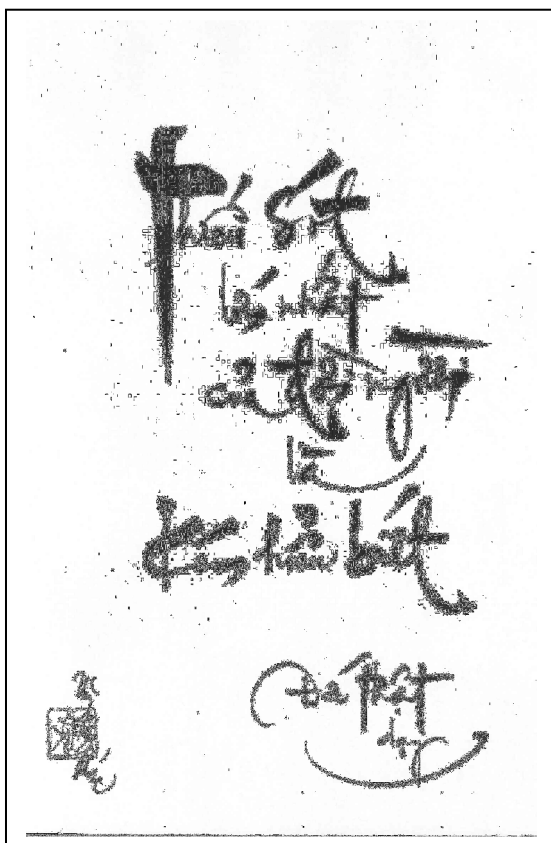
tây, tìm kiếm bên ngoài. Thứ thuốc này là tự tánh vốn sẵn có. Người nào thường dụng công, thì nước dãi rất ngọt, thậm chí còn hơn mật, đường, đợi đến khi thuốc này công hiệu, thì trong thân thể liền sinh sản biến hóa. Nếu chưa tu đến chỗ diệu dụng, thì không biết, nếu đến được rồi, thì thời thời khắc khắc, không thể buông bỏ công phu. Không thể gián đoạn, nhưng phải luôn giữ thường hằng. Không phải ba ngày đánh cá, hai ngày phơi lưới; một ngày nóng, mười ngày lạnh, phải có kiên, thành, hằng, thường thường dụng công mới có thể thành tựu.



Chạy hương, thì phải dả khởi tinh thần lên, phải đi thật nhanh. Phải như "Long tinh hổ mãnh". Lúc nhập định thời như "Long bàn hổ ngọa" (ròng khoan, hổ nằm); xuất định rồi thì phải dả khởi tinh thần, không nên lừ thừ uể oải như ngủ không tỉnh. Chạy hương, thì cũng là một thứ vận động, hoạt động lưu thông khí huyết, giống như năm xưa, Đạt Ma Sư Tổ dạy chư Tăng tập định tại Thiếu Lâm Tự. Xuất định thời cũng dạy họ quyền thuật. Đó cũng là vì hoạt động gân cốt, điều hòa khí huyết.

Bạn muốn ngồi thiền được tương ứng, thì trước hết phải khử trừ sáu thứ tư tưởng mâu thuẫn. Tại sao gọi là mâu thuẫn ? Bạn một mặt nghĩ muốn khai ngộ, khai mở đại trí huệ, nhưng lại cũng giống như lúc trước nào là : Tham, tranh, cầu, ích kỷ, lợi mình, nói láo, thì vĩnh viễn không đạt được mục đích. Vì sáu thứ tư tưởng này mâu thuẫn, trái với sự khai ngộ, cho nên trước phải giữ sáu đại tông chỉ cho vững chắc, vững chắc rồi thì có thể phá vô minh.

Tham thiền tức là vì phá vô minh. Vô minh tức là không hiểu. Nguồn gốc vô minh là ái dục. Do đó người tham thiền phải chú ý khử dục đoạn ái. Nếu bạn không khử dục đoạn ái, nghĩ muốn tham thiền cầu khai ngộ thì không có lý này. Đây là then chốt quan trọng, mọi người phải chú ý.



Đến đây, thấy các vị đều rất thành tâm lễ Phật, niệm Phật, lại còn lễ lạy sớm. Như vậy thật quá tốt. Nhưng tôi nói với các bạn : "Bất luận bạn lạy

Phật cũng tốt, lễ sám cũng tốt, tụng Kinh cũng tốt, tức là làm cho tính nóng giận thay đổi bớt". Người có tính nóng giận thì khổ, người không có tính nóng giận thì an vui. Người có tính nóng giận thì có phiền não, người không có tính nóng giận thì thường hoan hỉ. Sự nóng giận này là kẻ địch lợi hại nhất của chúng ta, giống như người sinh ra các thứ bệnh. Tại sao lại sinh ra ? Vì có nóng giận. Hết thấy mọi sự đều không thuận lợi. Tại sao ? Cũng vì có tính nóng giận, do đó nếu người không có nóng giận, thì luôn luôn khoái lạc, đều yên ổn. Nhưng không ai chú ý điểm này, cho rằng tùy tiện

nổi nóng, thì sẽ giúp cho sự việc. Trên thực tế, việc gì tốt, khi bạn nóng giận thì cũng xấu. Cho nên điều quan trọng nhất là : đừng có nóng giận, đừng có phiền não.

Người học Phật pháp phải có tâm nhẫn nại, nếu có người chưởi mắng chúng ta, thì chúng ta xem như họ đang ca hát, hoặc họ đang nói với chúng ta một ngôn ngữ khác, mà chúng ta không hiểu. Vì tôi không chưởi người, nếu kẻ khác chưởi tôi, tôi cũng không hiểu, cũng không biết. Song, có người chưởi mắng chúng ta đó là cho chúng ta thêm phân, khiến mảnh đất của bạn tốt thêm. Do đó, chúng ta là người học Phật pháp, phải có tâm nhẫn nại, thì mới có đức hạnh, nhẫn được thì là đạo. Nhẫn không được cũng phải nhẫn, nếu chịu không được thì có phiền não. Nhẫn được, thì bất cứ cảnh giới gì đến, cũng đều nhẫn thọ được. Đây là thấu hiểu được Phật pháp. Nếu bạn không thể nhẫn, không thể chịu được, thì bạn không hiểu Phật pháp.

Bởi vậy chúng ta phải : "Đừng sinh phiền não, tâm chó nghi". Luôn luôn đừng sinh phiền não, cũng đừng sinh tâm hoài nghi. Thường thường phải lo cho chính mình, đừng lo cho người khác.

MỌI SỰ NHẪN NẠI ĐỀU CHỊU ĐƯỢC

H.T Tuyên Hoá Giảng ngày 25/02/1987
tại Seattle Kim Phong Tự

Trước hết chúc các vị năm mới khoái lạc !
Tôi vốn muốn đến đây rất sớm, nhưng Chùa Kim Sơn làm lễ khai quang, cũng có rất nhiều người xin hẹn gặp tôi, cho nên mỗi ngày đều có người đến gặp tôi, do đó không có thì giờ đến đây được. Lần này nhàn rồi trong sự bận rộn. Tôi trước đến đây (ở Seattle), ngày mai sáng sớm phải đi Gia Nã Đại, Ôn Ta Hoa. Từ Ôn Ta Hoa lại đến Gia Cát Lý, thứ hai từ Gia Cát Lý lại đến Áo Châu Vưu Kim Thị. Vì đại học Vưu Kim Thị có một số mời tôi thuyết giảng.

Thường phải nhận mình không đúng, đừng có tranh biện. "An nhiên thanh tịnh trí huệ sinh". Bạn luôn luôn bình an, thì sẽ phát sinh trí tuệ. Minh tâm tức là tâm của bạn hiểu biết sáng suốt. Bất cứ sự việc gì cũng đều không khó khăn. "Thấy tánh chẳng còn tâm ưu sầu". Người kiến tánh, thì không biết tâm ưu sầu là gì. "Phật quang không chỗ nào mà chẳng chiếu đến". Cho nên có câu :

"Nước tâm trong trăng hiện,
Ý định trời không mây ;
Tâm bình trăm nạn tiêu,
Ý định vạn sự tốt".

Quang minh của Phật không phải là không chiếu đến bạn, nhưng nếu tâm của bạn như nước đục, cáu bẩn thì mặt trăng không thể hiện được. Nếu tâm của chúng ta thanh tịnh, thì như mặt trăng hiện trong nước, Phật tánh liền hiện tiền. "Ý định trời không mây". Ý của bạn có định lực, thì giống như bầu trời không có mây. Tại sao quang minh của Phật không chiếu đến chúng ta ? Vì "Ưu tư sân hận tâm vẫn đục". Bạn lại có ưu sầu, có phiền não, có oán, có hận, đủ thứ trong tâm cho nên trong tâm vẫn đục, thì chẳng có trí huệ. Chúng ta, ai không có phiền não, thì người đó không nóng giận, chắc chắn sẽ sinh đại trí huệ, khai mở đại trí huệ.

Học Phật pháp không cần học nhiều, nếu học được không nóng giận,

không sân hận thì đó là Phật pháp. Cho nên nói :

"Mọi việc đều tốt đẹp,
Nóng giận khó chuyển hóa,
Nếu thật không nóng giận,
Thì được báu vô giá,
Lại không có oán người,
Mọi việc đều như ý,
Phiền não quyết không sinh,
Oan nghiệt làm gì có ?
Hết thấy người không đúng,

Khổ mình chẳng còn nữa".

Chúng ta thọ khổ thì hết khổ, hưởng phước thì tiêu phước, đây rất là đơn giản, rất hiện thực. Nếu hiểu rõ, thì hiểu được Phật pháp, không cần đi tìm đâu cho xa, chỉ ở ngay trước mắt hàng ngày của bạn. Đó là cảnh giới bạn phải chuyển nó, nếu không, nó sẽ chuyển bạn, phải luôn luôn như như bất động, liễu liễu thường minh. Như thế thì sẽ hiểu biết Phật pháp.

PHẬT PHÁP KHÔNG RỜI TÂM CỦA MỖI NGƯỜI

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng tại
Hoa Liên Đông Tịnh Tự ngày 10/10/89

Phật pháp không tách rời tâm của mỗi người, cho nên Phật pháp tức là tâm pháp, trong tâm của bạn không có tư tâm, vọng tưởng, cuồng tâm, dã tính, tập khí, mao bệnh thì là Phật pháp. Nếu tâm bạn có tập khí, mao bệnh, cuồng tâm, dã tính, vọng tưởng thì là ma pháp. Phật thì thuộc về niệm thiện, thanh tịnh. Ma thì thuộc về ác niệm, nhiễm ô, không thanh tịnh. Cho nên cổ nhân có nói :

"Thiện ác hai con
đường,
Tu thì tu, tạo thì tạo".

Hai con đường này rất dễ khiến người hồ đồ mê hoặc. Cho nên, khi làm việc thiện, lại có ác trong thiện. Khi làm việc ác, lại có thiện trong ác, không thể chuyên nhất, không có con mắt chọn pháp, không thể :

"Phải đạo thì tiến,
Trái đạo thì lùi".

Không thể :

"Chọn thiện mà theo,



Không thiện thì đổi".

Vì chúng ta đều ở trong mê tối, có lúc không đúng nhận là đúng, đúng lại cho là không đúng. Hồ đồ trong hồ đồ qua suốt cuộc đời. Có thể nói, suốt đời để thời gian không qua, có thể nói cuộc sống lãng phí.

Cổ nhân lại nói : "Trên thế gian chỉ có hai người. Một là cầu danh, một thì cầu lợi". Trừ hai loại người này ra, còn những người khác rất ít. Cho nên nói :

"Danh lợi là việc nhỏ, ai ai cũng ham".

Kể cả những người xuất gia, cũng thích danh ham lợi. Tôi cử một ít ví dụ, các bạn hãy xem : Pháp Sư Hằng Thật tam bộ nhất bái. Tại sao gọi y là Hằng Thật ? Vì y không thật tại lâm, pháp danh gọi là Quả Chân, tức là kêu y nơi nơi đều phải làm chân thật. Nhưng y, trước khi đến không chân thật, tóm lại là phải làm giả giả, giống như viết văn chương, một sự kiện đều phải thêm một chút tài liệu, giống như lúc trước phiên dịch cho tôi, tôi nói : "Gió bão thổi càng mạnh càng tốt". Tôi không có nói : "Đừng lo lắng", nhưng y phiên dịch nói : "Don't Worry". Y muốn xuất lộ tài hoa của mình ra.

Có người nghe tôi giảng đến chỗ này thì sinh hoài nghi.

Tam bộ nhất bái là việc rất tốt, hiếm có, toàn thế giới đều nghe danh. Vậy sao còn chưa chân thật tu hành ? Tôi lão lão thực thực nói với các bạn, vì tôi không thể dạy y, cho nên y không thể minh bạch. Thế nào ? Y từ Los Angeles Chùa Kim Luân lạy đến Vạn Phật Thành, nhưng mục đích tam bộ nhất bái không phải vì muốn thành Phật, mà là cầu cho thế giới hòa bình, thật ra trong tâm

của y không có hòa bình. Khi y bắt đầu lạy thì trong tâm khởi vọng tưởng : "Tam bộ nhất bái, khi lạy xong rồi, tôi là đệ nhất toàn thế giới, tôi sẽ thành danh".

Các bạn nghĩ xem, thành danh gì ? Tức là trên đường tam bộ nhất bái cầu cái danh này, cầu đệ nhất thế giới. Lạy nhiều lạy tới được đệ nhất, tôi một cái lạy cũng không có, vì tôi nhận thấy rằng y dụng tâm sai lầm. Còn nữa, khi y đến mỗi thành thị lớn, thì mong phóng viên nhà báo đến, biên cho y một bài tin tức mới, thì y xuất lộ phóng đầu, ai cũng đều biết y. Vì phóng viên nhà báo biên bài tam bộ nhất bái tuyên truyền. Nếu vì việc nhỏ thì cũng là lạy không. Sau đó, y lạy đến Vạn Phật Thành, thì muốn xưng vương xưng bá tại Vạn

Phật Thành, làm tiểu hoàng đế. Thế nào ? Khi y đến Vạn Phật Thành, là lúc làm lễ khai quang. Tôi đến khai quang, trong tâm y chuỗi Sư Phụ : "Chao ôi, Ngài là người quê mùa, một chữ tiếng Anh cũng không biết, Ngài làm hồng việc của tôi rồi".

Y tam bộ nhất bái, lạy hai năm chín tháng, còn muốn tranh với Sư Phụ, đây là lạy cái gì ? Cho nên các bạn cho rằng Vạn Phật Thành có tam bộ nhất bái. Tam bộ nhất bái này giống như cầu danh cầu lợi. Cho nên :

"Danh lợi việc nhỏ người người ham,

Sinh tử việc lớn chẳng ai màng".

Sinh tử là việc lớn, nhưng chẳng ai nghĩ đến, còn muốn truy cầu danh lợi. "*Thanh tịnh là phúc chẳng ai muốn*", việc tốt không bằng vô sự, "*Phiền nào là tội người người tham*". Phiền nào là tội nghiệp, bạn tu hành, tu được không còn phiền nào, đó mới là hiểu sự dụng công.

Nếu bạn ngày ngày ăn phiền nào, dùng phiền nào, ngồi cũng phiền nào, đi cũng phiền nào, đứng cũng phiền nào, ngủ cũng phiền nào. Đi đúng



nằm ngồi, chẳng lúc nào không có phiền não, như vậy tu cái gì ? Các bạn thử nghĩ xem.

Vừa mới nói đoạn này, các bạn có chú ý chẳng ? Phải chăng tôi quá tam bộ nhất bái, cầu danh cầu lợi ? Không phải, vậy thì oán ai ? Đây đều quy tội về Sư Phụ của y, lãnh trách nhiệm vì không dạy y minh bạch. Vì Sư Phụ của y là người quê mùa, không dạy đồ đệ, cho nên tôi nói quá nhiều lời, điểm quan trọng là tại chỗ này, tôi hy vọng người quê mùa, không dạy ra người tiểu quê mùa, hy vọng đồ đệ tử sẽ giỏi hơn thầy. Các bạn xem tôi đây là Sư Phụ, đừng nói không có tam bộ nhất bái, một lạy cũng không lạy, tôi cũng không dám lạy, té nhào xuống đây không được thì làm sao. Bất quá đây cũng không phải là lỗi lầm của Sư Phụ, đây là lỗi tại quốc gia này, quốc gia này có lỗi gì ?

Lúc ban đầu tôi đến nước Mỹ, tôi rất hâm mộ tự do phát triển của nước này, tôi cũng mặc theo mê tín tự do phát triển, hiểu lầm tự do, không có tự do lý trí, cho nên thu đồ đệ, tôi cũng không muốn quản chúng, tôi thường thường nói như thế, bạn muốn lên trời thì lên trời, bạn muốn xuống địa ngục thì xuống địa ngục, bạn muốn làm gì thì làm, do đó dưỡng thành thứ tư tưởng cầu danh cầu lợi. Đây không phải tự mình biện hộ, bất quá tuy nhiên tôi nói tôi một bước cũng không lạy, phương pháp tôi lạy không giống y.



Y thì tam bộ nhất bái, hy vọng người người biết, tôi thì đứng tại một chỗ lạy, từ mười hai tuổi bắt đầu, mỗi ngày sáng sớm tôi lạy hơn tám trăm ba chục lạy, tối cũng lạy hơn tám trăm ba chục lạy, tôi lạy thì không hoan hỉ cho người biết. Sáng sớm trước khi mọi người dậy, tôi ra ngoài trời lạy, buổi tối lúc mọi người ngủ rồi, cũng lạy hết thầy chúng sinh tận hư không khắp pháp giới. Hết thầy chúng sinh, bao quát hết thầy mười hai loài chúng sinh : Có sắc, không sắc, có tướng, không tướng

.v.v., đều hướng về hết thầy chúng sinh đó mà lạy, hy vọng họ đều cải ác hướng thiện, phát tâm Bồ đề, nhưng tôi không muốn chúng sinh biết. Vì không muốn chúng sinh biết, cho nên không có cách chi thành danh, bây giờ tôi già rồi, tôi không ngại đem phương pháp này truyền cho các bạn.

Bạn muốn tam bộ nhất bái, thì nên lạy vào buổi tối, không nên lạy ban ngày, nếu không chẳng khác nào mua quảng cáo.

"Thiện muốn người biết,
không phải là chân thiện,
Ác mà sợ người biết là đại ác".

Những đồ đệ của tôi cũng có thiện trong ác, cũng có ác trong thiện. Vừa rồi tôi có sự cảm xúc, mới giảng chân kinh chân điển, hoạt kinh hoạt điển, cho các vị nghe, đây không phải là tử kinh tử điển.

Pháp Sư Hàng Kỳ bế quan được bốn năm ba tuần, năm nay mới xuất quan, xuất quan còn nói : bốn năm không được học tiếng Tàu, lúc y bế quan không xem thư, cũng không biên thư, người khác biên thư y cũng không xem, y cũng không biên thư cho người khác, y cũng không xem truyền hình, cũng không nghe đài, cũng không nói chuyện với bất cứ ai, bốn năm đọc Kinh Lăng Nghiêm, cho nên y nói tiếng Tàu không thông thạo. Nhưng y có thể ngồi mười bốn mười lăm tiếng.

Đệ tử của tôi đều là rồng rắn hỗn tạp, tu hành tốt là long tượng (rồng voi), tu hành không tốt là rắn rít. Cho nên, tôi làm Sư Phụ đều giảng Kinh điển cho đồ đệ của tôi và các bạn nghe.

Tại sao chúng có long xà thiết trượng (rồng, rắn, bò cạp, voi) vì tôi không thể dạy, cho nên chúng ngày ngày theo tôi, ngày ngày tận khổ não, thời gian không qua.

BỐN ĐỨA CON

Việt Dịch: Diệu Hạnh

Đức Phật A Di Đà ở thế giới Tây phương Cực Lạc đã phát nguyện sẽ cứu độ chúng sinh trong biển khổ, chúng ta chỉ cần muốn siêu sinh thì đức Phật A Di Đà chắc chắn sẽ đến tiếp dẫn, nguyện lực của Ngài to lớn thù thắng, không thể nghĩ bàn được.

Cách đây chừng hơn 2000 năm, cũng chính là lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp ở thế gian, có một vị nữ cư sĩ tại gia học Phật, rất chí thành tin tưởng và cung kính Như Lai. Mỗi buổi sáng bà đều đến gặp đức Phật cung kính lễ bái, chưa bao giờ quên, chưa bao giờ lười biếng trễ nãi.

Một hôm, bà thỉnh đức Phật đến nhà thọ cúng ; đức Phật biết tâm ý của bà nên cố ý hỏi :

- Bà thiết đàn lập trai cúng dường Phật, là vì muốn có được phúc báo gì ?

Bà cư sĩ cung kính trả lời :

- Nếu được phúc báo, con xin sinh được 4 đứa con.

- Tại sao lại muốn có 4 đứa con ?

Đức Phật từ bi hỏi.

- Bạch Thế Tôn, nếu con có 4 đứa con, thì khi chúng nó khôn lớn, đứa đầu sẽ buôn bán làm ăn, kiếm thật nhiều tiền. Đứa thứ hai sẽ cày ruộng làm rẫy, mỗi năm gặt hái được nhiều thóc lúa ; đứa thứ ba, con sẽ dạy nó cố gắng chăm chỉ, tương lai làm quan vinh hiển tông môn, và đứa thứ tư thì con sẽ cho nó xuất gia học đạo, tu hành chứng thánh quả để tiếp độ cha mẹ cùng tất cả mọi người, lúc ấy con sẽ hoàn toàn mãn nguyện.

Đức Phật nghe bà kể những nguyện ước của mình xong, chấp thuận :

- Được, bà sẽ được như ý.

Bà cư sĩ mừng rỡ cúng dường đức Phật xong, không bao lâu sau quả nhiên thọ thai, sinh được một cậu con trai. Đứa bé từ nhỏ đã thông minh lanh lợi, không giống với những đứa bé thường tình khác, nên được cha mẹ thương yêu như hòn ngọc trong tay.

Đứa bé theo thời gian mà lớn lên, tuy mẹ nó cầu xin có bốn đứa con nhưng không cho nó được đứa em nào hết. Bao nhiêu tình thương đáng lẽ phải chia cho bốn, bà đều dồn hết lên đứa con duy nhất ấy.



Có một hôm trong câu chuyện, người mẹ kể cho con nghe chuyện mình cúng Phật cùng nguyện ước bốn đứa con của mình, và tại sao mình lại muốn như thế. Người con nghe mẹ kể xong thì khắc ghi lời của mẹ trong lòng. Lớn lên, cậu học làm ăn buôn bán. Nhờ thông minh lanh lợi nên không đầy một năm sau, kiếm được vô số tiền bạc tài sản, làm cho cha mẹ rất vui mừng. Sau đó, cậu không buôn bán nữa mà xoay qua làm nghề canh nông. Nhờ cậu chịu khó cần lao cày cấy tưới tẩm, mức thu hoạch vô cùng dồi dào phong phú, hàng xóm láng giềng ai nấy đều khâm phục.

Trong nhà nay đã có tài sản lại vừa có thóc gạo, họ đã trở thành một nhà đại phú hộ. Lúc ấy, cậu muốn hoàn thành nguyện vọng thứ ba của mẹ, tức là có một đứa con làm quan để rạng rỡ tông môn. Vốn là một người tài hoa nên xin ra làm quan không phải là việc khó, cậu làm quan lớn nên gia đình càng giàu sang thêm. Bây giờ có gì đáng buồn tiếc nữa đâu ? Nhưng nguyện vọng lớn nhất của cậu vẫn chưa thành tựu. Sau một năm làm quan, cậu thưa với mẹ rằng :

- Mẹ à, bốn điều mà mẹ cầu nguyện, con đã hoàn thành được ba. Bây giờ chỉ còn lời nguyện cuối cùng, nếu hôm nay con xuất gia thì có phải là mẹ hoàn toàn mãn nguyện không ?

Người mẹ biết con mình muốn xin xuất gia, thật ra đây cũng là ý của bà lúc đầu nên bà vui lòng ưng thuận. Người con mừng rỡ từ biệt cha mẹ,

đến chỗ đức Phật Thích Ca Mâu Ni xin xuất gia làm sa môn.

Nương nhờ công đức của Phật, cùng với thiên duyên của mình, thêm sự gia công tinh tấn tu hành, chẳng bao lâu cậu chứng quả, thành một vị đại A La Hán. Đắc đạo xong, cậu về nhà độ hóa cha mẹ cùng tất cả người nhà.

Từ đó về sau, cậu bước trên đường hoàng dương chính pháp, làm lợi lạc và thành tựu chúng sinh.

ĐỨC PHẬT CHỮA TRỊ MỘT TỖ KHEO LUY TÌNH
Tích Truyện Kinh Pháp Cú

Hãy xem hình bóng đẹp...
Câu này Thế Tôn dạy ở Veluvana, liên quan đến Sirimà.

Sirimà vốn là gái giang hồ hạng sang ở Vương Xá. Vào mùa mưa, cô lỡ xúc phạm đến nữ cư sĩ Uttarà, vợ của Sumana, con một phú gia, và là chị của phú gia Punnaka. Muốn nối lại quan hệ tốt, cô đến nhà nữ cư sĩ khi Thế Tôn và Tăng đoàn ở đó. Khi đức Phật thọ thực xong, cô liền đến trước Ngài xin sám hối. Thế Tôn đấng Thập lực đọc kệ sau cho Sirimà nghe:

**Lấy không giận thẳng giận,
Lấy thiện thẳng không thiện,
Lấy thí thẳng xan tham,
Lấy chơn thẳng hư ngụy.**

Cuối bài kệ, Sirimà chứng quả Dự lưu. (Đây chỉ là tóm lược toàn bộ câu chuyện nằm trong phần kinh luận bài kệ thuộc phẩm Phần Nộ).

Sau đó cô thỉnh Thế Tôn đến thọ thực, và sau dâng nhiều lễ vật. Từ đó cô đều đặn cúng dường tại nhà tám phần ăn. Cô múc bơ lỏng và sữa dày bát, phần cho một Tỳ-kheo đủ dùng ba cho đến bốn vị Tỳ-kheo, và cô còn bố thí cho mỗi vị mười sáu đồng.

Có một Tỳ-kheo đến khát thực tại nhà Sirimà, trở về ông dùng chân tại tinh xá cách đó ba dặm. Các Tỳ-kheo hỏi thăm ông thọ thực ở đâu và như thế nào? Ông thật thà kể đủ chi tiết, nào là món hảo hạng, một phần ăn ba bốn vị dùng cũng đủ, đã thế thì chủ xinh xắn càng nhìn càng đẹp. Một Tỳ-kheo khác nghe thế đem lòng yêu cô ta, và muốn đến nhìn mặt.

Hỏi được địa chỉ, sáng sớm vừa rạng đông. Tỳ-kheo này lên đường đến phòng phát phiếu khát thực, tự nhận là trưởng lão của hội chúng và nhận được một phiếu trong tám phần ăn tại nhà Sirimà. Trước đó một ngày, tức ngày Tỳ-kheo kia nhận thức ăn xong đi về, cô lâm bệnh, phải tháo hết nữ trang nằm nghỉ trong phòng. Các Tỳ-kheo đến khát thực, cô không dậy nổi để tự tay phục dịch, nên nhờ nô tỳ bưng dọn, không quên dặn họ phải chăm sóc chu đáo, và xong xuôi dẫn cô đến đánh lễ các Tỳ-kheo.

Cô đến trước mặt các Tỳ-kheo đánh lễ, toàn thân run rẩy. Tỳ-kheo này thấy cô hồn phi phách tán, đang bệnh mà còn đẹp như thế, nếu khỏe mạnh, trang điểm và đeo đồ trang sức nữa thì còn đẹp đến đâu! Sau đó tham ái đã tích lũy từ hàng triệu năm nay nổi dậy trong lòng. Ông không còn biết gì mọi vật xung quanh và không thể thọ thực được. Ông bung bát trở về tinh xá, đập bát lại để qua một bên, nói y ra và nằm dài. Tỳ-kheo đi chung năm ni, nhưng ông không nuốt nổi một thứ gì.

Ngay tối ngày hôm đó Sirimà qua đời. Thế Tôn hay tin, bảo vua quàng xác để trong nhà thiêu, chớ có hỏa táng, và canh giữ dùng để quạ chó mổ ăn thịt. Ngày qua ngày, đến ngày thứ tư xác của Sirimà trương lên, giống như đồng thịt lở loét, từ chín lỗ dồi bò ra chẳng khác gì nồi nấu cơm vỡ nứt. Vua cho đánh trống rao khắp thành bắt mọi người phải đến xem xác Sirimà, ai không đến xem phạt tám tiền. Thế Tôn cùng với Tăng đoàn đến xem.

Người tu hành, nếu hay tu, thì tu thiện trong thiện. Không hay tu, thì tu ác trong thiện. Hay tu thì ở trong ác cũng có thiện. Chẳng hay tu, thì ở trong thiện cũng có ác. Cho nên có thiện trong thiện, ác trong thiện ; thiện trong ác, ác trong ác -- có hỗn thú phân biệt này.

Người tu hành, trước hết phải hiểu rõ pháp thiện. Làm việc thiện trông nhân thiện, đây là thiện trong thiện. Làm việc thiện trông nhân ác, đây là ác trong thiện. Làm việc ác trông nhân thiện, đây là thiện trong ác. Làm việc ác trông nhân ác, đây là ác trong ác.

Bây giờ Tỳ-kheo tương tự này đã bỏ ăn bốn ngày, không đếm xỉa gì đến lời khuyên của các bạn đồng tu. Cơm trong bát đã thối rữa, bình bát thì lên mốc, Nhưng khi nghe tin Thế Tôn sắp đi xem xác Sirimà, đang nằm liệt giường ông tức tốc nhóm dậy. Và khi có người hỏi ông đi không, ông đáp không cần suy nghĩ: "Chắc chắn là tôi đi". Rồi ông hắt bỏ cơm thiu rữa và cất bát trong giỏ lưới xong ra đi.

Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tăng đứng một bên thi thể. Chúng Tỳ Kheo Ni và đoàn tùy tùng của vua với nam nữ cư sĩ đứng bên kia. Thế Tôn hỏi vua:

- Đại vương, người đàn bà này là ai ?

- Bạch Thế Tôn, Sirimà, em của Jivaka.

- Sirimà à ?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vậy thì hãy đánh trống loan hết phố thành ai bỏ ra một ngàn đồng sẽ được sở hữu cô ta.

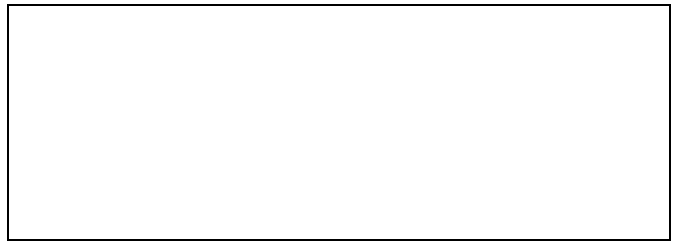
Chẳng có ai "ừ hừ" gì cả. Phật bảo vua hạ giá xuống thấp. Từ trăm xuống đến chục, rồi đến xu, một phần hai xu, một phần tư xu, một phần tám xu, cũng chẳng ai muốn lãnh nàng dù là cho không.

Phật liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Các ông thấy rõ giá trị của một người đàn bà dưới mắt dân chúng chứ. Trong thành này, trước đây người ta dám bỏ cả ngàn đồng để hân hạnh qua một đêm với người đàn bà này. Nhưng bây giờ không ai chịu lãnh nàng dù được cho không, vì lẽ sắc đẹp đã tàn tạ, không còn nữa. Nhìn xem, các Tỳ-kheo, thi thể này tàn rụi và thối rữa.

Và Phật đọc Pháp Cú:

**Hãy xem hình bóng đẹp,
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.**



1. **Quang minh đầy phòng** : Quang minh này sáng hơn bất cứ ánh sáng đèn gì, đại biểu đại trí huệ của Bồ Tát.

2. **Cam lồ đầy sân** : Cam lồ là một thứ nước không thể nghĩ bàn, có thể trị lành đủ thứ bệnh, nếu ai uống được nước đó, thì chẳng bị uy hiếp về khổ sinh, già, bệnh, chết.

3. **Đất vọt lên bảy báu** : Bảy báu là : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Tại sao bảy báu vọt lên ? Vì Bồ Tát Văn Thù đã tu lục độ vạn hạnh, hết sức cứu kính viên mãn, cho nên Ngài đến đâu, cũng đều cảm ứng châu báu từ dưới đất xuất hiện.

4. **Thần thông khai mở bảo tàng** : Sức đại thần thông của Bồ Tát Văn Thù, khiến cho đất nứt ra,

mà lộ ra bảo tàng ẩn náu ở dưới đất, đây chẳng giống như đất vọt lên bảy báu, như điều thứ ba ở trên, ở đây đất nứt xé ra mà hiển lộ ra bảo tàng.

5. **Gà sinh phụng hoàng** : Đìem này càng chẳng tầm thường so với đìem vừa rồi ở trên. Kỳ thật thì gà chỉ sinh gà, nhưng vì Bồ Tát Văn Thù ra đời là việc phi thường đặc thù, cho nên trứng gà nở ra phụng hoàng (phụng hoàng là thần của loài chim).

6. **Heo sinh rồng con** : Đìem cát tường này, càng lạ kỳ ít thấy hơn gà sinh phụng hoàng. Nếu bạn đã cảm thấy quá bất khả tư nghĩ, thì hãy xem mấy đìem dưới đây nữa.

7. **Ngựa sinh kì lân** : Kì lân, thân nai đuôi bò, một sừng. Ngựa mà sinh kì lân là điều hiếm có trên đời.

8. **Bò sinh bạch trạch** :

Bạch trạch là tên của loài thân thú, biết nói. Là một loài thần thú hiếm có vô cùng mà cát tường, chẳng giống bò cũng chẳng giống ngựa.

9. **Thóc biến thành vàng**.

Các bạn nghĩ có kì dị chẳng ? Có những người cho rằng thật là quá kì dị, cho nên không tin. Nếu bạn không tin là vì bạn chẳng minh bạch. Nếu bạn minh bạch thì chẳng có nghi vấn gì, trước kia chắc chắn bạn chưa nghe qua những việc này, cho nên làm sao bạn tin được. Bất quá thế giới này quá rộng lớn, mà những gì chúng ta thấy nghe đều có hạn, vì chúng ta chưa nghe qua những hiện tượng kì dị này, khi thóc chuyển biến thành thóc bằng vàng rồi, thì không thể làm vật ăn nữa, nhưng đó chỉ là số ít.

10. **Voi đũa sáu ngà** : Thông thường chúng ta chỉ biết voi có hai ngà. Nhưng khi Bồ Tát Văn Thù ra đời, thì voi đều mọc ra sáu cái ngà, bạn nói đó có kì lạ chẳng ?

TAM BỘ NHẤT BÁI

Hàng Cù và Hàng Do

LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÀNG CỤ

C uối năm 1973, do nhiều nhân duyên đưa đến khiến tôi quyết định thực hiện một chuyến bái hương. Phần vì trước đây tôi được nghe câu chuyện của một lão Thiền sư Trung Hoa, Hòa Thượng Hư Vân, người đã trải qua chuyến bái hương bằng đường bộ xuyên ngang lục địa Trung Quốc vào khoảng cuối thế kỷ 20. Trong khi đi, cứ

mỗi ba bước Ngài cúi đầu sát đất lạy một lạy và cứ thế kéo dài trong suốt sáu năm trời. Kết quả là Ngài Tam Bộ Nhất Bái tổng cộng được ba ngàn dặm đường (tức là hơn bốn ngàn tám trăm [4.800] kí-lô-mét). Nếu so ra thì bằng khoảng chiều ngang của Trung Quốc. Trong suốt cuộc hành trình này, Ngài đã phải đương đầu với bao thử thách khó khăn, cũng như phải cam chịu những cảnh khổ sở vì đói khát và lạnh lẽo, nhưng Ngài không bao giờ thôi chí. Cuối cùng Ngài đạt đến được cảnh giới “nhất tâm”. Nghĩa là Ngài có thể làm dừng lại tất cả những vọng tưởng lăng xăng, và cảm được tâm tĩnh lặng sáng suốt mà trước đây Ngài chưa bao giờ chiêm nghiệm được. Chuyến bái hương này cũng đã ảnh hưởng thật sâu sắc đối với những người Ngài đã gặp.

Câu chuyện về cuộc hành trình của Lão Hòa Thượng Hư Vân là mối duyên khởi tiếp tục nảy nở trong tôi. Tôi lại sẵn có bản tính ưa thích mạo hiểm, cho nên sau nhiều năm làm cư sĩ rồi xuất gia ở một tu viện Phật Giáo, tôi cảm thấy đã đến lúc sẵn sàng để làm một chuyện thay đổi nho nhỏ. Cho nên kể từ đó, tôi bắt đầu có ý thực hiện một chuyến bái hương ngay nơi nước Mỹ.

Lịch sử thế giới có ghi lại rất nhiều chuyến hành hương về tôn giáo. Hầu hết sự phát khởi của những chuyến đi này là vì đương thời đang có nhiều cuộc đấu tranh và tình trạng đạo đức đang bị suy đồi, nên con người tìm cách để biểu lộ tư tưởng, để diễn tả lòng tín ngưỡng của họ. Rồi có những vị dần dần đạt đến sự an lạc và tỉnh giác, họ tìm cách chia sẻ những kinh nghiệm đó với nhân loại. Vì vậy, khắp trên thế giới đã có vô số chuyến hành hương: bằng ngựa, đường bộ, hay bằng xe buýt, gồm từng nhóm đông hoặc từng cá nhân. Tôi cảm thấy hoàn cảnh đã đến lúc chín muồi, và là dịp để tôi góp phần vào một đại nhân duyên: Cầu cho thế giới hòa bình.

Đây cũng là cơ hội thật tốt khiến tôi tăng tiến trên đường tu tập Phật Pháp. Vì trong lúc thân quý lạy trên đường cầu nguyện cho thế giới hòa bình, tâm



tôi cũng nguyên luôn cố gắng giữ vững hạnh Lạc Độ của Bồ Tát: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên Định và Trí tuệ. Càng nghĩ, tôi càng quyết tâm hơn.

Tôi không nói cho ai biết về quyết định chuyển lễ bái này, vì nghĩ việc này chẳng có dính líu với ai hết thì cần gì phải nói chứ? Cho đến ngay cả Sư Phụ tôi cũng không thưa qua.

Rồi khoảng đầu tháng mười, vào một đêm khi mọi người đã yên giấc, tôi chuẩn bị túi hành trang gồm vài cuốn sách, thức ăn, quần áo và bắt đầu lạy từ cửa chùa ra ngoài, dọc theo con đường 15, cách lề đường khoảng một tấc. Tôi bước ba bước dài rồi cúi quỳ đặt hai tay và đầu sát đất. Lúc bấy giờ trời thật tối, nền đường xi măng thật lạnh, đường phố lại vắng tanh, khiến tôi cảm thấy hơi kỳ hoặc.

Túi hành trang nặng khoảng ba chục pound (hơn 13 ký rưỡi) lại là vấn đề trở ngại, vì cứ đến mỗi bước thứ ba là tôi phải liệng nó ra phía trước thì mới có thể cúi lạy xuống được. Tuy nhiên với cách lạy này khiến tôi hăng hái vô cùng, vì đây là một cuộc luyện tập quá sức tưởng tượng. Tôi lạy đều đặn để tiến nhanh trên quảng đường và cũng để có thêm kinh nghiệm càng nhiều càng tốt trước khi trời sáng.

Lạy được một lúc, các động tác hình như đã thuần thục, nhưng trong thâm tâm thì còn đầy những ý nghĩ lảng vảng như: “Trời ơi! Trong đời mình đã từng làm những chuyện lạ đời khó giải thích, nhưng lần này mới thật là gay go nhất”.

Tôi tiếp tục lạy, quẹo mặt trên đường Dolores, băng qua đường Market, xuyên ngang bãi đậu xe của siêu thị Safeway rồi tiến về phía cầu Golden Gate. Trời vừa sáng, tôi đã vào đến trung tâm khu Do Thái vùng Tenderloin. Thành phố như đang bừng sống dậy. Tôi cũng nhận ra sự hiện diện của cảnh sát vùng San Francisco, hình như họ đã theo dõi tôi qua nhiều con đường. Tôi cũng tưởng tượng được họ đang nghĩ gì về mình.

Đến trưa thì lên tới đỉnh đồi Russian. Tuy lúc bấy giờ có rất nhiều người đã nhìn thấy, nhưng chưa có ai nói gì đến tôi cả. Đa số là họ chỉ biết há

miệng, nhướn mắt nhìn tôi chăm chăm. Có một bà đang lái chiếc Chrysler màu trắng, vừa chạy ngang qua tôi ở giữa ngã tư đường, bỗng thắng gấp và la lên: “Ồi, Chúa tôi!”

Tôi cố hết sức để tập trung tinh thần, đồng thời gạt bỏ những cơn sáu hổ và tiếp tục tiến lên lề đường. Lúc này trong tận cõi lòng tôi ẩn chứa những cảm xúc hỗn độn, những tư tưởng rời rạc, rồi chợt lóe lên một tiếng cười bên lên.

Sau bữa trưa qua loa với cơm nguội và rau dại mọc bên lề, tôi tiếp tục lạy xuống đồi Russian. Đến chiều tối thì tới công viên nhỏ gần phía vào cổng cầu Golden Gate. Vậy là tôi đã lạy được năm miles (khoảng 8 Km).

Cảm thấy mệt quá nên tôi tìm một góc cây để dựa lưng, nhưng lại ngủ liền tức khắc. Được khoảng vài giờ, sau khi thức dậy, tôi cảm

thấy như không phải là mình trước đây nữa, vì toàn thân như đã kiệt quệ không còn sức lực. Lúc này lòng tôi tràn đầy mọi kinh hãi. Trước đây tôi cũng đã từng có những cảm giác lo sợ, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy căn thẳng như bây giờ. Thật không thể nào tiếp tục được như vậy nữa. Tôi ngược nhìn về cái hồ nhỏ phía trước, có những con ngỗng đang bơi lội, chung quanh là những bụi cây xanh xán, xa xa có những cặp tình nhân tay trong tay dạo quanh bờ hồ. Ôi ! đã ba mươi tuổi đầu mà tôi đã xa rời thực tại như thế này ! Sao tôi lại có thể đi ngược lại với nếp sống bình thường ? Quý lạy cho hoà bình thế giới ! Một kẻ mất hồn như tôi làm sao có thể giúp cho thế giới hoà bình được chứ ?

Ngồi đây với tâm trạng chán nản, trong bộ y phục theo kiểu triều đại đời Đường, với cái đầu mới cao lẳng bong, tôi bắt đầu hồi tưởng lại cuộc đời mình. (còn tiếp)

Sắp tới sẽ in xong quyển Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 1, và Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 1, quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa, bồ thí miễn phí.

PHÁP NGŨ

H.T Tuyên Hoá

Bây giờ mình được nghe mấy chữ chú Đại Bi thì nên sinh lòng hoan hỉ, rằng thật may mắn, thật hân hạnh, thật khó gặp được chú Đại Bi. Thật vậy, rất khó mà bạn có thể gặp được chú Đại Bi. Nay gặp được chú rồi, bạn nên nhớ, đừng coi thường nó rồi vất qua một bên.

Người học Phật phải bỏ ít thời gian ra học tập Phật pháp, không nên hiểu mừng tượng chẳng rõ ràng, tự hồ biết nhưng lại không biết. Có người nghĩ rằng: Tôi đã không biết, do đó tôi không cần muốn biết. Tôi đã không thông đạt, do đó cứ không thông đạt luôn. Đó là thái độ tự mình đầu hàng, không chịu bước chân tới trước, tự vất bỏ tiền đồ của chính mình.

Các bạn có thể ngày nay quy y Tam Bảo là vì các bạn đã trông căn lành to lớn trong quá khứ. Ngày nay khi họp mặt với nhau, đại chúng nên phát lòng Bồ đề, cầu đạo vô thượng. Không nên làm loài sâu bọ trong Phật giáo, không nên làm kẻ hư đốn bại hoại. Hễ bạn thấy ai hủy báng Phật giáo, bạn chớ cùng họ tranh biện. Bạn hãy tu hành với hành động chắc thật. Dùng sự tu hành để hiển minh lời Phật dạy. Đừng nên dùng lời nói ngoài miệng (khẩu đầu thiên) để làm họ tin mình. Phải chân thật tu hành.

Các bạn chẳng nên tìm cầu ở chỗ xa xôi, chẳng cần phải tìm pháp môn cao thâm làm gì. Khi bạn nghe đọc tới câu *Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp* thì bạn nghĩ phải tìm pháp môn vi diệu thậm thâm vô thượng. Sự thật thì pháp cao sâu vô thượng cách bạn quá xa, mà bước đầu tiên bạn chưa bước gì cả. Vì sao mình phải bỏ cái gần, chạy theo cái xa xôi? Vì sao bỏ gốc, theo ngọn? Tại sao mình không dụng công tu hành ở nơi chỗ gần kề nơi thân, chỗ mình sinh hoạt hàng ngày. Vì sao cứ chạy theo truy tìm thứ quá xa xăm diệu vợi? Người xưa nói: Đạo ở cạnh

bên nhưng cứ cầu ngoài xa; việc vốn dễ nhưng cứ tìm cái khó.

Trên trời có tám vạn bốn ngàn ngôi sao, người ta thì có tám vạn bốn ngàn sợi lông. Con người và thế giới đều có điểm tương thông. Nguyên do thế giới hủy diệt là vì con người có vô minh. Không khí trong trời đất và không khí nơi mỗi người cũng tương thông, bởi vì hai thứ không khí ấy không thể nào tách rời. Không khí của mỗi cá nhân đều có nguồn gốc của nó. Khi người ta lòng giữ niệm

thiện thì nó sẽ giúp vào cái chính khí của trời đất. Khi một người nổi nóng tức giận, sinh ra một niệm phiền não, thì làm tăng thêm khí ô trược trong vũ trụ. Nếu cứ toàn dùng lòng tham lam, sân giận, ngu si để hành sự thì trong trời đất sẽ có rất nhiều tai nạn. Một người là thế, mà nhiều người cũng vậy. Nơi nào kẻ ác tụ tập thì nơi ấy tai ương hoạn nạn nhiều một chút. Do đó trong thế giới chỗ này tốt, chỗ kia xấu không thể tách rời với tình trạng của mỗi người chúng ta đang.

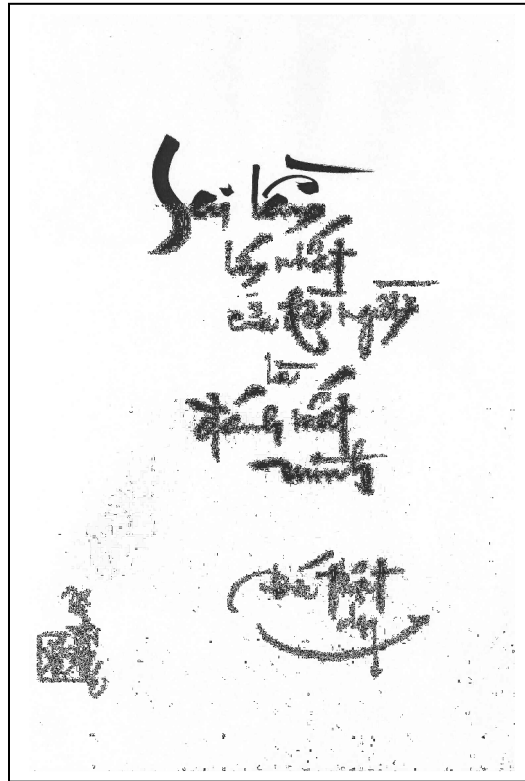
Người có tánh nóng nảy thì khổ. Người không có tánh nóng nảy thì sướng.

Người hay nổi giận thì có phiền não; kẻ không nóng giận thì thường thường vui vẻ. Tánh nóng giận là kẻ thù lớn nhất của mình. Vì sao người ta sinh bệnh? Bởi vì có nóng giận. Vì sao mọi chuyện không xảy ra thuận lợi? Cũng bởi vì có sự nóng giận. Nếu người ta ở trong mọi thời điểm, lúc nào cũng không nóng nảy giận dữ thì y lúc nào cũng vui sướng khoái lạc, bình an.

Buồn một chút: Là mình dạo chơi địa ngục. Cười một cái: Là già biến thành trẻ. Khóc một hơi: Thì địa ngục có một phòng nhỏ thật đen thui.

Năm mới vui vẻ ! Chúng ta cần mỗi năm đều vui vẻ, mỗi tháng đều vui vẻ, mỗi ngày đều vui vẻ, mỗi giờ đều vui vẻ. Chớ sinh phiền não thì mới là

"Vun bồi mảnh đất trong tâm,
Hàm dưỡng bầu trời bản tánh".



Kỳ tới Chùa sẽ tiếp tục in Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 1, quý vị nào phát tâm hùn phước ấn tống Kinh, xin tùy hỉ, công đức vô lượng.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma Du Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

SHAKRO DEVANAM INDRA est un mot sanskrit qui veut dire "capable de faire". Capable de faire quoi ? Capable d'être le seigneur céleste. Shakro est le seul qui soit vénéré comme le seigneur supérieur ou le vieux père dans le ciel ou l'invité céleste. En d'autres termes : "le Dieu". Il est celui que les externalistes adorent. Dans le Shurangama, il est désigné par "Yin Tuo La Ye", dans la phrase qui se lit Na Mwo Yin Tuo La Ye. Yin Tuo La Ye, le roi est justement Shakro Devanam Indra.

Shakro est le souverain du Ciel des Trente Trois, le Ciel Trayastrimsha, le deuxième des six cieux du monde du désir. Il est vénéré par les Chinois comme le Grand Empereur de Jade, un Empereur dans les cieux. Mais il se range dans les six mondes ordinaires ; il n'a pas encore atteint le niveau d'un Arya. Dans le Bouddhisme, il est considéré comme un protecteur du Dharma. Bien qu'il protège la doctrine du Bouddha, on ne lui donne même pas une place assise dans l'assemblée du Bouddha ; il doit rester debout.

S'il n'a même pas une place dans l'assemblée, pourquoi beaucoup de gens le vénèrent-ils ? Pourquoi les gens croient-ils en lui et le considèrent comme le seul vrai seigneur du ciel et de la terre ?

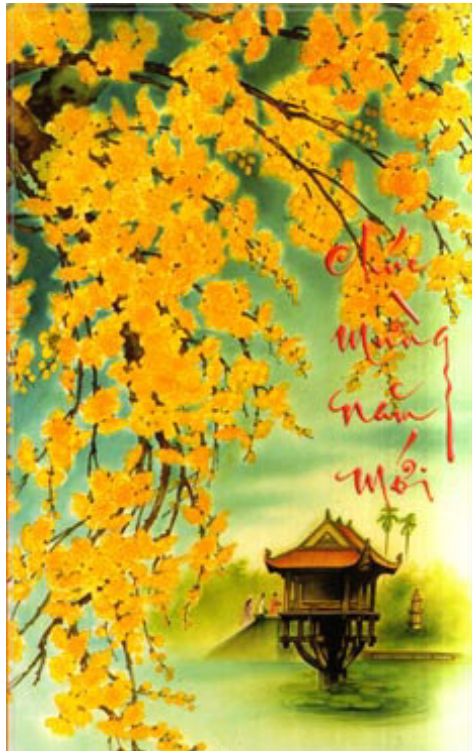
Bien qu'il n'ait même pas une place dans le Bouddhadharma et bien qu'il soit forcé à rester debout et à agir comme un protecteur du Dharma, à l'intérieur de son propre territoire, il est le seul et

unique maître puissant. L'analogie ci-dessous correspond bien à cette situation.

Au fond d'une vallée, se situe un petit village sans aucune communication avec le monde extérieur. Le maire de ce village se rend fréquemment dans les grandes villes où on le considère comme un maire d'un petit village. Mais pour ses citoyens, campagnards qui n'ont jamais quitté leur village, il dit : "Je suis le plus grand souverain du monde ! Tout le monde doit obéir à mes ordres. Je suis l'empereur. Je suis le président. Je suis le souverain du monde. "Étant leur guide, ils sont persuadés qu'il dit la vérité. Ils ne savent pas qu'au dessus du maire, il y a le gouverneur, les sénateurs et le président ou peut-être l'empereur. Pourquoi ne le savent-ils pas ? Parce qu'ils n'ont jamais communiqué avec le monde extérieur en dehors de leur petit village isolé au fond de la montagne. Pour autant qu'ils sachent, le maire est le plus haut personnage dans le monde alors

ils le respectent tous et lui font entière confiance.

La position du seigneur céleste ressemble à celle de ce maire. Ceux qui ne comprennent pas le Bouddhadharma sont comme ces pauvres gens de la montagne qui n'ont jamais été en ville et ne connaissent rien du grand monde. De même les villageois sont convaincus que le maire est le plus grand souverain, les gens ordinaires ne comprenant pas le Bouddhadharma savent seulement qu'il y a un seigneur au-dessus, un seigneur céleste. Ils ne savent pas qu'au-dessus de celui-ci il y a encore les Bouddhas et les



Bodhisattvas. Ils ne le savent pas parce que le seigneur ne veut pas que ses sujets connaissent la vérité tout comme ce maire qui ne veut pas que ses sujets se mêlent avec le monde extérieur parce que s'ils s'y mêlaient, ils se rendraient rapidement compte qu'il était simplement un maire insignifiant et ils ne lui accorderaient plus leur confiance comme auparavant. Shakra est aussi seigneur de cette façon.

D'où vient Shakra ? Dans le passé très lointain, après l'entrée du Bouddha Kashyapa dans le Nirvana, Shakra était une femme. Non seulement une femme, mais une femme pauvre qui mendiait pour vivre. Un jour, elle rencontra par hasard un temple délabré et à l'intérieur une statue du Bouddha Kashyapa et remarqua que la dorure du Bouddha s'effritait à moitié. Elle réunissait ses trente deux amies et ensemble elles joignaient leurs efforts, se procuraient des fonds nécessaires pour reconstruire le temple et redorer la statue. Le mérite et la vertu qu'elles avaient acquis par cette action leur permettaient de renaître comme seigneurs célestes, chacune dans son propre ciel. La femme qui avait organisé le projet renaissait comme Shakra dans le ciel du centre, situé sur le sommet de la montagne Sumeru. Ses trente deux amis renaissaient comme souverains dans les trente deux cieux qui l'entourent, huit sur chacun des quatre côtés. Ainsi, fut nommé Ciel des Trente Trois.

En fait, combien de cieux existe-il ?

Il y en a un nombre incalculable. Cependant, le ciel des Trente Trois est situé sur le sommet de la montagne Sumeru et il est le deuxième des six cieux du monde du désir. Le ciel des Quatre Grands Rois est situé à mi-hauteur de la Montagne Sumeru et est le plus bas des six cieux du monde du désir.

Shakra Devanam Indra était présent avec sa suite, VINGT MILLE DIEUX, PARMIS LESQUELS SE TROUVAIENT LE DIEU DE LA LUNE, LE DIEU DU PARFUM UNIVERSEL qui adore le parfum ; son corps exhale continuellement une senteur qui parfume le monde du Dharma. LE DIEU DE LA LUMIÈRE ORNÉE aime des bijoux et émet donc de la lumière ornée de bijoux. Ces trois Dieux sont considérés comme les assistants de Shakra, semblables aux ministres d'un gouvernement.

LES QUATRE GRANDS ROIS CÉLESTES demeurent dans le ciel le plus bas du monde du

désir, à mi-hauteur de la montagne Sumeru. Un roi règne sur chaque côté. À l'est règne Dhrtarashtra, le roi qui maintient son pays. Au sud règne Virudhaka, croissant et grandissant. À l'ouest règne Vurupaksha, les grands yeux. Au nord règne Vaishravana, le savant. Ils sont connus comme les quatre Rois qui protègent le monde parce qu'ils s'efforcent de protéger les êtres vivants contre le monde des démons et des esprits qui leur causeraient des problèmes. Ils sont considérés comme des officiers externes, semblables aux officiers militaires.

CHACUN AVEC SA SUITE, DIX MILLE EN TOUT. Ils venaient tous à l'Assemblée du Dharma pour écouter le Sutra de la Fleur du Dharma.

Si le Dieu du Parfum Universel adore le parfum et le Dieu de la Lumière Ornée de Bijoux aime les bijoux, c'est parce qu'ils savent que les êtres humains adorent ces choses. Le Dieu du Parfum Universel sait que tous les êtres vivants aiment le parfum et alors il répand sur le monde un parfum. S'il n'y avait pas ce parfum répandu par ce Dieu, le monde des êtres humains empesteraient d'une odeur infecte insupportable. Ce parfum chasse les mauvaises odeurs.

Le Dieu de la Lumière Ornée de Bijoux sait que tous les êtres vivants sont avides d'objets de valeurs. Il émet une lumière ornée de bijoux pour exaucer les désirs des êtres vivants. Une fois que leurs désirs sont exaucés, ils peuvent faire naître la pensée de Bodhi.

Le Dieu du Parfum Universel n'émet pas de parfum pour se parfumer mais parce qu'il sait que tous les êtres vivants aiment les bonnes odeurs. Le Dieu de la Lumière Ornée ne rayonne pas la lumière ornée pour se parer mais parce qu'il sait que tous les êtres vivants les apprécient. Les dieux émettent du parfum et de la lumière parce qu'ils veulent pousser les êtres vivants à prendre conscience du fait que de tels états inconcevables n'existent pas dans le monde mais seulement dans le Nirvana auquel ils accéderont un jour après avoir fait naître en eux la suprême pensée de Bodhi.

LE DIEU DU CONFORT. Extrêmement confortable, il reste dans le cinquième des cieux du monde du désir, le ciel Nirmanarati, qui est le Ciel de la Félicité de la Transformation. La félicité dans ce ciel est créée par la transformation.

LE DIEU DU GRAND CONFORT réside au sixième ciel du monde du désir, le Ciel de Confort est Dérivé des Transformations des Autres. Les dieux de ce ciel ne trouvent pas de confort dans leur propre ciel, mais ils tirent profit des transformations créées par les autres dieux dans les autres cieux.

AVEC LEUR SUITE, TRENTE MILLE DIEUX EN TOUT. Un nombre considérable ! Plus nombreux que les dieux mentionnés ci-dessus. Shakra en avait seulement vingt mille.

Sutra : IL Y AVAIT LE DIEU ROI BRAHMA, SOUVERAIN DU MONDE SAHA. AINSI QUE LE GRAND BRAHMA SHIKIN ET LE GRAND BRAHMA BRILLANCE ET LES AUTRES, AVEC LEURS SUITES, DOUZE MILLE DIEUX EN TOUT.

Commentaire : LE MONDE SAHA. Qu'est-ce que le monde Saha ? Saha est un mot Sanscrit. Le monde Saha est un monde doux, le monde le plus agréable qui existe.

"Maître du Dharma, j'ai écouté vos conférences sur les Sutras depuis longtemps et vous n'avez encore jamais fait d'erreur. Cette fois, vous avez définitivement tort. Saha est interprété du sanscrit comme souffrir avec patience, parce que c'est un endroit où la souffrance est subie, c'est un monde amer et non doux."

"Vraiment ? Alors si vous savez qu'il est amer, pourquoi vous accrochez-vous à lui ? Pourquoi êtes-vous incapable de vous en séparer. Pourquoi dis-je que le monde Saha est doux ? Simplement parce que vous êtes incapable de le quitter. Si vous n'arrivez pas à vous en séparer, alors il doit être agréable, n'est-ce pas ? S'il était amer, vous auriez du le laisser et vous en aller il y a longtemps."

:"Bien, Maître du Dharma, si vous vous exprimez ainsi, il n'y a plus rien à dire."

Il ne peut pas y avoir grande chose que vous puissiez dire, mais moi, j'ai quelque chose à ajouter : Ce monde n'est pas amer ; il n'est pas doux non plus. C'est un monde sans goût, complètement fade. En plus, il est rempli de difficultés. Quelles sortes de difficultés ? C'est la vraie souffrance. Ainsi, Saha peut être interprété comme doux. Il veut aussi dire souffrir avec patience, car dans ce monde les êtres sont forcés de

subir énormément de souffrances, à la fois internes et externes.

Ils endurent trois souffrances : Souffrance de la souffrance, souffrance du changement, souffrance du conditionnement. Ils subissent non pas trois mais huit souffrances : Souffrance de la naissance, de la vieillesse, de la maladie, de la mort, la souffrance d'être séparé de ceux qu'on aime, la souffrance d'être auprès de ceux qu'on déteste, la souffrance de ne pas obtenir ce que l'on souhaite, la souffrance de la flamme en fureur des cinq agrégats.

Ainsi il existe énormément de souffrances ! Et pourtant ils les endurent avec patience. La souffrance est vraiment insupportable, comment peut-elle être supportée ? Au fond, elle est simplement insupportable et pourtant vous êtes capables de la supporter et en outre, à l'intérieur de cette souffrance extrême, vous vous accrochez avec ténacité à ce monde Saha. Vous pouvez toujours l'endurer avec patience mais vous êtes incapables de vous en détacher. C'est pourquoi je dis que c'est un monde agréable. La plupart des gens pensent qu'il est aussi doux qu'une pomme. En réalité, une fois qu'ils l'ont goûté, ils savent que ce monde est amer, aussi amer que le Huang Lien, la plus amère des herbes médicamenteuses. En fait il est même plus amer que ce Huang Lien. Ce qui est difficile, c'est d'être capable de supporter et d'endurer l'amertume de ce monde tout en la connaissant parfaitement.

Si vous étiez capable de supporter toute cette amertume en cultivant la voie, vous seriez devenu certainement un Bouddha. En Mandchourie, mon disciple Kua Hsun racontait ceci : Lorsque j'étais prisonnier dans un camp de travail japonais, je n'avais jamais assez de nourriture à manger, ni de vêtements pour me tenir chaud. On ne me laissait pas non plus dormir suffisamment. Si ceux qui cultivaient la voie pouvaient endurer seulement la moitié de la souffrance endurée par les prisonniers du camp de travail, ils réaliseraient certainement déjà l'état de Bouddha. Après avoir quitté la vie de famille, il mangeait seulement un repas par jour avant midi et ne mangeait plus rien le reste de la journée. Il méditait jour et nuit, ne s'allongeait jamais pour dormir. Parmi tous mes disciples, il était le premier à cultiver des pratiques ascétiques.

Plus tard ne voulant plus rester dans le monde Saha, Kua Hsun s'était donné la mort en se

brûlant. Après que le feu se fut éteint, son corps restait assis dans la position du lotus. Lorsque les gens s'approchèrent pour l'examiner et qu'ils tendirent la main pour toucher son corps, ce dernier se désagrégea en cendres. Ceci prouve qu'il avait le pouvoir de Samadhi. S'il n'avait pas la capacité d'entrer dans le Samadhi, le feu l'aurait fait bondir. Pour les gens ordinaires, une seule petite brûlure les aurait déjà fait fuir immanquablement. Mais pour Kua Hsun, quand le feu s'était éteint, son corps demeurait dans la même position assise et n'avait pas bougé d'un pouce. C'était la preuve de son pouvoir de Samadhi

Ainsi, si quelqu'un dit qu'il a le pouvoir de Samadhi peut entrer dans le Samadhi, vous pouvez le tester. Brûlez-le. S'il ne bouge pas, alors il a réellement le pouvoir de Samadhi. S'il reste toujours assis là quand le feu s'éteint, alors son Samadhi est authentique. Si votre pouvoir de Samadhi n'atteint pas encore cet état, alors ne vous vantez pas d'avoir atteint le Samadhi. Ainsi, je n'ose pas dire que j'ai le pouvoir de Samadhi. Si je dis que je l'avais, on pourrait me tester.

Le monde Saha comprend l'espace et les trois périodes de temps, le passé, le présent et le futur.

LE DIEU ROI BRAHMA SOUVERAIN DU MONDE SAHA. Le souverain est le chef. LE DIEU ROI BRAHMA est le Roi du Ciel Brahma.

LE GRAND BRAHMA SHIKHIN. SHIKHIN est du sanscrit, il veut dire la couronne en boucles parce que sa tête est couverte de boucles.

LE GRAND BRAHMA BRILLANCE. Un autre dieu nommé Brillance.

ET LES AUTRES, AVEC LEURS SUITES GROUPANT DOUZE MILLE DIEUX EN TOUT.

Les trois souffrances sont :

1. **La souffrance de la souffrance.** C'est-à-dire la souffrance de la pauvreté et de l'angoisse. Quand on est pauvre on est sans cesse poursuivi par la crainte de ne pas avoir de nourriture à manger, pas d'habits à mettre et pas d'endroit où vivre. N'appelleriez-vous pas tout cela de la souffrance ? Il s'agit de la souffrance à l'intérieur de la souffrance.

2. **La souffrance du changement.** On peut avoir de la nourriture, des habits et un lieu où vivre. On peut même vivre dans un immense appartement avec terrasse. Non seulement, sa garde-robe est suffisamment rempli de vêtements mais les vêtements les plus beaux et les plus à la mode, non seulement on peut manger à sa faim, mais on a même droit aux mets les plus fins et les plus délicieux qui puissent exister, les mets que

personne d'autres n'a pu goûter ; mais tout cela est bien trop beau pour durer et ces bonnes choses ont toutes une fin. Il suffit d'un incendie, d'un cambriolage ou d'un accident, et l'homme, hier pétri dans les richesses et honneurs, aujourd'hui pauvre et anonyme. C'est ainsi qu'une dynastie tombe dans la décadence et qu'un empire se désagrège. Telle est la souffrance du changement.

3. **La souffrance du conditionnement.** Si l'on ne subit pas la souffrance de la souffrance ou la souffrance du changement de la richesse et des honneurs, on doit encore subir la souffrance du conditionnement. De la jeunesse à la fleur de la jeunesse, de la fleur de la jeunesse à la vieillesse, de la vieillesse à la maladie, de la maladie à la mort... À chaque moment, il y a du mouvement et du changement, comme les vagues qui se succèdent à la surface de l'eau les unes après les autres sans interruption et sans fin. Personne ne peut se dérober à ce processus du vieillissement qui se poursuit inéluctablement. C'est la souffrance du conditionnement.

Les huit souffrances sont :

1. **La souffrance d'être séparé de ceux qu'on aime.** A cause de circonstances particulières, vous pouvez être forcé de vous séparer d'une personne que vous chérissez, dont vous ne pouvez pas supporter d'être séparé. Ce genre de souffrance est extrême.

2. **La souffrance d'être lié à ceux qu'on déteste.** Vous détestez peut-être quelqu'un. Je ne peux pas le supporter, dites-vous. Je pars. Je ne peux pas être près de lui. Alors vous allez ailleurs mais vous rencontrez une personne exactement comme lui, que vous détestez autant. Vous pensez qu'une fois parti ce sera la fin de vos ennuis, mais partout où vous allez, vous rencontrez quelqu'un exactement comme lui. C'est la souffrance d'être lié à ceux qu'on déteste.

3. **La souffrance de ne pas obtenir ce que l'on souhaite.** Quand vous désirez quelque chose de toutes vos forces, mais n'ayant aucun moyen de l'obtenir, vous souffrez.

4. **La souffrance de la flamme en fureur des cinq agrégats.** Cette souffrance est encore plus intense que les autres. Les cinq agrégats sont : la forme, la sensation, la perception, l'action et la conscience. Ces cinq agrégats sont comme le feu enragé, un incendie.

En plus des quatre souffrances mentionnées ci-dessus, ajoutez les souffrances de la naissance, de la vieillesse, de la maladie et de la mort et cela fait huit souffrances. (à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Subhuti, parmi les dix grands disciples du Bouddha, était le premier dans la compréhension de la vacuité. Son nom a trois significations. Né dans la Vacuité, puis une Splendide Apparition et une Bonne Chance. Quand Subhuti était né, toutes les richesses dans l'entrepôt de la famille, l'or, l'argent et les pierres précieuses disparaissent. Les trésors se trouvaient vides. Personne ne savait où étaient passés tous les trésors. Mais puisque la disparition de la richesse coïncide avec la naissance, l'enfant fut nommé Né dans la Vacuité.

Sept jours après sa naissance, toutes les richesses réapparurent et alors l'enfant fut nommé Splendide Apparition. Ses parents voulaient découvrir si l'enfant était bon ou mauvais, alors ils allèrent consulter un devin aussitôt après sa naissance. Chaque fois que, les gens, ont des problèmes, ils consultent toujours le I Ching, le livre des changements. Mais en Inde, il n'y avait pas de I Ching. A la place, ils utilisaient un livre intitulé "les Affaires Passées". Quand les parents de Shubuti demandaient au devin de faire des oracles pour voir si leur enfant était bon ou mauvais, il le trouvait bon et chanceux, alors l'enfant fut nommé Bonne Chance.

Shubuti était le premier dans la compréhension de la vacuité c'est pourquoi dans le Sutra Vajra, il était l'interlocuteur du Bouddha, c'est-à-dire celui qui demandait au Bouddha Sakyamuni d'expliquer la doctrine du Prajna.

Upanishad est aussi du sanscrit et signifie la Nature de la Poussière. Upanishad s'éveillait à la voie lorsqu'il vit que la nature de toute poussière, de tous les états objectifs est fondamentalement vide. Il s'éveillait à la doctrine de l'impermanence et symbolise la nature de la poussière.

Et les autres, cela signifie que ces six Bhikshus n'étaient pas les seuls dans l'assemblée. Il y avait au moins mille deux cent cinquante disciples dans l'assemblée mais ces six Bhikshus avaient la priorité et étaient assis dans les positions les plus hautes, ainsi leurs noms avaient été cités pour représenter l'assemblée des grands Arhats et des grands Bhikshus.

Sutra : DE PLUS D'INNOMBRABLES PRATYEKAS ETAIENT AU-DELA DE L'ETUDE ET CEUX QUI AVAIENT LA RÉSOLUTION INITIALE ALLAIENT À L'ENDRIOT SE TROUVAIT OÙ LE BOUDDHA POUR REJOINDRE LE PRAVARANA DES BHIKSHUS À LA FIN DE LA RETRAITE D'ÉTE.

Commentaire :

D'innombrables Pratyekas étaient des Pratyekas-Bouddhas qui appartenaient au véhicule des éveillés par les conditions. Ce véhicule et le véhicule de l'auditeur des grands Arhats cités au-dessus sont souvent référés comme les deux véhicules.

Ils avaient atteint le niveau d'être au-delà de l'étude. Ayant atteint la quatrième étape de l'état d'Arhat, les pratiquants atteignent la position d'être au-delà de l'étude. Le terme Pratyeka-Bouddha peut être interprété comme signifiant ceux éveillés solitairement, c'est-à-dire éveillés par eux-mêmes au moment où Bouddha n'était plus en ce monde. Mais il désigne aussi ceux illuminés par les conditions à l'époque où Bouddha se trouvait en ce monde.



Ces éveillés par les conditions avaient suivi le Bouddha en pratiquant les douze liens d'interdépendance et ainsi s'éveillent à la voie. Les douze liens d'interdépendance sont :

- L'ignorance initiale conditionne l'action.
 - L'action conditionne la conscience.
 - La conscience conditionne le nom et la forme.
 - Le nom et la forme conditionnent les six entrées (bases de connaissance).
 - Les six entrées conditionnent le contact.
 - Le contact conditionne la sensation.
 - La sensation conditionne l'attachement.
 - L'attachement conditionne la conservation.
 - La conservation conditionne prochain corps.
 - Le prochain corps conditionne la naissance.
 - La naissance conditionne la vieillesse et la mort.
- ◇ Quand cesse l'ignorance initiale, l'action cesse.
 - ◇ Quand cesse l'action, la conscience cesse.
 - ◇ Quand la conscience cesse, le nom et la forme cessent.
 - ◇ Quand le nom et la forme cessent, les six entrées cessent.
 - ◇ Quand les six entrées cessent, le contact cesse.
 - ◇ Quand le contact cesse, la sensation cesse.
 - ◇ Quand la sensation cesse, l'attachement cesse.
 - ◇ Quand l'attachement cesse, la conservation cesse.
 - ◇ Quand la conservation cesse, le prochain corps cesse.
 - ◇ Quand le prochain corps cesse, la naissance cesse.
 - ◇ Quand la naissance cesse, la vieillesse et la mort cessent.

Ainsi cessent les douze liens d'interdépendance.

Un Pratyeka-Bouddha qui vit à l'époque où un Bouddha se trouve en ce monde est appelé un éveillé par les conditions. Néanmoins dans l'assemblée du Shurangama, il y avait des pratiquants qui sont proprement appelés des éveillés solitaires. Comment cela peut-il être ? Il y avait des sages qui avaient pratiqué la voie dans les montagnes avant que le Bouddha eut réalisé la Bouddhité, donc c'était comme si Bouddha n'était pas en ce monde. Au printemps, ils regardaient fleurir les fleurs blanches. En automne, ils voyaient tomber les feuilles jaunes. Ils observaient d'innombrables choses naître et mourir par elles-mêmes, et ils s'éveillaient à la voie. Alors, quand le Bouddha Shakyamuni eut réalisé l'état de Bouddha, ils quittèrent leurs grottes dans les rochers à pics vertigineux dans les montagnes et les vallées désertes et vinrent en nombre infini pour

aider le Bouddha Sakyamuni à propager le Bouddhadharma formant ainsi une partie de cette grande assemblée.

En dehors des Pratyeka-Bouddhas qui étaient au-delà de l'étude, il y avait aussi les Pratyeka-Bouddhas à la résolution initiale. Les Arhats et les Bhikshus à la résolution initiale ne sont pas encore mûrs dans la voie, ils suivaient le Bouddha pour rejoindre le Pravara des Bhikshus jusqu'à la fin de la retraite d'été. Dans le Bouddhisme, Bouddha avait instauré une règle selon laquelle chaque année, les moines doivent faire une retraite de trois mois en été de quatre-vingt dix jours à partir du quinzième jour du quatrième mois lunaire au quinzième jour du septième mois lunaire ; cette règle reste encore en vigueur jusqu'à nos jours. Pendant la retraite, les membres du Sangha se retiraient dans un endroit pour se recueillir. Aucun déplacement n'est autorisé.

Pourquoi la retraite se fait-elle en été ? D'abord parce qu'en Inde en été il faisait très chaud, les voyages étaient particulièrement impraticables à cause de la chaleur. Ensuite, en été, par terre apparaissaient d'innombrables insectes et d'autres petites créatures alors non seulement pour éviter de marcher sur ces bestioles et de les écraser, mais surtout pour les protéger, pour développer la compassion chez tous les êtres vivants alors, les Bhikshus, les Bhikshunis et le Bouddha ont décidé de se retirer dans un endroit et n'en sortaient pas pendant toute la durée de la retraite.

Arrivés "A la fin d'une retraite d'été" c'est-à-dire à la fin de la période de quatre-vingt dix jours de réclusion. Il se peut que, pendant la retraite, certains aient commis des fautes ou brisé les vœux, une commission de confession en public a été organisée pour juger ces fautifs. Ceci est appelé le Pravara. Si on avait commis des fautes sans s'en rendre compte, alors les autres dans l'assemblée nous interrogeraient et nous aideraient à nous en apercevoir rien n'a été caché, et on s'attend à ce que tout le monde réponde aux questions et admette ses fautes sans argumenter. Cette discussion se déroule au grand air, de manière ordonnée sans que personne n'engendre d'afflictions ou se fâche quand ses erreurs et ses fautes sont révélées. De cette façon, ils se débarrassent de leurs fautes. Ce genre de confession en public a été organisé pour permettre aux gens de se réformer et d'améliorer

leur conduite. Tout ce qui s'est passé doit être considéré comme faisant partie du passé des participants déjà morts et qu'aujourd'hui ils commencent une nouvelle vie. On les encourage à s'améliorer physiquement et spirituellement et à éloigner tout acte malveillant.

Sutra : LES BODHISATTVAS DES DIX DIRECTIONS QUI DÉSIRAIENT CONSULTER LE BOUDDHA POUR RÉSOUDRE LES DOUTES DANS LEUR ESPRIT ÉTAIENT RESPECTUEUX ET OBÉISSANTS ENVERS L'IMPRESSIONNANT ET COMPATISSANT HONORÉ SUPRÊME ILS SE PRÉPARAIENT À CHERCHER LE SENS CACHE.

Commentaire : En plus des deux véhicules des auditeurs et des éveillés par les conditions, il y avait aussi des Bodhisattvas des dix directions dans l'assemblée Shurangama. Les dix directions sont le nord, le sud, l'est, l'ouest, le nord-ouest, le sud-ouest, le nord-est, le sud-est, le dessus et le dessous.

"J'espérais qu'il y avait des Bodhisattvas des huit directions et du dessus." Vous pouviez vous dire. "Mais est-ce que les Bodhisattvas surgissent aussi du dessous ?"

Oui. Justement le Bodhisattva Ksitigarbha par exemple, surveille exclusivement les mondes inférieurs.

J'ai parlé du mot Bodhisattva dans l'introduction, alors l'explication sera brève maintenant. Bodhisattva est un mot sanscrit. Bodhi veut dire éveil et sattva signifie être sensible. Un Bodhisattva est celui qui éveille les êtres sensibles. Il est lui-même un être sensible à l'origine il était aussi un être ordinaire, mais qui devint plus tard éveillé.

Les Bodhisattvas se sont eux-mêmes éveillés et peuvent éveiller les autres. Ils peuvent agir pour leur bien ainsi que pour celui des autres. Mais ils ne sont pas encore parfaits, ainsi ils sont appelés des Bodhisattvas.

"Combien de Bodhisattvas venaient-ils des dix directions ?" Demandez-vous.

Un nombre incalculable.

Pourquoi se réunissaient-ils ? Est-ce qu'ils se réunissaient pour frimer ? Pour se distraire ? Ou pour assister à une fête ?

Non. Ils venaient pour apprendre ce qu'ils n'ont pas encore compris, pour consulter le Bouddha afin de résoudre les doutes dans leur esprit. Ils avaient des questions. Concernant les doctrines qu'ils ne pouvaient pas résoudre.

Quelles sont ces questions ?

Quelle est la doctrine du sens caché, c'est à dire l'essence profonde enseignée dans le Sutra ?

ILS ÉTAIENT RESPECTUEUX ET OBÉISSANTS ENVERS L'IMPRESSIONNANT ET COMPATISSANT HONORÉ SUPRÊME ET SE PRÉPARAIENT À CHERCHER LE SENS CACHE.

Les Bodhisattvas ne comprenaient pas la doctrine de la raison profonde, alors quand la récitation du Mantra Shurangama du Bouddha Sakyamuni fut proclamée à travers les dix directions, ils venaient se joindre à l'assemblée espérant apprendre l'enseignement du Dharma de la cause profonde qui conduit vers la signification totale.

"Voulez-vous dire que même les Bodhisattvas ne comprenaient pas le Sutra Shurangama ?" Demandez-vous.

Il est vrai que les Bodhisattvas désiraient consulter le Bouddha pour dissiper leurs doutes, parce qu'ils ne comprenaient pas les doctrines du Sutra, mais si vous, aujourd'hui, arrivez à les comprendre alors vous êtes éveillé, vous êtes des Bodhisattvas aussi. Ne vous sous-estimez pas. Ne dites pas : "Comment puis-je comprendre ce que même des Bodhisattvas ne comprenaient pas ? Je ferais mieux de m'en aller d'ici." C'est justement parce que les Bodhisattvas ne les comprenaient pas qu'aujourd'hui on vous les explique pour que vous les compreniez. Nous avons des liens karmiques avec le Bouddha Sakyamuni et le Dharma qu'il proclamait demeure toujours dans le monde. Ainsi nous avons la chance et l'opportunité de venir apprendre les doctrines que même les Bodhisattvas n'avaient pas comprises. Nous nous trouvons donc dans une position avantageuse, étant nés bien longtemps après que le Bouddha Sakyamuni eût enseigné le Dharma. Savez-vous quelle distance ces Bodhisattvas avaient parcourue pour arriver à l'assemblée afin d'écouter le Sutra Shurangama ? Ils ne venaient pas du Nord, ni du Sud, ni de l'Est, ni de l'Ouest mais des mondes lointains situés à des distances illimitées. Le fait que nous avons pu rencontrer le Sutra aujourd'hui prouve que nous avons plantés de grandes racines de vertu et de grandes affinités qui nous permettent d'écouter ce

Dharma. N'ayez pas peur et ne pensez pas que puisque les Bodhisattvas ne le comprenaient pas, vous ne devriez pas essayer de l'étudier. C'est une attitude erronée.

Sutra : ENSUITE LE TATHAGATHA ARRANGEAIT SON SIEGE, S'ASSEYAIT TRANQUILLEMENT ET PAISIBLEMENT ET DANS L'INTERET DE TOUT LE MONDE DANS L'ASSEMBLÉE, PROCLAMAIT LE PROFOND ET LE MYSTÉRIEUX MANTRA. LA PURE ASSEMBLÉE AU BANQUET DU DHARMA OBTENAIT CE QU'ELLE N'AVAIT JAMAIS OBTENU AUPARAVANT.

Commentaire : ENSUITE se réfère au moment où le Sutra Shurangama fut enseigné. C'était le moment où les conditions sont favorables, où le Mantra Shurangama était sur le point d'être proclamé.

LE TATHAGATHA ARRANGEAIT SON SIÈGE. Tathagatha, un des dix titres du Bouddha, a déjà été expliqué.

ARRANGEAIT SON SIÈGE signifie qu'il sortit son couvre siége, l'évala et s'assit dessus.

S'ESSAYAIT TRANQUILLEMENT ET PAISIBLEMENT veut dire que le Tathagatha s'assit dans la pureté paisible et profonde, autrement dit, plongé dans la méditation de Dhyana. Paisiblement veut dire absolument détendu, aucun signe d'effort ni de froncement de sourcils qu'on voit souvent chez les gens qui méditent, mais un sourire sur les lèvres ce qui fait que ceux qui le voyaient se sentaient absolument heureux. Cette attitude paisible rendait heureux ceux qui le regardaient et les motivaient à suivre son enseignement.

ET DANS L'INTERET DE TOUT LE MONDE DANS L'ASSEMBLÉE. Pourquoi le Bouddha arrangeait-il son siège et s'asseyait calmement et paisiblement ? Parce qu'il voulait entrer dans le Samadhi et calmement contempler les inclinations fondamentales des êtres vivants. Dans l'assemblée, il y avait mille deux cents cinquante Bhikshus et d'innombrables Pratyeka-Bouddhas qui étaient au-delà de l'étude, des Bodhisattvas des dix directions et des centaines de milliers de myriades de millions d'autres qui entouraient le Bouddha. Cette assemblée du Dharma était toujours immense, car, en dehors de l'assistance susmentionnée d'innombrables démons et esprits sont venus nous

rejoindre. Et par ailleurs, d'innombrables démons et esprits qui protégeaient cet endroit, écoutaient aussi. Si vous ne le croyez pas, observez bien, vous ne pourrez jamais faire le compte.

PROCLAMAIT LE PROFOND ET LE MYSTÉRIEUX MANTRA. Proclamer veut dire expliquer clairement et enseigner. Profond se réfère à la cause secrète profonde. Mystérieux et merveilleux se réfèrent à la signification complète. Bouddha enseigne la branche de la raison profonde au sens complet. Si le Bouddha ne l'enseignait pas, vous n'auriez aucun moyen de la connaître. Si le Bouddha ne l'expliquait pas entièrement, vous ne seriez pas capable de la comprendre. "Mystérieux et merveilleux" est ce que vous ne savez pas. En général ce que vous connaissiez déjà, vous le considérez comme tout à fait ordinaire de même devant un plat qui vous est présente pour la première fois, vous voulez absolument le goûter sans soucier s'il est bon ou mauvais pour votre santé.

Les Bodhisattvas venaient dans cette assemblée avec le seul désir de comprendre la doctrine entièrement et le Bouddha Sakyamuni, connaissant le fond de leur pensée, proclamait le profond et le mystérieux principe.

"La pure assemblée au banquet du Dharma obtenait ce qu'elle n'avait jamais obtenu auparavant." Enseigner le Dharma est comparable au fait de faire goûter le don du Dharma délicieux à des êtres vivants. Quand vous avez mangé à votre faim le délicieux Dharma, vous réaliserez l'état de Bouddha. Le banquet ne se réfère pas à un banquet une fête ordinaire où l'on mange et l'on boit.

La pure assemblée signifie que tous les participants doivent être purs. Tous étaient absolument purs en corps et en esprit, sans souillures, ne faisant aucun mal à qui que ce soit, adoptant respectueusement la bonne conduite. Puisqu'ils ne se sont pas engagés dans aucun comportement impur ou malsain, ils sont désignés sous le nom de la pure assemblée. C'était la première fois qu'ils écoutaient le merveilleux Dharma et ainsi "ils obtenaient ce qu'ils n'avaient jamais eu auparavant". "Obtenaient ce qu'ils n'avaient jamais obtenu auparavant" se réfère aussi à une des douze divisions de l'enseignement du Bouddha. L'assemblée se formait après avoir entendu la voix du Bouddha. (À suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

19. SAN MYAU CHYE BE LA.

Poème :

Ne retournant pas au monde du désir, il a réalisé le Nirvana.

Il comprend l'innombrable dharmas et pénètre l'origine.

Sans conscience, sans connaissance, on est pur pour toujours.

Ni en mouvement ni en tranquillité, on est séparé des mots.

Commentaire : SAN MYAU ici veut dire « propre et égal ». CHYE BE LA signifie « ne retournant pas », c'est à dire, ne retournant pas aux trois mondes : du désir, de la forme et sans forme.

Ne retournant pas au monde du désir, il est parvenu au Nirvana, ceci veut dire que ces sages ne retournent pas au monde du désir mais atteignent l'autre bord du NIRVANA. Il comprend d'innombrables Dharmas et pénètre l'origine, pourquoi sont ils capables de ne pas revenir ? parce qu'ils ont compris les dix mille Dharmas d'origine, sans conscience, sans connaissance, ils sont purs pour toujours, arrivés à cet état, ils n'ont plus de conscience, plus de distinction, plus de connaissance, plus de réflexion. Sans aucune réflexion, pas de considérations, donc plus d'afflictions. Ils sont absolument et éternellement pur. Ni en mouvement ni en tranquillité, complètement détachés des mots. Il n'y a rien à dire quand on arrive à cet état.

Mantra :

20. DI BWO DWO NWO NAN

Poème :

Pour des dieux et des généraux célestes qui protègent la ville du Dharma,
Je vous supplie de laisser tomber vos bénédicteurs,

Récompensez le bon, punissez le mauvais,
examinez le mérite et les offenses,
Alors nous pratiquerons avec précaution et ne bavarderons pas avec confusions.

Commentaire : DI BWO désigne « les êtres célestes », DWO NWO désigne « ne venant pas » ceci désigne ceux qui ne doivent pas venir dans le triple monde pour subir la naissance et la mort, c'est-à-dire tous les êtres célestes y compris les soldats célestes, les généraux célestes et les spectres célestes.

Les dieux et les généraux célestes qui protègent la ville du Dharma, protègent tous ceux qui tiennent et maintiennent les Mantras dans leur pratique. "Je vous supplie de laisser tomber vos bénédictions", quand on pratique ce Mantra, tous les dieux qui protègent le



Dharma et les spectres nous protègent. "Récompensez le bon, punissez le mauvais, examinez le mérite et les offenses", récompensez les bons. Réformez et punissez ceux qui commettent qui ont commis de mauvaises offenses. Examinez ceux qui accomplissent des actes méritants, récompensez-les et punissez ceux qui créent des offenses.

"Alors nous pratiquons avec précaution et ne bavarderons pas avec confusion" ainsi, ceux qui pratiquent la voie ne peuvent pas parler imprudemment. Vous ne pouvez pas répandre les rumeurs ou divulguer ce que vous ressentez.

Dans votre pratique, vous devez être très vigilant et attentif afin d'empêcher votre corps, votre bouche, et votre esprit de pêcher. A chaque instant, ces trois Karmas du corps, de la bouche, et d'esprit devraient être purs.

Vous ne pouvez pas parler de vos désirs selon votre bon plaisir.

Mantra :

21. NA MWO TI PE LI SHAI NAN.

Poème :

Saluant les dieux du monde du désir et
du monde de la forme,
Pendant une longue vie et une longue vision,
ils font fondre le cinabre immortel, les cinq
énergies achèvent leur résolution et
illuminent la grande voie.

Après neuf tours pour un corps pur du yang, on vit
pendant dix milles ans.

Commentaire : NA MWO veut dire « retourner sa vie et vénérer ».

TI PE veut dire « cieux ». LI SHAI NAN signifie « forme » ainsi NA MWO TI PE LI SHAI NAN signifie prendre refuge auprès de tous les dieux dans le monde du désir et le monde de la forme, « les dieux » ici veut dire tous les immortels et les esprits dans les cieux.

"Pendant une longue vie, ils font fondre le cinabre immortel", les immortels et les esprits aimaient tous monter dans les cieux. C'est parce que dans le passé, ils ne connaissaient pas l'existence du Bouddha, du Dharma et du Sangha. Ils savaient seulement comment pratiquer. Mais ils pratiquaient pour se procurer une longue vie et une jeunesse éternelle. Ils voulaient acquérir l'immortalité. Leur objectif est différent des principes du Bouddhisme. Dans le Bouddhisme, on réalise le fruit d'ARHATSHIP. En passant par quatre étapes :

- Le premier fruit est Shrataapanna,
- Le deuxième fruit est Sakridagamin,
- Le troisième fruit est Anagamin,
- Le Quatrième fruit est Arhat.

Le premier fruit est appelé la position de la voie de la vision. A cette position, on a coupé les illusions de la vue mais pas encore les illusions de la pensée. On a déjà coupé les quatre vingt huit catégories d'illusions de la vue.

Le deuxième et troisième fruit sont appelés la position de la voie de la pratique. On pratique la voie pour couper l'illusion de la pensée.

Le quatrième fruit est appelé la position de la voie de la réalisation. Celui qui atteint cette position a déjà coupé l'ignorance et manifesté la nature du Dharma. Les illusions vulgaires, les illusions subtiles et les illusions innombrables comme la poussière et le sable ont été coupées au quatrième fruit d'ARHATSHIP. Celui qui a coupé toutes ces dernières illusions n'a plus de fausses pensées vulgaires mais garde encore des illusions minuscules et subtiles, désignées par ANANDA dans son poème, lorsqu'il dit, « chassez même la plus subtile de mes doutes » afin de réaliser le quatrième fruit d'ARHATSHIP, on doit couper toute fausse pensée vulgaire mais on peut encore être inconscient de la fausse réflexion très subtile que même les Bodhisattvas à la neuvième terre n'arrivaient pas à couper. Même les Bodhisattvas à la position de l'illusion égale gardent encore une fraction de l'ignorance de l'apparence de la production. C'est pourquoi ils ne sont pas encore devenus des Bouddhas. Les gens qui veulent monter dans les cieux préfèrent une vie longue et une jeunesse éternelle. Ils n'aiment pas entrer dans le Nirvana : ils veulent traîner éternellement ce sac de chair puante avec eux. C'est pourquoi on les appelle : « les fantômes qui surveillent le cadavre » Ils gardent ce cadavre et ne veulent absolument pas s'en séparer. Ce cadavre leur est si précieux que, quoiqu'il arrive, ils ne l'abandonneront jamais, même en montant sur les nuages, ou traversant le brouillard, ils traînent toujours avec eux le cadavre. Les immortels, et les spectres peuvent monter sur les nuages et traverser le brouillard. Partout en tout le temps ils veulent rester avec ce sac de chair puante. Ne pensez vous pas que c'est indécent ? En d'autres termes, ils veulent vivre toujours dans les toilettes. C'est pourquoi ils sont surnommés des spectres qui surveillent le cadavre » Evidemment, "spectre" n'est pas un nom complémentaire. Nous pouvons changer ce nom et l'appeler : l'immortel qui surveille le cadavre, « ou » l'esprit qui surveille le cadavre » de toute façon même si vous gardez ce cadavre des centaines de millions d'années, un jour ou l'autre il se décomposera. De même si vous pouvez devenir un immortel ou un esprit, un jour ou l'autre vous tomberez lorsque le moment arrivera. (À suivre)

LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

17. MWO FA TE DOU

Mwo Fa Te Dou signifie “parenté du ciel, ami du monde” c’est-à-dire “Oh Bodhisattvas ! Je vous en supplie, aidez-moi ; soyez mon parent du ciel et ami du monde pour que tous les bons Dharmas puissent être accomplis”. Cette phrase du Mantra est un appel au secours à tous les Bouddhas et Bodhisattvas.

18. DA JR TWO

Le sutra du cœur dit aussi “ainsi on parle du Mantra du Prajna Paramita, un court Mantra comme celui-ci”.

Da Jr Two veut dire “le Mantra court comme celui-ci”, il signifie “c’est-à-dire”. Le Bodhisattva qui écoute les sons du monde utilise le cœur de la grande compassion pour s’exprimer à travers les véritables mots, les diverses syllabes Sanscrits. Da Jr Two signifie aussi “les sceaux de la main”. On réalise le sceau de la main. Il veut dire aussi “l’œil de la sagesse” des êtres vivants. Da Jr Two se réfère alors à des diverses portes du Dharma et les yeux de la sagesse et peut être traduit comme “ce qui a été dit”.

19. NAM E PU LU SYI

Le mot Nan a été discuté auparavant. Quand vous le récitez, tous les spectres et esprits joignent leur paume et écoutent respectueusement vos ordres. "Nan" produit aussi les portes du Dharma qui le poursuivent.

E Pu Lu Syi est juste le Bodhisattva qui observe les sons du monde. Il signifie “observer”, se servir de la sagesse pour regarder les sons du monde. Dans le monde, il existe plusieurs sortes de sons. Le Bodhisattva contemple les voix de la souffrance, les sons pitoyables des gens qui souffrent pour avoir la subir les atrocités de la vie.

20. LU JYA DI

Lu Jya Di signifie “le confort du monde” ou “honoré du monde”. Les phrases 19 et 20, parlent

du Bodhisattva qui observe les sons du monde dans le confort c’est Bodhisattva Avalokitésvara.

21. JYA LA DI

Jya La Di veut dire “quelqu’un de sympathique”, celui qui a une grande bonté, qui sauve les êtres vivants de la souffrance et de la détresse, afin tous les êtres vivants dans le monde. Celui qui soulage la souffrance des êtres vivants est sympathique. Jya La Di veut dire aussi “faiseur” celui qui libère le karma de la voie, qui fait naître le cœur de Bodhi chez tous les êtres humains, qui réalise l’œuvre gigantesque du Bodhisattva et achève le karma de la voie.

22. YI SYI LI

Yi Syi Li veut dire “se conformant à l’enseignement”. Quand vous récitez cette ligne, vous vous dites “j’appliquerai certainement l’enseignement du Bodhisattva qui regarde les sons du monde et j’enseignerai et je transformerai les êtres vivants. J’offrirai ma conduite en accord avec l’enseignement, je tiens énormément à l’enseignement du Bodhisattva et le mettrai en pratique réellement.

23. MWO HE PU TI SA TWO

Mwo He signifie “grand”. Pu Ti veut dire “illuminé à la voie”. Sa Two signifie un grand courage”. Cette phrase veut dire : Le Bodhisattva, grandement illuminé, courageux qui fait naître le grand cœur du Bodhi et pratique la grande conduite du Bodhi.

Faire naître le cœur du Bodhi c’est semer la cause de l’illumination. Pratiquer la grande conduite c’est étendre et nourrir les germes de Bodhi afin de récolter le fruit du Bodhi et atteindre la grande Voie du Bodhi. Ceci est la signification du Mwo He Pu Ti Sa Two.

Cette partie du Mantra veut dire aussi que : Grâce à des innombrables pratiques, le

Samadhi, la sagesse et l'ornement du corps du Bodhisattva sont protégés. Quand le Samadhi est parfait, la sagesse est parfaite. Le Bodhisattva fait naître la sagesse et peut pratiquer le Samadhi car en contemplant les sons du monde il obtient le Samadhi. Sans le Samadhi, il n'y a pas de sagesse et vice versa. Ils agissent de manière réciproque.

Les innombrables pratiques ornent le corps du Bodhisattva puisque aucune loi ne prend ce côté à la légère le Bodhisattva accomplit avec la même compassion d'un cœur sincère, que l'action soit grande ou petit pourvu qu'elle soit bonne :

“ Il ne néglige la moindre petite action pourvu qu'elle soit bonne

Ne commet la moindre petite action si elle est mauvais ”.

S'abstenant de toute mauvaise conduite et pratiquant toute bonne conduite, il fait naître le cœur du Bodhi et récolte le fruit du Bodhi. Il orne son propre corps du Dharma par des innombrables pratiques. Faisant naître le cœur de la grande compassion, il pratique le grand Dharma de l'inconditionné et agissant en accord avec les esprits des êtres vivants, il fait l'œuvre du Bouddha. Mais le Bodhisattva, lui-même, dans sa nature et sa substance originelle n'a pas la marque d'un être vivant.

Le Bodhisattva se considère comme tous les êtres vivants possédant la même substance, sans distinction et sans dualité. Ne désirant pas souffrir lui-même, il désire délivrer tous les êtres vivants de la souffrance. Il les délivre de la souffrance, mais il ne compte pas son geste. Il ne dira jamais “ maintenant que je vous ai sauvé, vous pourriez au moins me dire merci. Je vous ai débarrassé de tous vos problèmes, vous devriez m'être reconnaissant. ” Dépouvé de pareilles pensées, il peut se manifester aux trente deux endroits et en trente deux corps différents pour répondre aux besoins individuels des êtres vivants. Par exemple, si le corps d'un Bouddha est nécessaire pour sauver un être, le Bodhisattva prend l'apparence d'un Bouddha pour enseigner le Dharma à cette personne. Si le corps d'un Bouddha Pratyeka est nécessaire, il prend l'apparence pour enseigner le Dharma. Il en est de même pour ceux qui ont besoin d'être enseignés par les Arhats ou les rois. Le Bodhisattva peut se transformer en une des trente deux corps pour sauver les êtres vivants. Il possède aussi quatorze sortes de courage et quatre fonctions inconcevables c'est-à-dire quatre sortes de pénétrations spirituelles inconcevables et des merveilleuses fonctions. Il a obtenu la véritable et parfaite fusion et accompli le grand fruit du Bodhi. De pareils accomplissements sont des

accomplissements du Bodhisattva qui contemple les sons du monde.

24. SA PE SA PE

La phrase Sa Pe Sa Pe accompagnée du Mudra de la main et de l'œil, signifie “ le bénéfique et le bonheur pour tous ”. En pratiquant ce Mudra de la main et de l'œil vous pouvez apporter du profit et de la joie à tous les êtres. Les dieux, les généraux du roi Yama dans les enfers et les rois des spectres vous obéiront, tout ce que vous direz par exemple “ libérez cet offenseur ”, ils le feront. Pourquoi ? Parce que vous possédez le sceau précieux.

Le sceau précieux est comme le sceau de l'empereur. Quand un document porte le sceau impérial, tout le monde l'honore et obéit, personne n'ose s'y opposer. Avec votre sceau précieux, vous pouvez leur dire ce que vous souhaitez et ils vous satisferont. Si vous pratiquez assidûment et accomplissez votre pratique du sceau précieux, vous pourrez sauver une personne mourante en mettant votre sceau sur un morceau de papier et en écrivant quelques lignes au Roi Yama : “ Faites grâce à cette personne, laissez-lui la vie. Vous ne devez pas le laisser mourir. ” Le roi Yama n'oserait pas s'y opposer. La merveilleuse fonction du sceau précieux peut faire ressusciter des morts. Mais pour l'utiliser, vous devez d'abord le pratiquer à la perfection sinon, il ne sera d'aucune utilité. Que veut dire pratiquer à la perfection ? Comme dans un circuit scolaire. D'abord, fréquentez l'école primaire, ensuite le collège et le lycée. Eventuellement, vous pouvez aller à l'université et obtenir un doctorat. Pratiquer le sceau précieux avec succès est semblable au fait d'obtenir un doctorat en philosophie, excepté que c'est plus élevé qu'un doctorat. Le sceau précieux bénéficie et aide tous les êtres vivants et leur apporte de la joie. Voyez-vous comme il est merveilleux ? Si vous voulez l'utiliser alors pratiquez les quarante deux mains et yeux. Sa Pe Sa Pe est l'un d'eux.

Ayant entendu ces paroles, quelqu'un pourrait penser : "C'est facile, je vais pratiquer tout de suite le sceau et je sauverai des personnes mourantes en leur appliquant le sceau, et le roi Yama leur laissera la vie. Allez-y, vous pouvez les empêcher de mourir et quand votre tour viendra, il se pourrait qu'il n'y ait personne qui vous donnerait le sceau. (À suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

A l'intérieur du monde du désir il existe les cœurs suivants :

1. La patience concernant les lois impliquées dans la souffrance,
2. La sagesse concernant les lois impliquées dans la souffrance,
3. La patience concernant les lois impliquées dans la source des souffrances,
4. La sagesse concernant les lois impliquées dans la source des souffrances,
5. La patience concernant les lois impliquées dans l'extinction des souffrances,
6. La sagesse concernant les lois impliquées dans l'extinction des souffrances,
7. La patience concernant les lois impliquées dans la voie,
8. La sagesse concernant les lois impliquées dans la voie.

Le monde de la forme et le monde sans forme ont huit cœurs :

1. La patience subséquente concernant la souffrance.
2. La patience subséquente la sagesse concernant la souffrance.
3. La patience subséquente concernant la source des souffrances.
4. La sagesse subséquente concernant la source des souffrances.
5. La patience subséquente concernant l'extinction des souffrances.
6. La sagesse subséquente concernant l'extinction des souffrances.
7. La patience subséquente concernant la voie.
8. La sagesse subséquente concernant la voie.

Les seize cœurs sont tous localisés dans les mondes où il y a attachements aux réalités. Au quinzième des seize cœurs, la patience subséquente concernant la voie, les illusions de la vue sont coupées. Ce point est classé comme l'inclination

du côté du premier fruit, et est appelé une voie de la non-interruption. Quand on atteint totalement le seizième cœur, on obtient la sagesse subséquente concernant la voie, c'est la réalisation du premier fruit d'Arhatship. Il est appelé voie de libération, autrement dit l'illusion est totalement détruite et l'obtention de la libération.

Les trois premières étapes d'Arhatship, appelées les positions du fruit, sont semblables au fruit qui n'est pas mûr sur un arbre. La quatrième étape, l'obtention d'Arhatship est appelée la position de la voie, et correspond au fruit mûr, cueilli.

Le premier fruit est appelé la position de la voie de la vision. Le second fruit et le troisième fruit sont appelés la position de la voie de la pratique, et le quatrième fruit est appelé la position de la voie de la non-étude.

Le premier fruit est celui du Srotaapanna, un mot sanscrit qui signifie "Celui est entré dans le courant". Il s'oppose à l'écoulement des six chemins des gens ordinaires et entre dans l'écoulement de la nature du Dharma du sage. L'entrée de l'écoulement signifie l'entrée de l'état d'un sage accompli du petit véhicule.

Le Bouddha Sakyamuni demanda à Subhuti si le Srotaapanna, qui a réalisé le premier fruit du petit véhicule, garde encore la pensée qu'il a déjà obtenu le fruit du Srotaapanna.

Subhuti répondit que le Srotaapanna ne pourrait pas avoir une telle pensée. Bien qu'il soit appelé celui qui est entré dans l'écoulement, il n'est entré nulle part. Celui qui a réalisé le premier fruit, n'est pas entraîné dans les six chemins. Il peut percevoir les sons, les odeurs, les saveurs,



les objets palpables et les Dharmas mais n'en est pas attaché.

Parce qu'il n'est attaché à nulle part, on lui donne le titre du premier fruit, ou celui qui est entré dans l'écoulement. Néanmoins, c'est simplement un nom pas une réelle existence. Par conséquent un Srotaapanna ne peut pas penser qu'il a obtenu le fruit du Srotaapanna.

Sutra : « Subhuti, que pensez-vous ? » Un Sakrdagamin peut-il avoir la pensée, "j'ai obtenu le fruit du Sakrdagamin ?" Subhuti dit, "Non, Seul Honoré du Monde. Et pourquoi ? un Sakrdagamin signifie celui qui retourne encore une fois, mais il ne doit pas réellement retourner. Pour cette raison, il est appelé un Sakrdagamin."

Commentaire : Après, le Bouddha Sakyamuni parlait du premier fruit, il savait que beaucoup de gens se demanderaient si le premier fruit et le second fruit étaient différents, si le sage du premier fruit n'avait aucune pensée de la réalisation du fruit, mais le sage du second fruit n'a pas une pareille pensée.

Celui qui a réalisé la première étape d'Arhatship, doit subir encore sept fois : la naissance et a mort dans les paradis et sept fois parmi les hommes. Celui du second fruit, le Sakrdagamin, retourne une fois, dans les paradis et une fois parmi les hommes. Peut-il penser "J'ai obtenu le fruit du Sakrdagamin ?"

Subhuti dit, "Non, quoi qu'il ait été dit retourner une fois au paradis et une fois parmi les hommes, il ne doit pas réellement retourner. Il peut mettre fin à la naissance et la mort très soudainement. Il a un choix : soit subir encore une naissance et une mort, soit avancer plus loin, parvenir au troisième fruit, et ne pas retourner.

Le second fruit, celui du Sakrdagamin, est juste un nom et n'a aucune substance réelle. Par conséquent il ne peut pas dire : avoir atteint quelque chose. Que pourrait-il obtenir ? Sakrdagamin est juste un nom.

Sutra : "Subhuti, qu'en pensez-vous ? Un Anagamin peut-il avoir la pensée, "j'ai obtenu le fruit d'Anagamin ?"

Subhuti dit, "Non, Seul Honoré du Monde. Et pourquoi ? Anagamin signifie

celui qui ne retourne pas, mais il ne doit pas réellement retourner.

Pour cette raison, il est appelé Anagamin."

Commentaire : De nouveau, le Bouddha Sakyamuni pensait que peut-être les gens considéraient le sage de troisième fruit différent de celui du premier et du second fruit, ainsi il continuait la discussion avec Subhuti.

Un Anagamin est celui qui ne retourne pas parce qu'il a coupé toutes les illusions de la pensée à l'intérieur du monde du désir et il n'est plus contraint de renaître à nouveau dans ce monde.

Celui du deuxième fruit Sakrdagamin doit retourner une fois aux paradis et une fois parmi les hommes, avant de couper les trois dernières catégories de ses illusions de la pensée dans le monde du désir. Ayant fait cela, il réalise le troisième fruit, et ne retourne plus jamais. Il ne doit pas réellement y retourner. Et ne s'attache pas à la réalité du fait de retourner.

Sutra : "Subhuti, qu'en pensez-vous ? Un Arhat peut-il avoir la pensée, j'ai obtenu l'Arhatship ?"

Subhuti dit, "Non, Seul Honoré du Monde. Et pourquoi ? Il n'y a réellement aucun Dharma appelé un Arhat. Seul Honoré du Monde, si un Arhat avait la pensée, "j'ai atteint l'Arhatship" il aurait l'attachement au soi, aux autres, aux êtres vivants et à la vie. Seul Honoré du Monde, le Bouddha dit que dans ma réalisation de la concentration sans contestation, je suis le plus avancé parmi les hommes, que je suis le premier Arhat libre du désir. Seul Honoré du Monde, je ne dois pas avoir la pensée, « Je suis un Arhat libre du désir. » Si j'ai cette pensée : j'ai atteint l'Arhatship ! Alors le Seul Honoré du Monde ne pourrait pas dire, " Subhuti est le plus avancé parmi ceux qui se délectent à pratiquer Arana," Puisque Subhuti n'a réellement aucune pratique, il est appelé Subhuti qui aime beaucoup l'Arana." (À suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

J'ai dit simplement que les gens qui ont des illusions de la vue pensent que le vêtement, la nourriture et le sommeil sont réels. Certains peuvent demander : Si vraiment ils sont faux, alors qu'est ce qui est vrai ? Ces choses irréelles sont toutes des nécessités, si vous n'y attachez aucune importance, vous êtes détendu et libre. Partout où il y a attachement, il y a de la douleur. Si vous les considérez comme irréelles, il n'y aura pas de cupidité ni d'amour et vous verrez que votre cupidité et votre amour n'étaient que des pensées confuses dans un rêve. Vous devriez les prendre de cette façon ; déposez tout ; là chez tout. Si vous ne pouvez pas le déposer, vous vous y attachez et alors plus rien ne va correctement.

Il y a quatre vingt huit parties de l'illusion des vues et quatre vingt et une parties de l'illusion de la pensée. Quand l'illusion des vues est détruite, vous certifiez le premier fruit de l'Arhatship. Si non, il n'y a pas de certification.

Avez-vous de l'avidité et de l'amour pour des choses matérielles ? Etes-vous attiré par « des bonnes » choses et repoussé par les mauvaises ?

« Absolument pas », vous dites.

Comment savez-vous que vous ne l'êtes pas ? Est-ce que vraiment vous n'aimez pas le bon et haïssez le mauvais, vous n'en savez rien. Si vous dites « Je sais absolument que je n'ai pas de cupidité ou d'amour », alors que votre cupidité ou amour est plus grand que celui de n'importe qui. Pourquoi ? Parce que vous savez que vous n'en avez aucune. Si vous n'en aviez réellement aucune, vous ne sauriez pas que vous n'en aviez pas. Si vous dites que vous n'en avez pas vous-même, comment savez-vous que vous ne l'avez pas vous-même tout en sachant que vous n'en avez pas vous-même, vous avez encore votre « vous ». Si vous dites que vous n'avez aucune cupidité ou amour,

vous avez encore un « vous » ce qui prouve que vous n'avez pas coupé les quatre vingt huit parties de l'illusion des vues et vous n'êtes pas certifié au premier fruit d'Arhatship.

Ce n'est pas simplement le fait de le dire mais il faut le faire aussi. Vous devez vraiment atteindre cette étape.

L'illusion des vues contient cinq serviteurs rapides et les illusions de la pensée contiennent cinq serviteurs idiots. Les cinq serviteurs idiots sont la cupidité, la haine, la stupidité, la fierté et le doute. Les cinq serviteurs rapides sont dits « rapides » parce qu'ils arrivent très vite. Les cinq serviteurs idiots arrivent plus lentement.

Les cinq serviteurs rapides sont :

1. **La vue d'un corps.** Parce qu'on s'y attache, on pense « C'est mon corps et je suis trop maigre ! Je ne mange pas assez. Je ne suis pas bien habillée, ma maison n'est pas assez confortable. Comment puis-je prendre soin de mon corps ? » Attaché ainsi à mon corps et j'y prête beaucoup trop d'importance et tout cela me préoccupe toute la journée.

2. **La vue des extrêmes.** S'attacher aux deux vues extrêmes de la permanence et de l'anéantissement c'est : s'adonner à cette vue. Ou bien, on s'attache à l'annihilation, on dit « Tout le monde meurt et c'est ainsi. Tout retourne au vide ».

Ou bien on s'attache à la permanence, on dit « A la prochaine vie, je retournerai en ce monde. Les gens sont toujours des gens et les chiens sont toujours des chiens, les chats sont toujours des chats, les chevaux sont toujours les chevaux, les arbres sont toujours les arbres, l'herbe est toujours l'herbe. Les gens ne



peuvent pas devenir les chats et les chats ne peuvent pas se transformer en personnes. Les gens ne peuvent pas se transformer en esprits. Le principe est fixé, éternel et interchangeable : la permanence ». L'anéantissement et la permanence sont des vues extrêmes : elles ne sont pas la voie du milieu.

3. Les vues déviantes. Selon ceux qui ont des vues déviantes une bonne action ne mérite pas des bénédictions tout comme une mauvaise action ne sera pas punie par de mauvais châtements. Ils nient le principe de cause à effet et ne croient pas qu'en faisant des bonnes actions on obtient des bénédictions et en faisant des mauvaises actions, on subit des catastrophes.

4. Les vues de la moralité restrictive. C'est prendre une cause inexistante pour une vraie cause ; par exemple, apprendre aux autres à imiter le comportement des chiens et des chats ou à imiter les vaches et à manger de l'herbe à la place de la nourriture. Pourquoi ? Parce qu'ayant vu un chien ou un chat renaissant dans les cieux, alors ils veulent imiter le chien ou le chat et de ce fait ils gardent la connaissance déviante et les vues déviantes.

Quelquefois, les gens quittent la vie de famille s'attachent à la tenue des préceptes. « Je maintiens les préceptes », se vantent-ils, « Je suis un teneur de préceptes et ce sont les préceptes que je tiens. Ils pensent qu'il y a un « teneur » et « ce qui est tenu » ils ne comprennent pas que la substance fondamentale de la moralité est vide. Ils ne devraient pas avoir des attachements car sinon ils en seront devenus esclaves.

5. La vue du saisissement avide des vues. Voici, un effet inexistant est pris pour être un vrai effet. Le non-ultime est considéré comme l'ultime.

Les quatre Dhyanas ou les quatre états du vide sont pris pour le Nirvana.

a. Dans le premier Dhyana, la pulsion s'arrête.

b. Dans le deuxième, le souffle s'arrête. On s'assoit sans respirer, mais si on pense, « Je ne respire pas », alors la respiration recommence.

c. Dans le troisième Dhyana, il n'y a plus de pensée.

Dans le premier et le second, bien qu'il n'y ait plus de pulsion ni souffle, la réflexion continue d'exister. Dans le troisième, il n'y a même plus de pensée.

d. Dans le quatrième Dhyana, plus de pensée, seule la conscience existe. Dans le troisième Dhyana, bien qu'il n'y ait plus de pensée vulgaire, mais la pensée subtile y demeure. Dans le quatrième, la pensée subtile est aussi coupée.

Ce sont juste des étapes ; elles ne sont pas le dernier but de la pratique qui est la certification du fruit ; Même les quatre positions du vide :

a. La position de l'espace infini.

b. La position de la conscience infinie.

c. La position du vide infini

d. La position de la perception ou la non-perception ; ne sont pas la certification du fruit. Elles sont simplement les différents niveaux du Samadhi.

Ceux qui tiennent la vue du saisissement avide des vues pensent que les positions susmentionnées sont le Nirvana, comme le Bhiksu peu instruit qui prend le ciel du quatrième Dhyana pour le quatrième fruit d'Arhatship. Quand le mérite qui lui ont permis de rester dans le ciel s'épuise, il tombe ; alors il calomnie le Dharma résultat, il tombe dans l'enfer.

Les cinq serviteurs rapides sont les illusions des vues, ils sont appelés « rapides » parce qu'ils arrivent rapidement.

Suite à l'illusion de la pensée arrivent plus lentement les cinq serviteurs idiots :

1. La cupidité
2. La haine
3. La stupidité
4. La fierté
5. Le doute.

Les afflictions viennent de l'ignorance. Quand les illusions de l'ignorance s'élèvent, des illusions innombrables comme la poussière et le sable poursuivent. Ces dernières illusions sont appelées les illusions du « Je ne sais pas » parce qu'il n'y a pas de vraie connaissance. Les illusions des vues et pensées sont appelées les illusions du « Je ne sais pas ».

Parmi les cinq serviteurs fous, l'ignorance se manifeste d'abord la cupidité. Quand vous désirez quelque chose, la cupidité se soulève, et avec elle viennent toutes les afflictions diverses. Les afflictions se changent en haine, vous vous disputez pour l'obtenir, vous ne voyez que votre propre intérêt ignorant la présence des autres, si ce n'est que pour leur nuire. De cette façon inconsciemment, déraisonnablement, vous devenez stupide, incapable de distinguer le noir du blanc, le vrai du faux. (À suivre)

L'EAU BÉNITE BIENFAISANTE, REMEDE SOUVERAIN, CAPABLE DE RESSUSCITER LES MORTS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Pratiquer la méditation se fait non seulement dans la position assise mais aussi tout en marchant, se tenant debout, ou se couchant. Seulement méditer dans la position assise exige un temps bien déterminé. En marchant, on se pose "Qui récite le nom du Bouddha", debout, on se demande : « Qui récite le nom du Bouddha ». Assis ou couché, toujours la même question : « Qui récite le nom du Bouddha ». C'est pourquoi que ce soit en marchant, en étant assis, debout, ou couché, il ne faut jamais quitter cette phrase. Si vous la quittez, vous tombez dans l'erreur, que signifie cette phrase ? « Qui récite le nom du Bouddha ? ».

Il faut commencer par méditer cette phrase. Quand vous pratiquez la méditation, vous courbez la langue et vous la mettez au palais, si vous avez beaucoup de salive, avalez-la c'est de « l'eau bénite bienfaisante ». Pourquoi ? Si vous pratiquez la méditation pendant longtemps, votre salive a un goût sucré, pas comme du sucre, ou du miel mais un goût légèrement sucré. Celui qui avale souvent cette « eau bénite » ne sent pas la faim même sans manger, ni la soif sans boire, au point de ne plus se rendre compte s'il est en train de marcher, de rester debout, ou de s'asseoir, ou de se coucher ; car à force d'exercer, sa pratique s'est durcie en un bloc, il a atteint le Samadhi.

Cette eau bénite est bienfaisante car elle guérit toutes les maladies, fortifie le corps, ouvre la sagesse mais pour cela il faut pratiquer régulièrement sans interruption. Pourquoi un pratiquant bouddhiste n'aime pas beaucoup parler ? Car il pratique toujours sans s'interrompre même en coupant du bois ou en portant de l'eau, ou accomplissant quelque tâche. Quand on pratique jusqu'à la perfection, on atteint le

Samadhi. Une fois entré dans le Samadhi, inconsciemment, on pratique même sans penser à pratiquer, sans penser à se poser : « Qui récite le nom du Bouddha », on se la pose automatiquement. On pratique d'une façon continue à tel point que ni la pluie ni le vent ne puissent s'infiltrer.

Evidemment, pour arriver à ce niveau il ne s'agit pas de pratiquer un jour ou deux mais il faut de longues années de pratiques régulières et assidues.

Cette « eau bénite » est encore appelée « l'eau de maison » (en chinois). Si on fusionne ces trois mots, on obtient le mot : médicament. C'est un remède qui permet de rallonger l'espérance de vie, de ressusciter les morts, de sauver les gens du cycle tournant des six chemins. Cette eau, tout le monde en possède mais personne ne sait s'en servir.



Oubliant la racine, on part à la recherche du sommet, parcourant à l'Est puis à l'Ouest à la poursuite du superficiel alors que ce remède existe en soi naturellement. Celui qui pratique régulièrement, sa salive est sucrée, même plus sucrée que le sucre ou le

miel, au moment où cette salive devient efficace, son corps se transformera. Si votre pratique n'atteint pas encore la perfection vous n'en saurez rien, mais si vous avez déjà obtenu ces effets merveilleux, à aucun moment vous ne pourrez jamais vous relâcher. Pratiquez sans interruption, toujours de façon constante. IL ne s'agit pas de pêcher trois jours et suspendre le filet deux jours, un jour chaud, dix jours froids, il vous faut de la patience, de la sincérité, de la constance dans la pratique régulière pour obtenir de bons résultats.

Pratiquer la course nous aide à stimuler l'esprit, à avancer plus rapidement, « soyez intelligent comme le dragon, puissant comme le tigre ». Dans le Samadhi (la contemplation), soyez comme « le dragon se levant et le tigre se couchant » ; sorti de la contemplation,

réveillez-vous ! Ne soyez pas indolent, nonchalant, comme quelqu'un qui ne s'est pas réveillé du sommeil. Pratiquer la course c'est une activité en vue d'activer la circulation sanguine.

Autrefois, Bodhidharma, notre vingt huitième Patriarche, enseignait aux moines de la pagode Shao Lin, la pratique de la méditation. A la sortie de la méditation, il leur apprenait l'art martial car son objectif était d'activer le système nerveux et régulariser la circulation sanguine.

Si vous voulez réussir dans la pratique de la méditation, tout d'abord, vous devriez anéantir vos six espèces de pensées contradictoires. Pourquoi sont-elles contradictoires ? Car d'une part, vous voulez vous éveiller, éveiller votre sagesse, et d'autre part, vous ne voulez rien changer de vos habitudes : toujours la cupidité, la rivalité, les désirs, l'égoïsme, l'intéressement, le mensonge, aussi jamais vous ne parviendrez au but. Car ces six pensées contradictoires s'opposent à l'éveil, c'est pourquoi vous devriez observer solidement vos six idées maîtresses du Bouddha, à ce moment-là, vous pourrez mettre en pièces votre ignorance. Pratiquer la méditation c'est mettre en pièces l'ignorance. L'ignorance c'est l'incompréhension. Et la source de l'ignorance c'est le désir passionné. C'est pourquoi un pratiquant de la méditation doit éliminer tout désir passionné. Si vous n'arrivez pas à les éliminer, vous n'aurez pas besoin de pratiquer la méditation, vous n'y arriverez jamais, ceci est le point crucial, souvenez-vous en !

TOUTE PATIENCE PEUT ETRE SUPPORTEE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

D'abord nous vous souhaitons une nouvelle année pleine de bonheurs !

Je voulais venir ici très tôt, mais à la pagode Kim Son il y avait la cérémonie d'inauguration, en plus, beaucoup de fidèles voulaient me voir, j'avais de la visite tous les jours c'est la raison de mon arrivée tardive. En pleine occupation, profitant d'un moment de libre, je me suis sauvé. Alors, me voilà (à Seattle) mais demain matin, je partirai au Canada, puis Ottawa, puis de Ottawa je partirai pour Calgary. Lundi je débarquerai en Vancouver, plus exactement à l'université Vru Kim Thi, où j'ai été invité à donner des conférences.

Ici, j'ai constaté que vous pratiquez la récitation du nom du Bouddha et la

prosternation d'un cœur absolument sincère, en plus vous vous levez de très bonne heure pour pratiquer. Aussi, je vous en félicite. Néanmoins, je voudrais ajouter ceci : « quand vous pratiquez des prosternations, des pénitences, des prières, vous avez absolument bien pratiqué, pourvu que toutes ces pratiques puissent apaiser votre colère ». Car vous souffrez si vous vous mettez en colère, par contre vous retrouverez le bonheur si vous n'êtes pas coléreux. Si vous êtes nerveux, vous vous affligez au contraire si vous n'êtes pas exaspéré, vous retrouverez la gaieté.

La colère est notre plus grand ennemi dangereux, source de toutes les maladies. Pourquoi ? Car la colère bloque toutes nos activités, n'apporte que des inconvénients. Pourquoi ? Car celui qui est paisible se porte à merveille grâce à son caractère jovial. Personne ne remarque ce point, mais tout le monde pense que le fait de donner libre cours à la colère contribue à la réussite dans toutes les activités. Mais en réalité, une bonne activité, accompagnée de la colère peut tourner en catastrophe. C'est pourquoi, il est important de ne pas se mettre en colère ainsi on éloignera toute affliction. Celui qui pratique le Bouddhadharma doit être très patient devant les insultes des autres, restez calme, considérez comme s'ils sont en train de chanter, ou comme s'ils parlent une langue



étrangère que vous ne comprenez pas. Comme je n'insulte jamais, alors quand on m'insulte je n'y comprends rien non plus. D'ailleurs, en m'insultant, ils apportent de l'engrais rendant plus fertile mon champs de bénédictions. C'est pourquoi, nous qui pratiquons le Bouddhadharma, nous devrions forger notre patience pour suivre la voie. Même si on n'arrive pas à supporter, on supporte quand même, car si on ne supporte pas, on est affligé. Si on arrive à surmonter la colère, on acceptera toutes les situations. A ce stade, vous auriez pénétré le Bouddhadharma, par contre si vous êtes impatient, vous ne supportez pas les insultes des autres, vous n'auriez pas compris le Bouddhadharma. C'est pourquoi, nous ne devrions pas « créer des afflictions, des doutes ». Jamais d'afflictions, ni de doutes dans notre esprit. Occupez-vous de vous-même, pas des autres.

Reconnaissons notre faute, n'en discutons pas. « Soyons calme, serein, la sagesse apparaît ». Soyez toujours paisible, calme, votre sagesse apparaît naturellement.

« Si votre sagesse brille, tout paraît clair dans votre esprit, rien ne serait difficile », « La clarté de l'esprit surgit, plus d'afflictions ». Celui qui possède la clarté de l'esprit ne connaît pas la tristesse. La lumière du Bouddha brille partout ne laissant nulle place. Ainsi disent les phrases suivantes :

*"L'esprit paisible comme la lune dans l'eau,
La pensée pure comme le ciel sans nuage,
La conscience tranquille, d'innombrables accidents
disparaissent,
La pensée pure, tout est bon".*

Si votre conscience est souillée comme l'eau trouble, comment la lumière du Bouddha peut-elle vous éclairer ? Tout comme la lune ne peut pas apparaître dans l'eau trouble. Si votre conscience est paisible, tranquille, votre nature du Bouddha apparaît naturellement, de même quand l'eau est limpide, la lune apparaît.

« La pensée pure, le ciel sans nuage ». Votre pensée est pure comme le ciel sans nuage. Pourquoi la lumière du Bouddha ne nous éclaire pas ? Car « La tristesse, la colère, la haine troublent notre esprit ». Vous êtes submergé par la tristesse, les afflictions, la haine, la colère, enfin toutes sortes de sentiments, tout cela rend votre conscience obscure. Résultat, pas de sagesse. Ceux d'entre nous qui n'ont pas d'afflictions donc pas de colère, ils vont sûrement obtenir la grande sagesse, ouvrir l'immense sagesse.

Quand vous apprenez le Bouddhadharma, vous n'avez pas besoin d'apprendre beaucoup, mais si vous arrivez à maîtriser votre colère, votre haine vous apprenez vraiment le Bouddhadharma.

C'est pourquoi on dit :

*"Tout se passe favorablement,
merveilleusement
Si la colère se présente, tout est obstrué
Si vraiment on pratique la patience
On obtiendra des trésors inestimables
Et si on éloigne la haine
Tout se passe selon votre volonté
Toute affliction disparaît
Comment le mauvais Karma peut il exister
Ne remarquant plus les fautes d'autrui
Nos malheurs disparaissent".*

Si on subit les malheurs, les malheurs s'épuisent. Si on jouit des bonheurs, les bonheurs s'épuisent. C'est simple et c'est réel. Si on comprend ce principe, on comprend le Bouddhadharma, on n'a pas besoin d'aller loin, tout se passe devant nous quotidiennement. C'est nous qui devons maîtriser toute situation, sinon c'est elle qui nous maîtrise, soyons toujours calmes, sereins, tout à fait clairs. Ainsi on comprendra mieux le Bouddhadharma.

BOUDDHA GUERIT UN BHIKSU ACCABLE DE CHAGRIN D'AMOUR

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

"Regardez cette beauté féminine..."

Cette phrase Bouddha l'a enseignée à Veluvana à propos de la belle Sirimā. Sirimā était le nom d'une prostituée de la haute société demeurant à la demeure royale Radjagriha. En cette saison de pluie, sans faire exprès, elle a blessé Mme Uttarā – une pratiquante bouddhiste, épouse de Mr Sumana, fils d'un grand bourgeois et sœur de Punnaka grand fortuné aussi. Pour réparer sa faute, Sirimā se rendit chez Mme Uttarā juste au moment où Bouddha et la Sangha étaient présents. Quand Bouddha a fini son déjeuner,

elle se présenta devant lui et demanda à se confesser. Bouddha, Honoré Suprême aux dix puissances, cita le verset suivant :

- Prenons la non-colère pour vaincre la colère
- Prenons le bien pour vaincre le mal
- Prenons le don pour vaincre la cupidité
- Prenons le vrai pour vaincre le faux.

A la fin du verset, Sirimā obtint le fruit Srotappana (état de sainteté) (ici c'est le résumé de l'histoire faisant partie du « Recueil de connaissances ». Ce verset est situé dans le paragraphe intitulé : La colère).

Ensuite, elle a invité Bouddha à déjeuner chez elle, et lui fit beaucoup d'offrandes. A partir de ce jour, régulièrement tous les jours elle invitait chez elle Bouddha et ses disciples et offrait huit parts de nourriture. Elle remplissait de beurre et de lait le bol d'un Bhiksu suffisamment pour trois ou quatre Bhiksus, elle offrait en plus à chacun seize sapèques. Un d'entre eux, après avoir déjeuné chez elle, sur le chemin de retour, passait dans un monastère situé à trois lieues de là. Les Bhiksus dans le monastère l'entourèrent et lui demandèrent d'où il venait et où il avait déjeuné. Celui-ci sincèrement leur a tout raconté en détail. Par exemple comment étaient des offrandes, des plats délicieux, une part de nourriture assez suffisante pour trois ou quatre personnes, d'autant plus que la donatrice était charmante, plus on la regardait plus on la trouvait belle.

Parmi les Bhiksus, il y en avait un qui ayant entendu tous ces compliments, se mit à l'aimer, voulut absolument la voir. Ayant obtenu son adresse, le lendemain, à l'aube, il se rendit dans la salle où on distribuait les tickets de déjeuner, se passant pour le patriarche d'un groupe de fidèles, il a reçu un ticket pour un repas. La veille du jour d'offrandes des repas c'est-à-dire précisément le jour où le premier Bhiksu, après avoir déjeuné chez elle, leur avait rendu visite, Sirimā tomba malade, elle a enlevé tous ses bijoux, se reposait dans sa chambre, quand les Bhiksus

venaient recevoir les offrandes, ne pouvant se lever pour s'occuper elle-même de ses offrandes, elle chargea ses domestiques de le faire à sa place sans oublier de leur recommander de ne rien négliger ; quand tout fut terminé, elles l'aidèrent à sortir pour qu'elle puisse se prosterner devant les Bhiksus. Se présentant devant les Bhiksus, elle s'apprêta à se prosterner, elle trembla de tout son corps. Le Bhiksu en question, la voyant ainsi, se sentit complètement perdu. Il n'en croyait pas ses yeux, même malade, elle était déjà si belle, si elle était en bonne forme, parée de bijoux, maquillée, elle serait sûrement resplendissante, je me demande jusqu'où irait sa beauté.

A partir de ce jour, sa passion accumulée depuis des millions d'années se réveilla dans son cœur. Ne se souciant plus de son entourage, perdant l'appétit, il n'eut plus aucune envie de manger, il rentra au monastère, rangea son bol d'aumône, enleva sa robe et se coucha. Même si ses Bhiksus compagnons insistaient, il n'arriva pas à avaler un petit morceau.

Cette nuit même Sirimā décéda.

Ayant appris la nouvelle, Bouddha demanda au roi de garder le corps dans le crématorium, de ne pas l'incinérer tout de suite et de le surveiller pour empêcher les chiens et les corbeaux qui viendront le manger. Les jours passèrent, au quatrième jour le corps de Sirimā commença à se gonfler et se décomposer en un tas de chair puante, des neuf orifices sortirent des petits vers, semblables à une marmite de riz fendue. Le roi fit battre le tambour, ordonna le public de venir regarder le corps de Sirimā, celui qui ne

viendrait pas paierait une amende de huit sapèques. Bouddha accompagné du Sangha s'y rendait aussi.

A ce moment, l'amoureux passionné Bhiksu qui, ne tenant aucunement compte des conseils de ses compagnons de la Voie, avait refusé toute nourriture depuis quatre jours. Son bol à aumônes moisissait et le riz était pourri. Il s'alitait depuis plusieurs jours.



Mais lorsqu'il apprit que Bouddha s'apprêta à aller voir la dépouille de Sirimā, il se releva tout de suite. Et quand on lui demanda s'il voulait venir, il répondit sans hésitation « Bien sûr que je viens ». Il jeta le riz pourri, lava son bol, le rangea dans le panier et sortit. Bouddha et les Bhiksus se tenaient à côté du corps. Les Bhiksunis et les suites du roi, ainsi que les fidèles pratiquants se tenaient à l'autre côté.

Bouddha, Honoré Suprême, demanda au roi :

- Majesté, qui est cette femme ?
 - Seigneur Honoré Suprême, c'est Sirimā, sœur de Jivaka
 - C'est Sirimā ?
 - Absolument Seigneur Honoré Suprême
 - Alors voulez-vous faire battre le tambour dans toute la ville et annoncez au public : celui qui paiera mille sapèques sera propriétaire de ce corps.
- L'annonce fut diffusée, aucune réponse.

Bouddha dit au roi de baisser le prix : de cinq cents à dix, de dix à un centime, de un centime à un demi centime, à un quart de centime, puis un huitième de centime, personne ne le voulait même sans rien payer. Bouddha, profitant de la situation, donna tout de suite une leçon :

"Messieurs les Bhiksus ! Vous voyez bien la valeur d'une femme aux yeux du public. Dans cette ville, quelque temps auparavant il y en avait qui osaient payer mille sapèques pour avoir l'honneur de passer une nuit avec cette femme. Mais maintenant, personne ne la veut plus même sans rien payer, car sa beauté est fanée, éteinte. Regardez Messieurs les Bhiksus, ce cadavre est pourri et puant".

Bouddha cita quelques vers dans le Dharmapada :

*"Considérez la beauté féminine
Comme un sac rempli de blessures
De maladies, d'afflictions
Rien de permanent, d'éternel".*

LES QUATRE FILS

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Bouddha Amitabha à la terre de Félicité de l'ouest avait formulé le vœu de sauver tous les êtres vivants hors de la mer des souffrances. Il suffit qu'on veuille s'y rendre, il nous accueillera certainement car il est doué d'une immense puissance inimaginable, inexplicable.

Il y a plus de deux mille ans, à l'époque où Bouddha Sakyamuni prêchait le Bouddhadharma en ce monde vivait une fidèle pratiquante, extrêmement croyante et sincère, elle témoignait beaucoup de respect envers le Tathagata. Tous les matins, elle ne manquait jamais ni ne tardait d'aller rendre visite à Bouddha.

Un jour, elle invitait Bouddha à prendre repas chez elle. Connaissant son intention, Bouddha lui demanda :

- Vous offrez un repas à Bouddha espérant quelles bénédictions de la part du Bouddha ? Respectueusement la fidèle pratiquante répondit :
- Avec vos bénédictions, je vous prie de bien vouloir m'accorder quatre fils
- Pourquoi quatre fils ? demanda le Bouddha plein de miséricorde
- Votre Seigneur Honoré Suprême, si j'avais quatre fils, lorsqu'ils seront grands, le premier ferait du commerce, il aurait beaucoup d'argent, le deuxième serait cultivateur, tous les ans il récolterait beaucoup de céréales, le troisième ferait de hautes études, serait un grand mandarin pour faire honneur à la famille, et le quatrième se convertirait, suivrait la voie du Bouddha, il serait éveillé et sauverait ses parents ainsi que tous les êtres vivants. Ainsi je serais absolument satisfaite.

Ayant entendu ses vœux, Bouddha lui dit :

- Bien, j'accepte vos requêtes, vos souhaits seront exaucés.

Remplie de joie, la fidèle pratiquante fit beaucoup d'offrandes à Bouddha. Quelque temps après, elle fut enceinte et donna naissance à un garçon extrêmement intelligent et vif, incomparable par rapport aux autres garçons ordinaires, ses parents le chérissaient, le considéraient comme une perle.

Au fil des années, le petit garçon grandit, il n'avait pas d'autres petits frères comme avait souhaité sa mère. Par conséquent, sa mère au lieu de partager son amour maternel au quatre, déversa tout sur ce fils unique.

Un jour, elle raconta à son fils comment elle avait fait offrande à Bouddha, comment elle avait formulé ses vœux, et pourquoi elle avait souhaité quatre fils. Le petit garçon avait enregistré toutes les paroles de sa mère. Il commença d'abord à faire l'étude de commerces.

Comme il était très intelligent, en moins d'un an il s'enrichit, fit fortune, ses parents en furent très satisfaits. Ensuite, abandonnant le commerce, il se lança dans l'agriculture. Etant très laborieux, prenant la peine de labourer, d'arroser, en très peu de temps, le niveau des rendements obtenus fut si élevé que tous les villageois avoisinants n'arrêtèrent pas de le féliciter. Possédant la fortune, des céréales en abondance, ses parents devinrent de grands bourgeois notables dans le village. Des quatre vœux de sa mère, il en avait réalisé deux. Maintenant, il allait accomplir son troisième, celui d'avoir un fils mandarin pour faire honneur à la famille. Doué de talent, le fait de se procurer un titre de mandarin ne lui posait aucun problème ; son poste de mandarin apportait davantage de richesse et honneur à la famille. La famille était comblée, plus aucun souci. Et pourtant, il restait encore un quatrième grand vœu qui lui tenait à cœur et qu'il n'a pas encore réalisé. Après avoir passé un an dans le mandarinat, un jour il disait respectueusement à sa mère : « J'ai réalisé trois de vos quatre souhaits, il reste le quatrième, si je le réaliserai, vous en seriez heureuse ? N'est-ce pas ? Alors avec votre permission, je vous demande de me laisser convertir ».

Connaissant la volonté de son fils qui était aussi la sienne, sa mère en fut ravie ; d'un cyur léger, il s'en alla trouver Bouddha Sakyamuni et lui demanda l'autorisation de se faire moine. Grâce à la bénédiction du Bouddha et ses propres actions méritantes, ajoutée à cela sa pratique consciencieuse, en très peu de temps il obtint le fruit d'Arhaship. Ensuite, il rentra chez lui et sauva ses parents et tous ceux de sa famille. A partir de ce jour, il s'engageait définitivement dans la voie, prêchant le juste Dharma du Bouddha, sauvant ainsi énormément d'êtres vivants.



UNE PROSTERNATION TOUS LES TROIS PAS

Heng Cu et Heng Do

Présentation du moine Heng Cu

Vers la fin d'année 1973, un concours de circonstances m'a permis de réaliser un pèlerinage de prosternations. Auparavant j'avais déjà entendu l'histoire du vénérable vieux moine chinois Hur Vân qui avait réalisé un pèlerinage de prosternations à travers la Chine vers la fin du XXe siècle. Pour effectuer ce pèlerinage tous les trois pas il s'était prosterné, baissant la tête jusqu'au sol, ce faisant ainsi pendant six longues années. Résultat il avait réalisé (toujours une prosternation tous les trois pas) un trajet de trois mille lieues (plus de quatre mille huit cents kilomètres) à travers toute la Chine. Pendant le voyage, combien d'obstacles difficiles il avait dû affronter, endurer des souffrances de la faim et la soif, le froid, les intempéries sans jamais se décourager. A force d'endurance, il atteignit l'état de la vacuité, autrement dit ayant anéanti toute la profusion de pensées illusives, il atteignit l'état serein, pur, lucide qu'auparavant il n'avait jamais ressenti. Ce voyage avait aussi provoqué une profonde influence parmi les gens qu'il avait rencontrés.

L'histoire de ce grand pèlerinage du vénérable

Hur Vân constituait une cause qui se développait de plus en plus en moi. Doté d'une nature aimant le risque, c'est pourquoi après avoir pratiqué plusieurs années en tant que fidèles puis moine dans un monastère bouddhique, je

sentais qu'il était temps que je me préparais à exécuter un petit exploit. A partir de ce moment, je décidais de réaliser un pèlerinage de prosternations directement sur le territoire d'Amérique.

L'histoire mondiale a enregistré beaucoup de pèlerinages. Presque tous avaient pour cause la décadence de la croyance religieuse causée par les guerres de religions, les gens cherchaient à manifester leur pensée et leur croyance religieuses. Suite à cela, certains réussissaient à obtenir la sérénité, l'éveil, ils cherchaient alors

à partager leur expérience à toute l'humanité c'est pourquoi dans le monde entier se sont réalisés d'innombrables pèlerinages : à cheval, en voiture, en autobus par groupe ou individuellement. Je pensais que le moment fut venu ; en plus ce serait une bonne occasion pour participer à la grande cause : « Prier pour la paix mondiale ». Ce serait aussi une bonne occasion qui me permettrait de progresser sur le chemin de la pratique du BouddhaDharma car pendant que mon corps se prosternerait je prierais pour la paix mondiale, je déploierais tous mes efforts pour réaliser les six paramitas (perfections) d'un Bodhisattva : le don, l'observation des préceptes, la patience, la perfection, le samadhi (la méditation), la sagesse. Plus j'y pensais plus ferme était ma résolution.

Je ne faisais part à personne de ma décision concernant ce projet car cela ne regardait personne alors à quoi bon leur faire part, même mon maître n'en était pas au courant.

Vers le début du mois d'octobre, en pleine nuit, au moment où tout le monde dormait profondément, je me préparais un sac de bagages où j'ai mis quelques livres, de la nourriture, quelques vêtements et je commençai à pratiquer des prosternations tous les trois pas, de la porte de la pagode jusqu'à la rue, puis je longeai la rue n° 15 à 10 centimètres du trottoir. A trois pas je me prosternai, posant mes deux mains et ma tête au sol. Il faisait nuit, le sol cimenté était glacial, la rue déserte, tout cela me rendait un peu bizarre.

Mon sac de bagages qui pesait environ trente pounds (plus de treize kilos et demie) me gênait énormément car chaque fois que je me prosternais, je devais le balancer devant moi, puis le ramassais quand je me relevais. Malgré cela, je pratiquais avec ardeur ces prosternations car pour moi c'était un exercice inimaginable. Je pratiquais régulièrement pour avancer rapidement et pour acquérir plus d'expériences avant que le soleil se levât.

Après avoir pratiqué quelque temps mes mouvements semblaient acquérir une certaine accoutumance mais dans mon esprit surgirent une multitude de pensées telles que : « Mon Dieu ! Dans ma vie, il m'est arrivé maintes fois d'accomplir des actes extraordinaires, inexplicables, mais cette fois-ci c'est vraiment la plus dure ».

Je continuai à me prosterner une fois tous les trois pas, au bout de la rue, je tournai à droite, je tombai sur la rue Dolores, puis je traversai la rue Market puis le parking du supermarché Safeway, puis me dirigeai vers le pont Golden Gate. A l'aube, j'arrivai au

centre du quartier Juif de la région Tenderloin. La ville semblait se réveiller subitement. Je reconnus aussi la présence des policiers de la région San-Francisco, il paraît qu'ils m'ont suivi depuis plusieurs rues déjà. J'imaginai aussi ce qu'ils étaient en train de penser à propos de ma personne.

En fin de matinée, j'arrivai au sommet de la colline Russian, beaucoup de gens m'ont vu mais personne ne m'a adressé la parole. La plupart me regardèrent curieusement, bouche bée, les yeux écarquillés. Une dame au volant d'un Chrysler blanc, me dépassant au milieu d'un carrefour, freina brusquement en criant : « Oh ! mon Dieu ».

Je m'efforçai de me concentrer, et en même temps d'écarter cette honte, et continuai à avancer vers le trottoir. A ce moment, au fond de mon cœur surgirent pêle-mêle des sentiments, des pensées éparpillées confuses, puis brusquement j'éclatai d'un petit rire honteux.

Après un maigre déjeuner avec du riz froid et des légumes cueillis au bord de la route, je continuai mes prosternations en descendant la colline Russian. Vers le soir j'arrivai dans un petit jardin public situé près de la porte d'entrée du pont Golden Gate. Jusque là j'ai pratiqué des prosternations sur un trajet de cinq lieues (environ huit kilomètres). Je me sentais exténué, je cherchai un arbre et m'appuyai dessus, je dormai tout de suite profondément d'un sommeil de quelques heures d'affilées. Au réveil, je sentais que je n'étais plus moi-même, complètement affaibli, vidé de toutes mes forces, terriblement paniqué, j'ai jamais été aussi terrifié, complètement exténué, incapable de continuer. Je jetai un regard vers le petit lac situé devant moi, où nageaient paisiblement quelques cygnes, bordé tout autour de quelques jolis buissons. Plus loin, quelques couples d'amoureux, main dans la main se promenaient au bord du lac. Oh ! à peine trente ans, j'ai déjà quitté ce monde réel ! Pourquoi me suis-je engagé dans le chemin inverse du courant de la vie normale ? Me prosterner pour la paix du monde ! Ecervelé comme moi, comment pourrais-je contribuer à apporter la paix au monde ? Ce serait insensé ! Assis ici avec un tempérament découragé, dans un costume du temps de la dynastie des D'uong, une tête rasée brillamment, je commençais à revoir ma vie se défiler. (à suivre)

Le Vénérable Chandaratana responsable de Centre Bouddhique International du Bourget est un moine Sri Lankaise depuis l'âge de dix ans.



Dès sa petite enfance, en compagnie de ses parents, il se rendait régulièrement à la pagode où il apprenait par cœur les versets du Dhammapada et les suttas participait aux cérémonies et activités du temple, et ce avant de s'engager dans la vie du Sangha. Dès cette

période de la vie de laïque, le temple l'attirait profondément, et le respect envers les moines. Il se sentait heureux dans une ambiance de Sangha et saluait les moines même loin du temple, interrompant sa distraction d'enfant chaque fois qu'il voyait un moine passer.

A l'âge de dix ans, il sollicita la permission de ses parents de s'engager dans la vie monastique. Ses parents lui ont exprimé leur encouragement, et son père lui a appris les suttas que l'on mémorise pour préparer son entrée au Sangha. Il y a fait son entrée le 10 mars 1965, dans le village Nakiyadeniya du district de Galle. Les trois premiers mois lui ont servi à l'apprentissage de la discipline des moines avant de commencer l'étape de samanera. Durant celle-ci, il a fait ses études, palie et anglais. Il est entré à l'Université de Colombo poursuivre ses études.

Sur le conseil d'amis français connus par lui au Sri

Lanka dont un spécialiste d'archéologie travaillant sur le site d'Anuradapura, il est venu en France à la

fin de l'année 1981, et y a fondé l'Association Bouddhique Internationale qui regroupe Bouddhistes et sympathisants de multiples nationalités. Le début de ses activités en France a été parsemé d'entraves et de difficultés à surmonter avec l'aide d'amis.

Les termes Bouddhiste : A définir

Agrégat : Constituant de notre être ; après l'abhidharma, il y a cinq : Forme matérielle, sensations, perception, formations karmiques et consciences.

Arhat : Être ayant atteint la libération du cycle des existences en éliminant les tendances karmiques et les émotions négatives qui le faisaient renaître dans le cercle vicieux du samsara. C'est le but auquel aspirent les pratiquants du Petit Véhicule. Pour le Grand Véhicule, il ne s'agit pas encore de l'éveil total.

Auditeur : Adeptes du Petit Véhicule, dont le but est d'atteindre la libération du samsara au niveau d'Arhat.

Bhagavan : Epithète du Bouddha, celui qui a vaincu les quatre démons, détient toutes les qualités et a dépassé aussi bien le samsara que le Nirvana.

Dharani : Formule chargée de la mémoire et de la connaissance spéciale du Dharma, qui a le pouvoir de retenir les phénomènes positifs et de dissiper les phénomènes négatifs.

✂-----

Nhận báo Phật pháp dài hạn góp phần vào truyền bá Phật pháp

Je souhaite recevoir la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

1 năm / 1 an 20 €

2 năm / 2 ans 40 €

3 năm / 3 ans 60 €

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

Enfin, il découvrit le moyen de mettre fin à toute souffrance. Si une personne pouvait voir la vérité clairement comme lui-même l'avait vue cette nuit, elle n'aurait plus de cupidité plus de haine dans l'esprit. Elle ne ferait plus rien pour causer du mal à quiconque. Ainsi, elle n'aurait plus de chagrin. Plus de haine, son coeur se remplirait d'amour. Et cet amour lui apporterait paix et bonheur.

Quand Siddhârta a vu tout ceci, même le dernier atome d'obscurité disparut de son esprit. Il fut couvert par une claire lumière rayonnante. Il n'était plus une personne ordinaire. Il était devenu entièrement illuminé par la vérité. Il était maintenant un Bouddha. Il a atteint son but !

Avec un sourire calme et paisible sur les lèvres, il se leva de sa méditation. C'était un matin et le soleil se levait à l'est.

ENSEIGNER A QUI ?

Toute la nature se réjouissait en ce matin glorieux. Des fleurs fraîches fleurissaient partout envoyant leur doux parfum dans l'air. Les oiseaux chantaient joyeusement et les créatures oublièrent leur peur. L'arc-en-ciel et les nuages magnifiquement colorés apparaissaient dans le ciel et les gens s'émerveillaient d'avoir de pareilles vues merveilleuses.

Le Bouddha lui-même fut rempli d'un immense bonheur. Son esprit, libre de toute obscurité et tristesse, fut inondé d'une joie infinie. Durant des jours et des semaines, il restait près de l'arbre de l'Illumination jouissant de la félicité et du bonheur que lui seul, connaissait, en tant que Bouddha.

Ensuite, il se dit : "C'était si difficile pour moi d'atteindre la fin de la souffrance et de devenir un Bouddha. J'ai dû pratiquer si durement pendant longtemps. Quand je vois que les gens sont aveugles et ignorants, je me demande s'il y en aura un qui puisse comprendre les vérités que j'ai découvertes. Comment pourrais-je les enseigner ? Peut-être il vaut mieux que je vive le reste de ma vie dans les forêts afin de jouir du bonheur d'être moi-même un Bouddha."

Ensuite, il entendit une voix intérieure qui dit : "Ne nous oubliez pas, s'il vous plaît ! Nous sommes les êtres souffrants du monde. Nous avons attendu ce moment depuis votre naissance et même auparavant. Nous avons espéré et prié plusieurs années que vous quitteriez la vie princière et découvririez le moyen de mettre fin à toute souffrance. Maintenant que vous avez trouvé cette voie, enseignez-nous- la s'il vous plaît. Contrairement à vous, nous souffrons encore."

Mais une autre pensée se souleva dans l'esprit du Bouddha : "Qui sera capable de suivre les enseignements que je vais donner ? Qui en sera assez fort et courageux ?"

Et surgit une voix intérieure : "Il est vrai que nos esprits sont troublés par l'ignorance, O Bouddha. Mais pour la plupart des gens, cette ignorance n'était pas aussi épaisse. Ils seraient capables de vous comprendre. Dans leur intérêt, veuillez-nous enseigner la vraie voie !"

Et le Bouddha sourit et dit : "Bien sûr, bien sûr, j'enseignerai. La seule raison pour laquelle j'ai quitté la vie princière était de trouver un moyen pour aider les autres. Maintenant que je suis devenu un Bouddha, je devrai faire tout ce que je pourrai."

"Mais même un Bouddha ne peut pas enlever les souffrances des autres si ceux-ci ne font aucun effort pour s'en sortir. Les gens doivent avoir la volonté de se guérir pour que le médecin puisse les guérir. De la même manière, ils doivent vouloir entendre les enseignements de la vérité avant que quiconque puisse les aider. Celui qui vient vers moi avec un esprit ouvert, trouvera que je suis prêt à lui enseigner en toutes circonstances."

Ensuite, il réfléchissait : "Qui, parmi tous les êtres humains dans le monde, devrais-je enseigner en premier ? Qui est-ce qui est prêt à m'écouter ?" Il se souvint d'Arada et d'Udaka, les deux maîtres qu'il avait rencontrés il y a six ans. "Ils seraient les mieux placés pour étudier, mais ils étaient morts et avaient déjà quitté ce monde."

(À suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
pagodekimquang@yahoo.fr



◆ Một niệm lành, trời đất kiết tường. Một niệm ác, trời đất cuồng phong bão táp. Do đó nước nào dân chúng lương thiện, biết giữ ngũ giới, tu thập thiện, thì nước ấy chẳng có việc gì (hung hiểm).

◆ Không tranh, không tham, không truy cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối: Đây là phương pháp tu hành hữu hiệu nhất.

◆ Người xưa nói: Bậc quân tử có năng lực cải tạo vận mạng. Người có đạo đức, bậc chính nhân quân tử thì có thể sửa đổi cuộc đời của họ, nhả ra khỏi vòng số mạng. Vì sao có chuyện bất hạnh, chẳng lành? Là vì trong tâm mình có ý nghĩ xấu ác, chẳng lành. Một khi đã gieo xuống hạt giống xấu ác, thì đương nhiên sẽ gặt quả báo xấu ác. Nếu mình biết sửa lỗi, làm lành thì sẽ gặp chuyện tốt, tránh hẳn việc xấu.

◆ Une bonne pensée est une augure favorable à tout le monde ; une mauvaise pensée provoque tempête et ouragan. Pour cette raison, un pays peuplé de gens honnêtes qui observent les cinq interdictions, qui pratiquent les dix bonnes actions (ne pas tuer mais sauver les êtres vivants, pratiquer la charité, éviter le luxe, prêcher l'amour entre les hommes, prononcer des paroles apaisantes, ne pas mentir, éviter la vulgarité, la cupidité, être serein en toutes occasions, garder sa sagesse d'esprit) ne risque pas d'avoir des calamités.

◆ Ne pas rivaliser, ne pas être cupide, ne pas solliciter, ne pas être égoïste, intéressé, ne pas mentir ; tout ceci constitue la manière la plus efficace de pratiquer la vertu.

◆ L'honnête homme, disaient les anciens, est celui qui a le pouvoir de changer son destin. Pour quelle raison un malheur est-il arrivé ? Parce qu'on nourrit une pensée mauvaise, malfaisante. Quand on sème une mauvaise semence, on récolte un effet correspondant. Si on corrige sa faute, on fait une acte bonne action, un jour ou l'autre, de bonnes choses nous arriveront.

Hoà Thượng Tuyên Hoá/Le Vénérable maître Hsuan Hua